

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ



ĐỀ ÁN ĐÀO TẠO TỪ XA
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
MÃ NGÀNH: 7480201
LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: TỪ XA

Hải Phòng - 2026

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	i
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	iii
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	iv
PHẦN 1. ĐỀ ÁN ĐÀO TẠO TỪ XA TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	1
1. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO.....	1
1.1. Giới thiệu về Trường Đại học Sao Đỏ.....	1
1.2. Giới thiệu về Khoa Công nghệ thông tin.....	8
2. SỰ CẦN THIẾT ĐỀ XUẤT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN ĐÀO TẠO TỪ XA NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (MÃ NGÀNH 7480201) TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC	11
2.1. Sự phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực ngành Công nghệ thông tin	11
2.2. Sự cần thiết từ nhu cầu xã hội và thị trường lao động	12
2.3. Sự phù hợp với sứ mạng và chiến lược phát triển của Nhà trường	13
3. ĐIỀU KIỆN VỀ ĐÀO TẠO TỪ XA TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	15
3.1. Căn cứ pháp lý xây dựng chương trình đào tạo	15
3.2. Chương trình đào tạo tham khảo.....	16
3.4. Kế hoạch thực hiện chương trình đào tạo.....	34
3.5. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo.....	37
3.6. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo	38
4. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH CHUẨN BỊ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU THỰC HIỆN ĐÀO TẠO TỪ XA TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN.	41
4.1. Mô tả tổng quan hệ thống đào tạo từ xa	41
4.2. Quy chế đào tạo từ xa của Trường Đại học Sao Đỏ.....	41
4.3. Các điều kiện cần đảm bảo.....	43
4.5. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học tham gia thực hiện CTĐT	44
4.6. Các công trình khoa học của đội ngũ giảng viên, nhà khoa học.....	48
4.5. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên.....	89
5. ĐIỀU KIỆN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT ĐÀO TẠO TỪ XA NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	89
5.1. Công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đào tạo	89
5.2. Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo	95

6. ĐIỀU KIỆN VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ ĐÀO TẠO TỪ XA TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN.....	115
6.1. Đơn vị chuyên môn quản lý đào tạo.....	115
6.2. Tổ phụ trách hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin.....	115
6.3. Cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở.....	116
7. PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP ĐỀ PHÒNG, NGĂN NGỪA, XỬ LÝ RỦI RO	116
7.1. Bối cảnh triển khai các hoạt động của Nhà trường.....	116
7.2. Dự báo các rủi ro và các giải pháp xử lý rủi ro khi mở ngành.....	118
7.3. Giải pháp và phương án ngăn ngừa xử lý rủi ro trong trường hợp bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo.....	120
8. TỰ ĐÁNH GIÁ.....	Error! Bookmark not defined.

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Viết tắt	Viết đầy đủ
1.	BGDĐT	: Bộ Giáo dục và Đào tạo
2.	CĐR	: Chuẩn đầu ra
3.	CLGD	: Chất lượng giáo dục
4.	CNKT	: Công nghệ kỹ thuật
5.	CNTT	: Công nghệ thông tin
6.	CSVC	: Cơ sở vật chất
7.	CTĐT	: Chương trình đào tạo
8.	ĐBCL	: Đảm bảo chất lượng
9.	ĐHSD	: Đại học Sao Đỏ
10.	ĐTTX	: Đào tạo từ xa
11.	GDĐC	: Giáo dục đại cương
12.	GV	: Giảng viên
13.	NCKH	: Nghiên cứu khoa học
14.	NH	: Người học
15.	TLGD	: Triết lý giáo dục
16.	THCS	: Trung học cơ sở
17.	THPT	: Trung học phổ thông

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. Các cơ sở đào tạo có CTĐT đã tham khảo	16
Bảng 2. Kế hoạch đào tạo và phân công giảng viên giảng dạy đào tạo từ xa trình độ đại học ngành CNTT.....	34
Bảng 3. Cách quy đổi điểm học phần	38
Bảng 4. Danh sách GV, nhà khoa học tham gia giảng dạy các HP trong CTĐT từ xa ngành Công nghệ thông tin.....	44
Bảng 5. Danh sách các công trình đề tài 5 năm gần nhất của đội ngũ GV, nhà khoa học	48
Bảng 6. Danh sách các công trình bài báo, sách chuyên khảo 5 năm gần nhất của đội ngũ GV, nhà khoa học.....	68
Bảng 7. Danh mục hạ tầng kỹ thuật trong quản lý đào tạo từ xa	89
Bảng 8. Phòng học và trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy đào tạo từ xa	90
Bảng 9. Hệ thống phần mềm đào tạo từ xa và quản lý đào tạo.....	92
Bảng 10. Trang thiết bị phòng thực hành ngoại ngữ phục vụ giảng dạy	93
Bảng 11. Trang thiết bị phòng thí nghiệm và hệ thống thiết bị thí nghiệm chính.....	94
Bảng 12. Trang thiết bị tại phòng đọc điện tử thư viện.....	96
Bảng 13. Thống kê các giáo trình/sách tham khảo để sử dụng/tham khảo cho các học phần ngành Công nghệ thông tin.....	96
Bảng 14. Danh sách bộ học liệu điện tử dùng cho chương trình đào tạo từ xa trình độ đại học ngành CNTT.....	114
Bảng 15. Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với chương trình ĐTTX ngành CNTT dự kiến	116

Hải Phòng, ngày tháng 3 năm 2026

PHẦN 1. ĐỀ ÁN ĐÀO TẠO TỪ XA TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

1. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về Trường Đại học Sao Đỏ

1.1.1. *Khái quát về lịch sử phát triển, triết lý giáo dục, sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi*

Trường Đại học Sao Đỏ là cơ sở giáo dục đại học công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trực thuộc Bộ Công Thương. Trường chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Bộ Công Thương; quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo; chịu sự chỉ đạo về các lĩnh vực nghiệp vụ của các bộ, ngành có liên quan và chịu sự quản lý nhà nước theo địa giới hành chính của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng. Trường được thành lập theo Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 24/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Công nghiệp Sao Đỏ. Nhà trường đã có 57 năm truyền thống xây dựng và phát triển với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định theo Quyết định số 2382/QĐ-BCT ngày 08/9/2020 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sao Đỏ của Bộ trưởng Bộ Công Thương, cụ thể như sau:

1.1.1.1. *Vị trí, chức năng*

- Trường có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực các trình độ của giáo dục đại học theo quy định của pháp luật; hợp tác quốc tế; hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ theo quy định; nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Trường là đơn vị sự nghiệp có thu, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng tại kho bạc nhà nước và ngân hàng theo quy định của pháp luật.

- Trường có tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh: SAO DO UNIVERSITY (viết tắt là SDU); trụ sở chính đặt tại Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Chu Văn An, TP. Hải Phòng.

1.1.1.2. *Nhiệm vụ và quyền hạn của Trường*

a. Tổ chức và nhân sự

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển Nhà trường qua từng giai đoạn, kế hoạch hoạt động hàng năm;

- Tuyển dụng, quản lý, xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định của pháp luật;

- Thành lập các đơn vị trực thuộc theo cơ cấu tổ chức đã được Bộ Công Thương phê duyệt; bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo và quyết định các vấn đề về cán bộ theo quy định pháp luật và phân cấp của Bộ Công Thương;

- Tiếp nhận, luân chuyển, nâng lương, nghỉ chế độ, khen thưởng, kỷ luật, cử đi học, đi công tác trong và ngoài nước đối với viên chức, người lao động trong trường theo quy định pháp luật và quy định của Bộ Công Thương;

- Đảm bảo quyền lợi và lợi ích hợp pháp của giảng viên, nhân viên, cán bộ quản lý và người học.

b. Hoạt động giáo dục, đào tạo và quản lý người học

- Phát triển chương trình đào tạo theo mục tiêu xác định; bảo đảm sự liên thông giữa các chương trình đào tạo; nhập khẩu các chương trình đào tạo quốc tế theo quy định;

- Triển khai hoạt động đào tạo theo kế hoạch phù hợp với quy mô và hình thức đào tạo;

- Tổ chức tuyển sinh, đào tạo, bồi dưỡng các trình độ đào tạo của giáo dục đại học và các trình độ đào tạo khác sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức biên soạn, thẩm định, phát hành sách, tài liệu phục vụ công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu;

- Thiết kế mẫu, in phôi, cấp phát văn bằng cho người học và quản lý văn bằng, chứng chỉ phù hợp với quy định của pháp luật. Công bố công khai mẫu văn bằng, thông tin liên quan đến việc cấp văn bằng cho người học trên trang thông tin điện tử của nhà trường;

- Thực hiện các chế độ, chính sách, chương trình, kế hoạch giáo dục và quản lý sinh viên; phối hợp với các cơ quan, tổ chức và gia đình người học thực hiện các biện pháp quản lý và giáo dục nhằm đáp ứng mục tiêu giáo dục toàn diện.

c. Hoạt động đảm bảo chất lượng

- Tự đánh giá, cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo; xây dựng và phát triển hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục phù hợp với sứ mạng, mục tiêu và điều kiện thực tế của nhà trường; định kỳ đăng ký kiểm định chương trình đào tạo và kiểm định cơ sở giáo dục đại học; chịu sự kiểm định chất lượng của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục;

- Duy trì và phát triển các điều kiện đảm bảo chất lượng; công bố công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo, kết quả đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, kết quả đánh giá và kiểm định.

d. Hoạt động khoa học và công nghệ

- Triển khai hoạt động khoa học và công nghệ theo kế hoạch, chiến lược dài hạn, trung hạn và ngắn hạn;

- Huy động các nguồn lực, tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thực nghiệm, đặt hàng của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định pháp luật;

- Công bố kết quả hoạt động khoa học và công nghệ; được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tập thể, cá nhân trong hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định pháp luật;

- Tổ chức, tham gia hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế về giáo dục, khoa học công nghệ theo quy định.

e. Hợp tác đào tạo trong và ngoài nước

- Hợp tác liên doanh, liên kết, huy động các nguồn lực, nhận tài trợ, góp vốn với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao theo quy định pháp luật;

- Hợp tác với các tổ chức, cá nhân, cơ sở giáo dục nước ngoài để: trao đổi giảng viên, sinh viên phục vụ quá trình giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học, công nghệ; liên kết, liên thông dọc, ngang và công nhận lẫn nhau về kết quả đào tạo với một số cơ sở giáo dục nước ngoài theo thỏa thuận của hai bên, phù hợp với quy định pháp luật;

- Liên kết đào tạo trình độ đại học theo hình thức vừa làm vừa học với cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng, trường trung cấp, trung tâm giáo dục thường xuyên, trường đào tạo, bồi dưỡng của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội theo quy định của pháp luật;

- Phối hợp với doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động trong việc sử dụng chuyên gia, cơ sở vật chất, trang thiết bị để tổ chức đào tạo thực hành, thực tập nhằm nâng cao kỹ năng thực hành, thực tập và tăng cơ hội việc làm của sinh viên theo quy định;

- Cung cấp các chương trình giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học, tổ chức đào tạo liên thông giữa các trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học, đào tạo chuyển tiếp cho trường đại học khác theo nhu cầu địa phương theo quy định pháp luật và cơ quan có thẩm quyền;

- Tư vấn nghề nghiệp, giới thiệu việc làm, đào tạo phục vụ xuất khẩu lao động, tổ chức trải nghiệm trong nước và nước ngoài cho người học theo quy định của pháp luật.

g. Quản lý tài chính và tài sản

- Thực hiện chế độ tài chính, kế toán theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ Công Thương;

- Ban hành các quy định, quy chế quản lý nội bộ; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và chịu sự kiểm tra, thanh tra của Bộ Công Thương và các Bộ, ngành có liên quan theo quy định của pháp luật;

- Xây dựng các dự án có vốn đầu tư trong và ngoài nước trình cơ quan có thẩm quyền quyết định; huy động nguồn lực để thực hiện các thỏa thuận, các dự án tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị phù hợp với các quy định của pháp luật;

- Được sử dụng tài sản công vào việc kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật nhằm mục đích phát triển nhà trường, theo nguyên tắc bảo toàn và phát triển, phù hợp với môi trường giáo dục;

- Tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đáp ứng nhu cầu xã hội gắn với các ngành, nghề đào tạo của nhà trường theo quy định của pháp luật.

h. Tổ chức các hoạt động thông tin, truyền thông thông qua các hình thức in, xuất bản các ấn phẩm, tài liệu, tạp chí, giáo trình, sách chuyên khảo và trang thông tin

điện tử phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật.

i. Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ, xây dựng nếp sống văn hoá và môi trường sư phạm. Giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện phòng chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động của nhà trường theo quy định của pháp luật.

k. Thực hiện trách nhiệm giải trình và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Nhà trường có triết lý giáo dục, sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi như sau:

Triết lý giáo dục: “Toàn diện - Sáng tạo - Thích ứng”.

Toàn diện (Comprehensive): xây dựng nền tảng vững chắc về cả tri thức và nhân cách cho sinh viên; đào tạo sinh viên có kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng sống, mức tự chủ và trách nhiệm đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Sáng tạo (Creative): cung cấp công cụ tư duy, các phương pháp để giải quyết các vấn đề thực tế; đào tạo sinh viên có tính tích cực, chủ động nghiên cứu sáng tạo khoa học kỹ thuật, tìm tòi, ứng dụng cái mới.

Thích ứng (Adaptive): đào tạo sinh viên có sự linh hoạt, có thể sẵn sàng đáp ứng với mọi môi trường, hoàn cảnh trong nước và quốc tế.

Sứ mạng: “ Trường Đại học Sao Đỏ là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, định hướng ứng dụng, đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao có đạo đức, kiến thức, kỹ năng, năng lực số, phát triển nhân tài đáp ứng yêu cầu xã hội; nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên gia tri thức; kết nối, phục vụ cộng đồng và hội nhập quốc tế”.

Tầm nhìn - 2045: “Phát triển Nhà trường trở thành cơ sở giáo dục theo mô hình đại học đổi mới sáng tạo, tự chủ tài chính, đóng vai trò nòng cốt trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của vùng, địa phương; cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân tài về lĩnh vực khoa học công nghệ, kỹ thuật cho địa phương và đất nước”.

Giá trị cốt lõi: “Thực học - Thực hành - Thực chung - Thực tâm - Thực nghiệp - Thực tiến”.

Mục tiêu của Nhà trường là đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học và sau đại học có chất lượng cao. Đảm bảo người học phát triển một cách toàn diện: có phẩm chất chính trị, đạo đức, có thái độ lao động tốt; có ý thức phục vụ cộng đồng và khả năng tham gia vào các hoạt động xã hội; có kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp vững vàng; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế tri thức trong giai đoạn hiện nay.

Để thực hiện thành công triết lý giáo dục, tầm nhìn và sứ mạng, Nhà trường đã xây dựng chính sách chất lượng trong quy định về công tác bảo đảm chất lượng và xây

dựng một mạng lưới quản lý chất lượng đến các khoa, phòng, trung tâm. Song song với đó, Nhà trường thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015.

Nhà trường đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục do BGDĐT ban hành và đã được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục (CLGD), hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam cấp Giấy chứng nhận số 112/QĐ-KĐCLGD ngày 27/11/2017; Quyết định số 15/QĐ-KĐCLGD ngày 27/01/2023 (chu kỳ 2).

1.1.2. Đội ngũ giảng viên

Nhà trường có 247 cán bộ viên chức. Đội ngũ giảng viên là 184 người, giảng viên có trình độ tiến sĩ là 49 (chiếm 26,7%); thạc sĩ 135 người (chiếm 73,3%). Nhiều giảng viên của Nhà trường là những chuyên gia có uy tín trong các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, đã tham gia các hội đồng nghiệm thu đề tài cấp tỉnh/bộ/ngành, nhà nước.

1.1.3. Hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

Nhà trường đang đào tạo 21 ngành trình độ đại học, cụ thể như sau: Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Công nghệ kỹ thuật ô tô; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ thông tin; Công nghệ dệt, may; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Kỹ thuật cơ điện tử; Trí tuệ nhân tạo; Toán ứng dụng; Kế toán; Quản trị kinh doanh; Kinh tế số; Logistics và quản lý chuỗi cung ứng; Thương mại điện tử; Tài chính - Ngân hàng; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Luật; Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Trung Quốc; Sư phạm tiếng Trung Quốc; Sư phạm công nghệ; 02 CTĐT trình độ thạc sĩ (ngành Kỹ thuật điện tử; Kỹ thuật cơ khí). Nhà trường đã cung cấp cho thị trường lao động trên 40 nghìn cử nhân, kỹ sư ở các lĩnh vực đào tạo.

Trong giai đoạn 2019 ÷ 2025, Nhà trường thực hiện 01 dự án Vingroup, (08) đề tài NCKH cấp tỉnh/bộ và 281 đề tài NCKH cấp cơ sở (trong đó 108 đề tài GV và 173 đề tài của SV), 56 sản phẩm/công trình sáng tạo KHCN; các kết quả nghiên cứu được áp dụng có hiệu quả trong công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Đặc biệt, tạp chí NCKH – Đại học Sao Đỏ trung bình mỗi năm đăng 68 đến 71 bài là các công trình nghiên cứu của đội ngũ cán bộ, GV, SV trong trường và ngoài trường. Trong giai đoạn 2019 ÷ 2025, cán bộ, GV nhà trường đã công bố 37 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế (trong đó có 51 bài trong danh mục tạp chí ISI, Scopus), có 39 bài đăng toàn văn trên các hội thảo quốc tế và trên các tạp chí/hội thảo khoa học trong nước được hội đồng giáo sư nhà nước tính điểm. Tính đến năm 2024, tạp chí NCKH - Đại học Sao Đỏ đã có 02 ngành và liên ngành được hội đồng giáo sư Nhà nước tính điểm công trình (từ 0 ÷ 0,5 điểm) gồm: Liên ngành Cơ khí - Động lực, Điện - Điện tử - Tự động hoá, các ngành và liên ngành còn lại được tính điểm công trình (từ 0 ÷ 0,25 điểm): Triết học - Xã hội học - Chính trị học, Kinh tế. Nhà trường đã thành lập nhiều đội Robocon tham gia cuộc thi toàn quốc và có 25 đội Robocon lọt vào vòng chung kết toàn quốc, trong đó có 01 đội đạt giải Ba toàn quốc năm 2019.

Nhà trường đã thiết lập mối quan hệ với các cơ sở giáo dục nước ngoài thuộc các nước như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, cộng hoà Pháp, Liên bang Nga,... Trong giai đoạn đầu, hai bên đã hợp tác về các lĩnh vực trao đổi về học thuật, trao đổi

ngiên cứu sinh, sinh viên đi thực tập, trải nghiệm,... làm cơ sở triển khai hợp tác về lĩnh vực NCKH, trao đổi giảng viên.

1.1.4. Hoạt động đảm bảo chất lượng

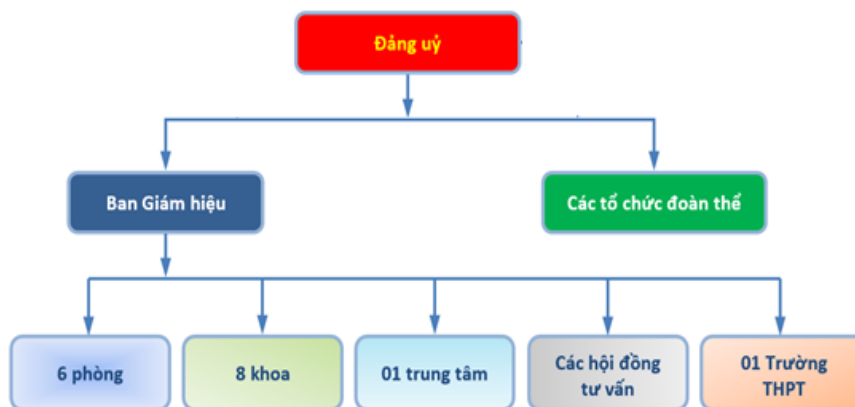
Nhà trường có bộ phận đảm bảo chất lượng chuyên trách, hằng năm: Xây dựng, triển khai kế hoạch hoạt động đảm bảo chất lượng theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng; tổ chức khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan; phối hợp với các đơn vị công khai các điều kiện bảo đảm chất lượng, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng trên website và hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục đại học của BGDĐT. Năm 2017 Nhà trường đã hoàn thành công tác tự đánh giá và được trung tâm Kiểm định CLGD thuộc hiệp hội các trường ĐH, cao đẳng Việt Nam đánh giá ngoài và cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục. Năm 2023 Nhà trường đã thực hiện kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (chu kỳ 2) theo bộ tiêu chuẩn của BGDĐT. Từ năm 2022 Nhà trường đã thực hiện kiểm định chất lượng CTĐT, đến nay, Nhà trường có 09 CTĐT trình độ đại học được trung tâm KĐCLGD thuộc hiệp hội các trường ĐH, cao đẳng Việt Nam cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành gồm: Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; CNKT ô tô; Công nghệ thông tin; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Quản trị kinh doanh; Công nghệ dệt, may; Kế toán và Ngôn ngữ Trung Quốc.

1.1.5. Cơ sở vật chất

Nhà trường hiện có 02 cơ sở đào tạo tại Phường Chu Văn An, Thành phố Hải Phòng với tổng diện tích 27ha, trong đó: 126 phòng học, phòng làm việc và 01 giảng đường đa năng với tổng diện tích là 8.087m²; ngoài ra còn có thư viện, trung tâm học liệu và trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập với tổng diện tích là 22.273m². Trong những năm qua, Nhà trường triển khai thực hiện và hoàn thành dự án xây dựng, cải tạo các công trình đảm bảo cung cấp đủ phòng làm việc và các phòng chức năng cho cán bộ, viên chức và nhân viên. Phòng học lý thuyết đều được trang bị điều hòa không khí, máy chiếu/màn hình LED cỡ lớn, camera giám sát; phòng thực hành/thực nghiệm được trang bị đầy đủ thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng; phòng làm việc của cán bộ, giảng viên đều được trang bị đầy đủ bàn, ghế, điều hòa không khí, máy vi tính, máy in.

1.1.6. Cơ cấu tổ chức

Hiện nay, cơ cấu tổ chức của Nhà trường gồm: BCH Đảng uỷ, ban giám hiệu, công đoàn, đoàn thanh niên, 06 phòng chức năng, 01 trung tâm, 08 khoa, 01 trường THPT và các hội đồng tư vấn. Cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ và quyền hạn được xây dựng theo quy định của Bộ Công Thương, Chính phủ.



Hình 1. Sơ đồ tổ chức của Trường Đại học Sao Đỏ

1.1.7. Những thành tích nổi bật

Trường Đại học Sao Đỏ đã có những bước phát triển mạnh mẽ, uy tín, vị thế đã được khẳng định đối với xã hội. Nhà trường được Đảng, Nhà nước; các cấp bộ, ngành, tỉnh Hải Dương ghi nhận và tặng thưởng nhiều phần thưởng cao quý như: 01 Huân chương độc lập hạng Nhất, 02 Huân chương lao động hạng Nhất, 01 Huân chương Bảo vệ tổ quốc hạng Ba, cờ thi đua xuất sắc của Thủ tướng Chính phủ năm 2018, cờ thi đua xuất sắc của Bộ Công Thương (năm 2016, 2017, 2021), cờ thi đua xuất sắc của Bộ Công an (năm 2015), bằng khen của Bộ Công Thương (năm 2015, 2016, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022), cờ thi đua xuất sắc của UBND tỉnh Hải Dương năm 2021, 2023; Cờ thi đua xuất sắc của Tỉnh ủy Hải Dương năm 2019; bằng khen của UBND tỉnh Hải Dương (năm 2015, 2017, 2019, 2020, 2024), bằng khen Bộ Công an (năm 2016, 2019, 2021), bằng khen Bộ Quốc phòng (năm 2017), bằng khen của Hiệp hội các trường ĐH, cao đẳng (năm 2017), bằng khen của Liên hiệp Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam năm 2021, giấy khen UBND thành phố Chí Linh năm 2023.

1.1.8. Thông tin đào tạo của Trường

- Tên trường:
- + Tên tiếng Việt: Trường Đại học Sao Đỏ.
- + Tên tiếng Anh: Sao Do University (SDU).
- Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Công Thương.
- Địa chỉ:
- + Cơ sở 1: Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng
- + Cơ sở 2: Km 78, đường Nguyễn Thái Học/Quốc lộ 37, phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng.
- Thông tin liên hệ:
- + Điện thoại: 02203 882 269; Số fax: 02203 882 921.
- + Email: sdu.edu.vn@gmail.com; Website: <https://saodo.edu.vn>.

1.1.9. Thông tin về ngành đăng ký đào tạo

- Tên ngành đào tạo: Công nghệ thông tin
- Mã ngành: 7480201

- Hình thức đào tạo: Từ xa
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Mã trường tuyển sinh: SDU
- Phương thức tuyển sinh:
- + Xét tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh hiện hành.
- + Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT hằng năm. Các tổ hợp môn xét tuyển sinh:

A00: Toán, Vật lí, Hóa học

A01: Toán, Vật lí, Tiếng Anh

A07: Toán, Lịch sử, Địa lí

A09: Toán, Địa lí, GDCD

B00: Toán, Hóa học, Sinh học

C01: Toán, Ngữ văn, Vật lí

C02: Toán, Ngữ văn, Hóa học

C03: Toán, Ngữ văn, Lịch sử

C04: Toán, Ngữ văn, Địa lí

C14: Toán, Ngữ văn, GDCD

D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh

D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh

X01: Toán, Ngữ văn, GDKT&PL

X02: Toán, Ngữ văn, Tin học

X03: Toán, Ngữ văn, Công nghiệp

X04: Toán, Ngữ văn, Nông nghiệp

X21: Toán, Địa lí, GDKT&PL

+ Xét tuyển dựa vào kết quả học tập bậc THPT.

+ Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức; Kỳ thi Đánh giá tư duy do Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức.

- Đối tượng tuyển sinh: Người đã tốt nghiệp trung học phổ thông; người đã tốt nghiệp trình độ trung cấp và đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng; Người tốt nghiệp trình độ đại học.

- Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: 150 TC (chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục quốc phòng và an ninh, Giáo dục thể chất).

- Thời gian đào tạo: 4 năm (đối với người đã tốt nghiệp THPT); 2÷3 năm (đối với người đã tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng, Đại học).

1.2. Giới thiệu về Khoa Công nghệ thông tin

Khoa Công nghệ thông tin - Trường Đại học Sao Đỏ được thành lập tháng 3/2001 với tên khoa Điện tử - Tin học, từ ngày 01/4/2021 được đổi tên thành khoa Công nghệ thông tin, tập thể sư phạm khoa đã và đang khẳng định được vai trò, vị thế của mình trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo của Nhà trường. Khoa hiện có 15 GV (trong

đó 11 GV cơ hữu, 04 GV giảng dạy kiêm nhiệm), 100% có trình độ thạc sĩ trong đó có 02 GV là tiến sĩ (chiếm 13,33%), 02 GV đang nghiên cứu sinh.

Nhiệm vụ chính của khoa là xây dựng mục tiêu, chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình cho các ngành học thuộc bậc đại học ngành Công nghệ thông tin và các học phần giáo dục đại cương. Qua đó, giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cao đẹp, khơi dậy khát vọng cống hiến, rèn luyện nâng cao thể lực cho sinh viên để học tập và lao động, tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, năng động, dễ thích nghi với nền kinh tế thị trường và có khả năng tiếp thu các công nghệ hiện đại trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Trong giai đoạn phát triển mới, chức năng và nhiệm vụ của Khoa đã được xác định rõ ràng, cụ thể sau:

Chức năng: Tham mưu cho Hiệu trưởng trong công tác hoạch định chiến lược đào tạo và phát triển ngành học theo định hướng chiến lược chung của nhà trường. Khoa chịu trách nhiệm quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động chuyên môn, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin; đồng thời phối hợp với các đơn vị trong và ngoài trường nhằm phát huy hiệu quả công tác đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng công nghệ.

Nhiệm vụ:

- Xây dựng chiến lược phát triển cho ngành Công nghệ thông tin (CNTT) theo từng giai đoạn, phù hợp với nhu cầu nhân lực và xu thế công nghiệp 4.0.
- Thiết kế và thẩm định chương trình đào tạo ngành CNTT, đảm bảo sinh viên sau tốt nghiệp có năng lực đáp ứng yêu cầu thị trường và hội nhập quốc tế.
- Biên soạn, cập nhật giáo trình, tài liệu giảng dạy, bài giảng số đảm bảo tính hiện đại, thực tiễn.
- Quản lý hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học của bộ môn trực thuộc; thúc đẩy hợp tác đa ngành (dưới dạng các dự án CNTT trong nông nghiệp, giáo dục, y tế, công nghiệp,...).
- Tổ chức các hoạt động KHCN và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực CNTT; xây dựng mối liên kết với doanh nghiệp, viện nghiên cứu để sinh viên có cơ hội thực hành, thực tập và làm dự án thực tế.
- Phát triển đội ngũ giảng viên và nhân lực nghiên cứu, thực hiện kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, kỹ năng giảng dạy, năng lực nghiên cứu, hợp tác quốc tế.
- Kiểm tra, đánh giá chất lượng đào tạo và điều chỉnh kịp thời theo phản hồi của các bên liên quan (nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, sinh viên...).
- Tham gia tuyển sinh, tư vấn nghề nghiệp, và hỗ trợ các khoa trong công tác giảng viên chủ nhiệm, đảm bảo môi trường học tập và rèn luyện thuận lợi cho sinh viên.
- Theo dõi, giám sát các bộ môn thực hiện công tác giáo dục chính trị tư tưởng, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp cho NH cũng như cho GV;
- Xây dựng kế hoạch, tổ chức bảo trì thiết bị, phương tiện, đồ dùng dạy học do khoa quản lý;

- Thực hiện những nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng phân công và chịu trách nhiệm về công việc được giao.

Những giá trị khác biệt: Khoa là đơn vị tiên phong trong chuyển đổi số và ứng dụng các công nghệ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và đào tạo, nghiên cứu và quản lý. Chương trình đào tạo luôn được cập nhật theo xu hướng mới, gắn với nhu cầu thực tiễn và thị trường lao động, giúp sinh viên có khả năng thích ứng cao và làm chủ các công nghệ hiện đại như AI, IoT, dữ liệu lớn hay an toàn thông tin. Khoa xây dựng môi trường học tập năng động, sáng tạo, thúc đẩy nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp. Hệ thống phòng lab, trang thiết bị thực hành hiện đại cùng với mạng lưới hợp tác doanh nghiệp rộng mở tạo điều kiện để sinh viên tiếp cận cơ hội thực tập, việc làm và triển khai các dự án thực tế. Bên cạnh đó, Khoa CNTT đóng vai trò nòng cốt trong việc hỗ trợ nhà trường phát triển các hệ thống số và giải pháp công nghệ, góp phần tạo nên sự khác biệt trong toàn bộ hoạt động của trường, khát vọng cống hiến của sinh viên đối với đất nước và kiến thức pháp luật.

Về chất lượng đội ngũ GV: Tính đến tháng 12/2025 khoa hiện có 15 GV đang trực tiếp giảng dạy (trong đó 11 GV cơ hữu, 04 GV dạy kiêm nhiệm), 100% có trình độ thạc sĩ trong đó có 02 GV là tiến sĩ (chiếm 13,33%), 02 GV đang nghiên cứu sinh. Đội ngũ GV trong khoa có năng lực chuyên môn tốt, nghiệp vụ sư phạm giỏi. Bằng sự nỗ lực và quyết tâm của tập thể giảng viên, Bộ Công Thương tặng 03 Bằng khen; 04 chiến sĩ thi đua cấp Bộ; 08 giảng viên được Bộ Công Thương tặng Bằng khen; 02 giảng viên được UBND tỉnh Hải Dương tặng Bằng khen. Hằng năm 100% GV trong khoa đều được đánh giá xếp loại GV và đạt loại khá trở lên. Các GV luôn tâm huyết với nghề nghiệp, hết lòng vì NH.

Về cơ sở vật chất: Khoa Công nghệ thông tin hiện có đủ số phòng chức năng phục vụ cho các hoạt động của Khoa, hệ thống phòng chức năng được thiết kế đầy đủ ánh sáng, trang thiết bị, đảm bảo điều kiện làm việc cho GV trong khoa. Khoa hiện có 3 phòng làm việc với tổng diện tích 172m² đạt bình quân 11,46 m²/GV, đảm bảo diện tích phòng làm việc cho GV theo quy định. Khoa hiện đang quản lý phòng thực hành, thực nghiệm với tổng diện tích 393 m². Hệ thống phòng thực hành, thực nghiệm được trang bị máy móc, thiết bị hiện đại, phù hợp với các chuyên ngành đào tạo phục vụ tốt nhu cầu học tập, NCKH của GV và NH. Các phòng thực hành, thực nghiệm được trang bị máy tính kết nối mạng internet, có các phần mềm phục vụ đào tạo và NCKH

Về nghiên cứu khoa học: Giai đoạn 2019 - 2025, Khoa Công nghệ thông tin đã chủ trì và tham gia thực hiện 10 đề tài cấp bộ/tỉnh, 50 đề tài NCKH cấp cơ sở. GV trong Khoa đã công bố 02 giáo trình/sách chuyên khảo, 48 tài liệu học tập, 28 bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế, 123 bài trên tạp chí khoa học trong nước. Trong giai đoạn đánh giá khoa có 04 sản phẩm sáng tạo KHCN của GV và NH được công nhận và đạt giải tại Hội thi sáng tạo KHCN cấp tỉnh, 07 sản phẩm sáng tạo KHCN của GV và NH được công nhận và đạt giải tại Hội thi sáng tạo KHCN cấp trường, tất cả các sản phẩm KHCN nêu trên đều được ứng dụng vào trong giảng dạy.

Trong các năm kế hoạch kế tiếp, Nhà trường đều có kế hoạch mua mới và nâng cấp CSVC, trang thiết bị để hỗ trợ hoạt động đào tạo và NCKH.

Về CTĐT: Khoa Công nghệ thông tin được giao quản lý 02 CTĐT trình độ đại học là ngành CNTT (được ban hành theo Quyết định số 361/QĐ-ĐHSD ngày 29/7/2025), và ngành Trí tuệ nhân tạo cùng với các học phần giáo dục đại cương cho các ngành đào tạo của Nhà trường. Trong đó CTĐT ngành Công nghệ thông tin đã được Trung tâm KĐCLGD, Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam cấp giấy chứng nhận số CTĐT2022.04/CEA-AVU&C ngày 10/5/2022 đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Cùng với lịch sử xây dựng và phát triển Trường Đại học Sao Đỏ, Khoa Công nghệ thông tin luôn đi đầu trong công tác giáo dục cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lĩnh vực khoa học tự nhiên, lĩnh vực xã hội và pháp luật; tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cao đẹp, khơi dậy khát vọng cống hiến của sinh viên đối với đất nước.

2. SỰ CẦN THIẾT ĐỀ XUẤT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN ĐÀO TẠO TỪ XA NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (MÃ NGÀNH 7480201) TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

2.1. Sự phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực ngành Công nghệ thông tin

Luật số 08/2012/QH13 của Quốc hội về Giáo dục đại học đã quy định rõ giáo dục thường xuyên bao gồm các hình thức vừa làm vừa học và đào tạo từ xa. Đây là hình thức đào tạo linh hoạt, được tổ chức tại các cơ sở giáo dục đại học hoặc cơ sở liên kết đào tạo, tạo điều kiện cho người học tiếp cận chương trình đào tạo trình độ đại học phù hợp với nhu cầu và điều kiện cá nhân.

Từ năm 2003, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành các quy định về đào tạo từ xa, tạo hành lang pháp lý cho việc triển khai loại hình đào tạo này. Đặc biệt, Thông tư số 28/2023/TT-BGDĐT đã thay thế các quy định trước đây, tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các cơ sở đào tạo cũng như người học tham gia chương trình đào tạo từ xa trình độ đại học.

Trong bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ hiện nay, đào tạo từ xa (ĐTTX) đã và đang đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt trong lĩnh vực Công nghệ thông tin. Hình thức đào tạo này không chỉ mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục đại học cho mọi đối tượng mà còn đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp của người học.

ĐTTX có nhiều ưu điểm nổi bật như linh hoạt về thời gian và không gian, tiết kiệm chi phí, tạo điều kiện cho người học chủ động trong việc học tập. Đặc biệt, với sự phát triển của công nghệ thông tin và truyền thông, hình thức đào tạo trực tuyến (E-learning) ngày càng được hoàn thiện, cung cấp hệ thống học liệu số phong phú, môi trường học tập tương tác cao, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo tương đương với hình thức đào tạo trực tiếp.

Hiện nay, ngành Công nghệ thông tin là một trong những lĩnh vực có nhu cầu nhân lực lớn và tăng trưởng nhanh tại Việt Nam. Với hàng trăm nghìn doanh nghiệp đang hoạt động và xu hướng chuyển đổi số trong mọi lĩnh vực, nhu cầu tuyển dụng nhân lực CNTT ngày càng gia tăng, đa dạng về vị trí việc làm như lập trình viên, quản trị hệ thống, an toàn thông tin, khoa học dữ liệu, trí tuệ nhân tạo,... Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết trong việc mở rộng quy mô và đa dạng hóa các hình thức đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội.

Trong thực tế, hoạt động đào tạo ngành CNTT hiện nay chủ yếu tập trung vào đối tượng học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông theo hình thức chính quy. Tuy nhiên, trong bối cảnh xã hội hiện đại, nhu cầu học tập linh hoạt ngày càng gia tăng, đặc biệt đối với người đang đi làm, người có nhu cầu chuyển đổi nghề nghiệp hoặc nâng cao trình độ chuyên môn.

Nhiều người học đã được đào tạo ở các lĩnh vực khác nhưng có nhu cầu bổ sung kiến thức và kỹ năng về Công nghệ thông tin để đáp ứng yêu cầu công việc trong môi trường số. Tuy nhiên, do hạn chế về thời gian và điều kiện cá nhân, họ khó có thể tham gia các chương trình đào tạo tập trung. Vì vậy, đào tạo từ xa trở thành một giải pháp phù hợp, giúp người học tiếp cận kiến thức CNTT một cách hệ thống, linh hoạt mà vẫn đảm bảo chất lượng đào tạo.

Từ những phân tích trên, việc xây dựng và triển khai chương trình đào tạo từ xa ngành Công nghệ thông tin là hết sức cần thiết, phù hợp với xu thế phát triển giáo dục hiện đại và đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực trong thời kỳ chuyển đổi số.

2.2. Sự cần thiết từ nhu cầu xã hội và thị trường lao động

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ, Công nghệ thông tin (CNTT) trở thành một trong những lĩnh vực then chốt, đóng vai trò nền tảng trong phát triển kinh tế - xã hội. Tại Việt Nam, Chính phủ đã xác định chuyển đổi số là chiến lược trọng tâm, kéo theo nhu cầu lớn về nguồn nhân lực CNTT có trình độ chuyên môn cao, kỹ năng thực hành tốt và khả năng thích ứng nhanh với sự thay đổi của công nghệ.

Thực tế cho thấy, nhu cầu tuyển dụng nhân lực CNTT tại Việt Nam liên tục gia tăng trong những năm gần đây và dự báo sẽ tiếp tục tăng mạnh trong thời gian tới. Các doanh nghiệp thuộc nhiều lĩnh vực như tài chính - ngân hàng, thương mại điện tử, sản xuất, giáo dục, y tế... đều có nhu cầu ứng dụng CNTT và chuyển đổi số, từ đó đòi hỏi một lực lượng lao động có kiến thức và kỹ năng về lập trình, quản trị hệ thống, phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, an toàn thông tin,...

Tuy nhiên, nguồn cung nhân lực CNTT hiện nay vẫn chưa đáp ứng đủ cả về số lượng và chất lượng. Một bộ phận lớn người lao động đang làm việc trong các ngành nghề khác có nhu cầu chuyển đổi sang lĩnh vực CNTT hoặc bổ sung kỹ năng số để nâng cao hiệu quả công việc. Đồng thời, nhiều cán bộ, nhân viên trong các cơ quan, doanh nghiệp cần được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức CNTT một cách bài bản nhưng không có điều kiện tham gia học tập theo hình thức chính quy tập trung.

Bên cạnh đó, xu hướng học tập suốt đời và học tập linh hoạt ngày càng trở nên phổ biến. Người học có nhu cầu được tiếp cận các chương trình đào tạo có thể học mọi lúc, mọi nơi, phù hợp với điều kiện cá nhân và công việc. Đặc biệt, sau giai đoạn phát triển mạnh của các nền tảng học trực tuyến, người học ngày càng quen thuộc và có xu hướng lựa chọn các hình thức đào tạo trực tuyến, đào tạo từ xa có chất lượng cao.

Trong bối cảnh đó, đào tạo từ xa ngành Công nghệ thông tin là giải pháp hiệu quả nhằm mở rộng cơ hội học tập cho nhiều đối tượng khác nhau, bao gồm người đang đi làm, người học có nhu cầu chuyển đổi nghề nghiệp, người ở khu vực khó tiếp cận giáo dục đại học. Hình thức đào tạo này không chỉ giúp tiết kiệm chi phí, thời gian mà còn tận dụng tối đa các thành tựu của công nghệ số trong giảng dạy và học tập.

Việc triển khai chương trình đào tạo từ xa ngành CNTT sẽ góp phần quan trọng trong việc cung cấp nguồn nhân lực có trình độ, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, đồng thời phù hợp với xu thế phát triển của giáo dục đại học hiện đại, hướng tới xây dựng xã hội học tập và phát triển bền vững.

2.3. Sự phù hợp với sứ mạng và chiến lược phát triển của Nhà trường

Trường Đại học Sao Đỏ trong quá trình xây dựng và phát triển, sứ mạng, tầm nhìn, chính sách chất lượng, chiến lược phát triển cũng như chức năng và nhiệm vụ luôn điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế và định hướng phát triển Nhà trường theo từng giai đoạn.

Sứ mạng của Nhà trường xác định: Đào tạo gắn với nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ. Học đi đôi với hành, lý thuyết gắn với thực tế, nhà trường gắn với doanh nghiệp. Sinh viên ra trường có sức khỏe; năng lực và kỹ năng toàn diện; tự tin, sáng tạo; có việc làm thu nhập ổn định và cơ hội thăng tiến.

Tầm nhìn đến năm 2030 được xác định là: Phát triển Nhà trường theo định hướng đại học ứng dụng. Ưu tiên đầu tư trọng tâm, trọng điểm các ngành kỹ thuật truyền thống của Nhà trường thành ngành mũi nhọn. **Đẩy mạnh hoạt động:** Sáng tạo khoa học kỹ thuật - Nâng cao năng lực thực hành - Ứng dụng chuyển giao công nghệ phù hợp với tiến bộ Khoa học kỹ thuật công nghiệp lần thứ tư.

Trong kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2025 ÷ 2030 đã xác định mục tiêu, đó là: Tiếp tục đổi mới công tác tuyển sinh nhằm thu hút người học và tăng tỷ lệ tuyển sinh hằng năm; tăng cường mở rộng hợp tác, liên kết đào tạo trong và ngoài nước; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất tiên tiến, hiện đại phục vụ đào tạo nguồn nhân lực; thực hiện đồng bộ các nhóm giải pháp nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện, đảm bảo tỷ lệ sinh viên có việc làm năm sau cao hơn năm trước; đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; tích cực đổi mới, sáng tạo trong công tác quản lý; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho giảng viên, viên chức và sinh viên; giữ vững khối đoàn kết, tăng cường công tác xây dựng Đảng, xây dựng các đoàn thể quần chúng vững mạnh toàn diện; giữ vững danh hiệu Đảng bộ trong sạch vững mạnh, nhà trường vững mạnh toàn diện, tất cả vì mục tiêu xây dựng và phát triển nhà trường nhanh và bền vững.

Mục tiêu chiến lược phát triển đào tạo là: Phát triển CTĐT phù hợp với yêu cầu thực tiễn về chất lượng nguồn nhân lực trong nước và quốc tế; gắn hoạt động đào tạo với nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; tăng tỷ lệ tuyển sinh hàng năm để xây dựng Trường Đại học Sao Đỏ trở thành một cơ sở đào tạo theo định hướng đại học ứng dụng. Sinh viên ra trường có sức khỏe; năng lực và kỹ năng toàn diện; tự tin, sáng tạo; có việc làm thu nhập ổn định và cơ hội thăng tiến. Do đó, việc mở thêm ngành đào tạo mới để tăng quy mô đào tạo, nâng cao chất lượng các ngành nghề rất phù hợp với sứ mạng và chiến lược phát triển đào tạo của Trường.

Tuy nhiên, trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, phương thức đào tạo truyền thống cũng thể hiện nhiều hạn chế về khoảng cách địa lý, thời gian đào tạo và sự phát triển đào tạo trong phạm vi khu vực và thế giới bị hạn chế. Xét thấy khoa Công nghệ thông tin và Nhà trường đã đảm bảo các điều kiện theo yêu cầu thông tư 01/2024/TT-BGDĐT của bộ Giáo dục và đào tạo ban hành ngày 05 tháng 02 năm 2024 về chuẩn cơ sở giáo dục đại học và đảm bảo yêu cầu ĐTTX (cơ sở vật chất, con người...) theo Thông tư số 28/2023/TT-BGDĐT, từ đó Hội đồng trường, Ban giám hiệu, Hội đồng khoa học và đào tạo đã thống nhất chủ trương ĐTTX. Theo Nghị quyết số 85/NQ-HĐT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Sao Đỏ nhiệm kỳ 2020–2025 về chủ trương đào tạo từ xa ngành Công nghệ thông tin, Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Trung Quốc. Nhà trường cũng ban hành kế hoạch số 140/KH-ĐHSD nhằm triển khai xây dựng Đề án đào tạo từ xa trình độ đại học cho các ngành Công nghệ thông tin, Ngôn ngữ Trung Quốc và Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Sao Đỏ. Việc xây dựng chương trình đào tạo từ xa ngành CNTT ở Trường Đại học Sao Đỏ hướng tới những mục tiêu sau:

Thứ nhất, đổi mới phương thức đào tạo trên cơ sở ứng dụng công nghệ số, tận dụng các nền tảng trực tuyến nhằm mở rộng phạm vi đào tạo tới nhiều đối tượng người học trên toàn quốc và từng bước tiếp cận thị trường quốc tế.

Thứ hai, góp phần nâng cao dân trí, tạo điều kiện cho mọi người tiếp cận giáo dục đại học và thúc đẩy học tập suốt đời trong lĩnh vực Công nghệ thông tin.

Thứ ba, qua chương trình ĐTTX, giúp giảng viên của Nhà trường tiếp cận với công nghệ hiện đại trong quản lý và giảng dạy đại học. Các giảng viên dễ dàng trao đổi kết nối nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật mà các hình thức đào tạo trước đây rất tốn kém và khó thực hiện. Đây cũng là hướng đi giúp các chương trình của Trường có thể sử dụng các bài giảng điện tử tiên tiến, đội ngũ giảng viên từ các trường đại học trên cả nước mà các phương thức đào tạo truyền thống trước đây không có khả năng thực hiện do chi phí, cũng như điều kiện về khoảng cách địa lý.

Thứ tư, việc triển khai đào tạo từ xa sẽ giúp đẩy mạnh công tác chuyển đổi số trong hoạt động đào tạo. Thông qua đổi mới cách thức đào tạo trong giảng dạy, Trường có thể triệt để áp dụng công cụ CNTT để xây dựng hệ thống học liệu hiện đại, đáp ứng với mục tiêu đào tạo trực tuyến, từ xa và đào tạo kết hợp.

Thứ năm, triển khai phương thức đào tạo từ sẽ tăng quy mô đào tạo của Nhà trường, đồng thời mở rộng thêm được phương thức đào tạo mới theo đúng kế hoạch, chiến lược phát triển Trường đã đề ra.

Thứ sáu, chương trình đào tạo từ xa giúp người học linh hoạt về thời gian và địa điểm học tập, tiết kiệm chi phí đi lại và sinh hoạt, đồng thời vẫn đảm bảo chất lượng đào tạo thông qua hệ thống quản lý học tập, học liệu số và các công cụ kiểm tra đánh giá trực tuyến.

Với sự hỗ trợ của Internet, công nghệ, việc truyền tải kiến thức và kỹ năng được thực hiện thông qua nhiều hệ thống khác nhau như hệ thống LMS (Learning Management System), Zoom, Google Meet, Ms Office365,... Từ năm 2021, trường Đại học Sao Đỏ đã đưa hệ thống Elearning là hình thức học tập qua đó người học có thể tự học mọi lúc mọi nơi thông qua học liệu điện tử đa phương tiện (lời giảng, thuyết minh, âm thanh, hình ảnh, video, đồ họa, bài giảng điện tử,...).

Năm 2025, nhà trường đã triển khai hệ thống đào tạo trực tuyến thông qua nền tảng web và ứng dụng di động. Hệ thống cho phép sinh viên đăng nhập, theo dõi lịch học, tham gia lớp học trực tuyến, truy cập học liệu, làm bài kiểm tra và trao đổi với giảng viên một cách thuận tiện.

Vì vậy, việc xây dựng chương trình đào tạo từ xa trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin là cần thiết, góp phần mở rộng cơ hội học tập cho người học trên phạm vi cả nước, đáp ứng nhu cầu nhân lực trong thời đại số.

Dựa vào những cơ sở đã trình bày ở trên, Khoa Công nghệ thông tin đề xuất Nhà trường cho phép thực hiện đề án ĐTTX trình độ đại học ngành CNTT. Chủ chương ĐTTX trình độ đại học ngành CNTT.

3. ĐIỀU KIỆN MỞ ĐÀO TẠO TỪ XA TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

3.1. Căn cứ pháp lý xây dựng chương trình đào tạo

- Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15 ngày 10/12/2025;
- Quyết định 1982/QĐ - TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;
- Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 của BGDĐT về Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;
- Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của BGDĐT về Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học;
- Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của BGDĐT về Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ;
- Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 6/6/2022 của BGDĐT về Quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;
- Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày

18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, định chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

- Thông tư số 28/2023/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học;

- Quyết định Số 376/QĐ-TTg ngày 24/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường ĐHSD;

- Quyết định số 2382/QĐ-BCT ngày 08/9/2020; sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 1124/QĐ-BCT ngày 01/4/2021 của Bộ Công Thương về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sao Đỏ;

- Nghị quyết số 378-NQ/ĐU ngày 05/5/2025 của Ban chấp hành Đảng bộ Trường Đại học Sao Đỏ về chủ trương mở đào tạo từ xa ngành Công nghệ thông tin, ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học;

- Nghị quyết số 85/NQ-HĐT ngày 20/6/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Sao Đỏ nhiệm kỳ 2020-2025 về chủ trương đào tạo từ xa ngành Công nghệ thông tin, Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Trung Quốc;

- Nghị quyết số 98/NQ-HĐT ngày 13/10/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Sao Đỏ về việc phê duyệt chủ trương đào tạo từ xa ngành Công nghệ thông tin, Ngôn ngữ Trung Quốc, ngành Ngôn ngữ Anh;

- Kế hoạch số 140/KH-ĐHSD ngày 23/9/2025 của Trường Đại học Sao Đỏ về việc xây dựng đề án đào tạo từ xa ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, ngành Ngôn ngữ Anh, ngành Công nghệ thông tin trình độ đại học;

- Quyết định số 541/QĐ-ĐHSD ngày 13/10/2025 của Trường Đại học Sao Đỏ về việc thành lập thành lập Hội đồng xây dựng đề án đào tạo từ xa trình độ đại học.

3.2. Chương trình đào tạo tham khảo

CTĐT từ xa ngành CNTT đã xây dựng có tham khảo, đối sánh với CTĐT của 04 trường Đại học trong nước và 02 trường đại học nước ngoài (*Bảng 1*). Các nội dung tham khảo bao gồm: thời lượng của các CTĐT, các mục tiêu và chuẩn đầu ra (CDR), các khối kiến thức trong CTĐT và các môn học/học phần trong các CTĐT.

Bảng 1. Các cơ sở đào tạo có CTĐT đã tham khảo

STT	Tên trường	Tên CTĐT đã tham khảo	Ghi chú
I	Trường ĐH trong nước		
1	Đại học Thái Nguyên (TNU)	Công nghệ thông tin hệ đào tạo từ xa	https://dhthainguyen.com/nganh/cong-nghe-thong-tin/#thong-tin-chi-tiet

STT	Tên trường	Tên CTĐT đã tham khảo	Ghi chú
2	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	Công nghệ thông tin hệ đào tạo từ xa	https://ptit-hanoi.edu.vn/nganh-hoc/nganh-cong-nghe-thong-tin/
3	Đại học Mở Hà Nội	Cử nhân Công nghệ thông tin Hệ đào tạo từ xa	https://vdtsd.hou.edu.vn/cong-nghe-thong-tin/
4	Đại học Thành Đô	Kỹ sư Công nghệ thông tin hệ đào tạo từ xa	https://thanhdo.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-tu-xa
II Trường ĐH Quốc tế			
1	Wawasan Open University (WOU - Malaysia)	Cử nhân Kỹ thuật phần mềm trực tuyến của UNITAR	https://www.wou.edu.my/programmes/bachelor/software-engineering-honours-application-development/
2	Indira Gandhi National Open University (IGNOU - Ấn Độ)	Cử nhân ứng dụng máy tính	https://www.ignou.ac.in/viewFile/SOCIS/programguide/BCA-NEW-July-2024.pdf

3.3. Nội dung chương trình đào tạo

Trên cơ sở đề xuất và phê duyệt chủ trương mở ĐTTX ngành CNTT. Hiệu trưởng trường ĐHSĐ đã chỉ đạo và tổ chức xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT từ xa trình độ đại học ngành CNTT đảm bảo theo các quy định pháp luật hiện hành về điều kiện, trình tự, thủ tục mở đào tạo từ xa và đáp ứng chuẩn CTĐT theo lĩnh vực, nhóm ngành, ngành đào tạo, phù hợp với Khung trình độ quốc gia.

CTĐT từ xa ngành CNTT trình độ đại học đã được xây dựng có nội dung cụ thể như sau:

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA

Tên chương trình : Công nghệ thông tin
Trình độ đào tạo : Đại học (Kỹ sư)
Ngành đào tạo : Công nghệ thông tin
(Information Technology)
Mã ngành : 7480201
Phương thức đào tạo: Mạng máy tính và viễn thông

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo kỹ sư Công nghệ thông tin có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có kiến thức chuyên môn toàn diện; có năng lực nghiên cứu và kỹ năng phát triển ứng dụng, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin; có khả năng học tập suốt đời; có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo, thích nghi nhanh với môi trường làm việc; có trách nhiệm nghề nghiệp và tinh thần phục vụ cộng đồng, có ý thức tổ chức kỷ luật.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

1.2.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

1.2.1.1a. Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật, kinh tế, quốc phòng và an ninh để vận dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

1.2.1.1b. Có kiến thức về khoa học tự nhiên, toán học, tin học và ngoại ngữ để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ.

1.2.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

1.2.1.2a. Có kiến thức sâu, rộng về công nghệ thông tin để vận hành, bảo trì và giải quyết các vấn đề kỹ thuật trong hệ thống công nghệ thông tin.

1.2.1.2b. Có kiến thức chuyên sâu để phân tích thiết kế, lập trình và quản trị hệ thống công nghệ thông tin.

1.2.1.2c. Có kiến thức về quản lý và điều hành hoạt động của doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

1.2.2. Kỹ năng

1.2.2.1. Có kỹ năng thiết kế, lập trình và quản trị dự án phần mềm; xây dựng và quản trị hệ thống công nghệ thông tin;

1.2.2.2. Có kỹ năng đánh giá, phản biện và năng lực dẫn dắt chuyên môn để giải quyết vấn đề liên quan đến lĩnh vực công nghệ thông tin.

1.2.2.3. Có năng lực ngoại ngữ để nghiên cứu chuyên môn, giải quyết công việc, giao tiếp với cộng sự chuyên gia nước ngoài.

1.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

1.2.3.1. Có năng lực tự học, làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và chịu trách nhiệm trong công việc; có khả năng học tập suốt đời để phát triển nghề nghiệp và phục vụ cộng đồng.

1.2.3.2. Có năng lực tổ chức, điều hành, quản lý, giải quyết các công việc trong lĩnh vực chuyên môn nghề nghiệp.

1.2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng kỹ sư Công nghệ thông tin; đảm nhận được công việc ở các vị trí: lập trình viên phát triển phần mềm; kỹ thuật viên kiểm duyệt chất lượng phần mềm; chuyên viên phân tích thiết kế hệ thống, quản lý dữ liệu; kỹ thuật phần cứng máy tính; kỹ thuật viên hoặc quản trị viên hệ thống công nghệ thông tin; cán bộ nghiên cứu, giảng dạy trong lĩnh vực công nghệ thông tin,... hoặc theo học ở các bậc trình độ cao hơn.

2. CHUẨN ĐẦU RA

2.1. Kiến thức

2.1.1. Hiểu được những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật, quốc phòng và an ninh, giáo dục thể chất và vận dụng để hình thành phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và ý thức trách nhiệm công dân trong quá trình học tập, làm việc và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

2.1.2. Vận dụng được kiến thức khoa học tự nhiên, toán học, ngoại ngữ, tin học, các công nghệ số và ứng dụng của trí tuệ nhân tạo để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, học tập nâng cao trình độ.

2.1.3. Vận dụng được các kiến thức về hệ điều hành, máy tính, mạng máy tính; các giải thuật, kỹ thuật phân tích hệ thống và quản trị hệ thống để xác định giải pháp và giải quyết các vấn đề chuyên môn.

2.1.4. Tổng hợp được kiến thức về thiết kế, lập trình và quản trị dự án để quản trị và phát triển hệ thống công nghệ thông tin và chuyển giao.

2.1.5. Vận dụng được các công nghệ mới trong lĩnh vực công nghệ thông tin như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, Internet vạn vật (IoT) và các công nghệ số liên quan trong thiết kế, phát triển và triển khai các hệ thống thông tin.

2.1.6. Hiểu được các nguyên lý cơ bản về quản lý, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất - kinh doanh trong lĩnh vực công nghệ thông tin, từ đó có khả năng tham gia vào quá trình quản lý dự án và triển khai hệ thống CNTT trong doanh nghiệp.

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Vận hành, quản trị và triển khai các hệ thống công nghệ thông tin một cách hiệu quả, bảo đảm an toàn và bảo mật; khai thác, ứng dụng và tích hợp các công nghệ số hiện đại trong giải quyết các bài toán chuyên môn vào thực tiễn nghề nghiệp.

2.2.2. Phát hiện, phân tích và giải quyết được các vấn đề kỹ thuật trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

2.2.3. Thiết kế, lập trình và phát triển được các giải pháp công nghệ dựa trên máy tính, điện thoại, các ứng dụng IoT.

2.2.4. Truyền đạt được vấn đề, giải pháp chuyên môn tới người khác một cách rõ ràng, dễ hiểu; đánh giá được chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

2.2.5. Hợp tác, thích ứng được với môi trường, công việc mới; dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho bản thân, cho người khác.

2.2.6. Năng lực ngoại ngữ tiếng Anh hoặc tiếng Trung Quốc đạt bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

2.3.1. Có năng lực tự học, làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và chịu trách nhiệm trong công việc; có khả năng học tập suốt đời để phát triển nghề nghiệp và phục vụ cộng đồng.

2.3.2. Có khả năng lập kế hoạch, tổ chức và điều phối công việc trong các dự án công nghệ thông tin; hướng dẫn và hỗ trợ các thành viên khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

2.3.3. Có khả năng tự học, tự nghiên cứu và cập nhật các công nghệ mới trong lĩnh vực công nghệ thông tin nhằm nâng cao năng lực chuyên môn và thích ứng với sự phát triển nhanh của công nghệ.

2.3.4. Có ý thức tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, pháp luật và các quy định trong lĩnh vực công nghệ thông tin; có trách nhiệm xã hội và đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng.

3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO THEO KẾ HOẠCH HỌC TẬP CHUẨN TOÀN KHÓA:

4 năm (đối với người đã tốt nghiệp THPT);

2÷3 năm (đối với người đã tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng, Đại học).

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 161 tín chỉ

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Người đã tốt nghiệp trung học phổ thông; người đã tốt nghiệp trình độ trung cấp và đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng; Người tốt nghiệp trình độ đại học.

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Thực hiện theo quy chế đào tạo trình độ đại học (phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ, hình thức đào tạo từ xa) và các văn bản hiện hành, được cụ thể hóa theo quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Sao Đỏ.

7. THANG ĐIỂM: Sử dụng thang điểm 10 được quy đổi thành thang điểm 4 và điểm chữ

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

STT/ No	Mã học phần/ Course code	Học phần/ Course	Tín chỉ/ <i>Credit</i>		
			Tổng/ Total	LT/ Lecture	TH/ Practice
8.1		KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG <i>General education knowledge</i>	51		
8.1.1		Lý luận chính trị <i>Political theory</i>	11	11	0
1	CTRI 001	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Scientific Socialism</i>	2	2	0
2	CTRI 002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin <i>Marxist - Leninist Political Economy</i>	2	2	0
3	CTRI 003	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>History of the Communist Party of Vietnam</i>	2	2	0
4	CTRI 004	Triết học Mác - Lênin <i>Marxist - Leninist Philosophy</i>	3	3	0
5	CTRI 005	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh Ideology</i>	2	2	0
8.1.2		Khoa học xã hội - nhân văn <i>Social sciences and humanities</i>	2	2	0
6	KHXH 006	Pháp luật đại cương <i>Introduction to law</i>	2	2	0
8.1.3		Ngoại ngữ (chọn 1 trong 3 ngoại ngữ) <i>Foreign language (choose 1 of 2 languages)</i>	8	8	0
8.1.3.1		Tiếng Anh <i>English</i>	8	8	0
7	TANH 051	Tiếng Anh 1 <i>English 1</i>	2	2	0
8	TANH 052	Tiếng Anh 2 <i>English 2</i>	3	3	0
9	TANH 053	Tiếng Anh 3 <i>English 3</i>	3	3	0
8.1.3.2		Tiếng Trung Quốc <i>Chinese</i>	8	8	0
10	TTRUNG 022	Tiếng Trung Quốc 1 <i>Chinese 1</i>	2	2	0
11	TTRUNG 023	Tiếng Trung Quốc 2 <i>Chinese 2</i>	3	3	0
12	TTRUNG 024	Tiếng Trung Quốc 3 <i>Chinese 3</i>	3	3	0
8.1.4		Toán học - Khoa học tự nhiên - Tin học <i>Mathematics - Natural Sciences - Informatics</i>	15	12	3
13	TOAN 014	Đại số tuyến tính <i>Linear Algebra</i>	3	3	0
14	TOAN 016	Giải tích <i>Calculus</i>	3	3	0

STT/ No	Mã học phần/ Course code	Học phần/ Course	Tín chỉ/Credit		
			Tổng/ Total	LT/ Lecture	TH/ Practice
15	VLY 010	Vật lý đại cương và ứng dụng <i>General physics and applications</i>	4	3	1
16	TINCB 007	Tin học cơ bản <i>Basic informatics</i>	3	2	1
17	CNTT 011	Ứng dụng công nghệ số và AI <i>Applications of Digital Technology and Artificial Intelligence</i>	2	1	1
8.1.5		Kỹ năng mềm <i>Soft skills</i>	2	1	1
18	KNM 010	Kỹ năng mềm <i>Soft skills</i>	2	1	1
8.1.6		Giáo dục thể chất (chọn 3 trong 5 học phần sau) <i>Physical education (choose 3 of 5 courses)</i>	3	0	3
19	GDTC 001	Bóng chuyền hơi <i>Soft volleyball</i>	1	0	1
20	GDTC 002	Bóng đá <i>Football</i>	1	0	1
21	GDTC 004	Khiêu vũ thể thao <i>Dancesport</i>	1	0	1
22	GDTC 005	Pickleball <i>Pickleball</i>	1	0	1
23	GDTC 006	Cầu lông <i>Badminton</i>	1	0	1
8.1.7		Giáo dục quốc phòng và an ninh <i>National Defense and Security Education</i>	8 TC (165 tiết)		
24	GDQP	Giáo dục quốc phòng và an ninh <i>National Defense and Security Education</i>	8 TC (165 tiết)		
8.1.8		Phần tự chọn có hướng dẫn (chọn 1 trong 5 học phần sau) <i>Guided elective module (select 1 of the following 5 courses)</i>	2	2	0
25	KHXH 002	Khởi nghiệp kinh doanh <i>Business start-up</i>	2	2	0
26	KHXH 007	Phương pháp nghiên cứu khoa học <i>Scientific research methods</i>	2	2	0
27	KHXH 012	Tổ chức sản xuất và quản lý doanh nghiệp <i>Production organization and business management</i>	2	2	0
28	TOAN 021	Xác suất và thống kê <i>Probability and Statistics</i>	2	2	0
29	TOAN 020	Phương pháp tính <i>Numerical Methods</i>	2	2	0
8.2		KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN	110	57	53

STT/ No	Mã học phần/ Course code	Học phần/ Course	Tín chỉ/Credit		
			Tổng/ Total	LT/ Lecture	TH/ Practice
		NGHIỆP <i>Professional Education Knowledge</i>			
8.2.1		Kiến thức cơ sở ngành <i>Basic industry knowledge</i>	19	15	4
30	CNTT 008	Toán rời rạc <i>Discrete Mathematics</i>	2	2	0
31	CNTT 004	Lập trình C <i>C Programming</i>	3	2	1
32	CNTT 039	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật <i>Data Structures and Algorithms</i>	3	2	1
33	CNTT 005	Mạng máy tính <i>Computer Networks</i>	3	2	1
34	CNTT 006	Nguyên lý hệ điều hành <i>Operating System Principles</i>	2	2	0
35	CNTT 002	Cơ sở dữ liệu <i>Database Systems</i>	2	2	0
36	CNTT 031	Phân tích và thiết kế hệ thống <i>System Analysis and Design</i>	4	3	1
8.2.2		Kiến thức ngành <i>Professional knowledge</i>	38	22	16
8.2.2.1		Phần bắt buộc <i>Compulsory subjects</i>	34	20	14
37	CNTT 044	Lập trình C++ <i>C++ Programming</i>	3	2	1
38	CNTT 022	Thiết kế web <i>Web Design</i>	3	2	1
39	CNTT 038	Bảo trì hệ thống <i>System Maintenance</i>	3	2	1
40	CNTT 047	Quản trị cơ sở dữ liệu <i>Database Administration</i>	3	2	1
41	CNTT 019	Phát triển ứng dụng web <i>Web Application Development</i>	4	2	2
42	CNTT 016	Lập trình Python <i>Python Programming</i>	3	2	1
43	CNTT 012	Công nghệ phần mềm <i>Software Engineering</i>	3	2	1
44	CNTT 030	Lập trình Java <i>Java Programming</i>	4	2	2
45	CNTT 033	Trí tuệ nhân tạo <i>Artificial Intelligence</i>	3	2	1

STT/ No	Mã học phần/ Course code	Học phần/ Course	Tín chỉ/Credit		
			Tổng/ Total	LT/ Lecture	TH/ Practice
46	CNTT 214	Xử lý ảnh <i>Image Processing</i>	3	2	1
47	CNTT 013	Đồ án kiến thức ngành <i>Major Project</i>	2	0	2
8.2.2.2		Phần tự chọn có hướng dẫn (chọn 2 trong 3 học phần sau) Guided elective module (select 2 of the following 3 courses)	4	2	2
48	CNTT 009	AutoCAD <i>AutoCAD</i>	2	1	1
49	CNTT 046	Đồ họa ứng dụng <i>Applied Graphics</i>	2	1	1
50	CNTT 021	SEO Master <i>SEO Master</i>	2	1	1
8.2.3		Kiến thức chuyên ngành (chọn 1 trong 2 chuyên ngành sau) Specialization Knowledge (choose 1 of 2 specializations)	27	16	11
8.2.3.1		Chuyên ngành Công nghệ phần mềm Software Engineering Specialization			
		Phần bắt buộc Compulsory subjects	21	12	9
51	CNTT 110	Lập trình game 3D <i>3D Game Programming</i>	3	2	1
52	CNTT 106	Quản lý dự án phần mềm <i>Software Project Management</i>	3	2	1
53	CNTT 212	Phát triển ứng dụng IoT <i>IoT Application Development</i>	3	2	1
54	CNTT 109	Lập trình C# <i>C# Programming</i>	3	2	1
55	CNTT 105	Phát triển ứng dụng di động <i>Mobile Application Development</i>	3	2	1
56	CNTT 102	Kiểm thử và đảm bảo chất lượng phần mềm <i>Software Testing and Quality Assurance</i>	3	2	1
57	CNTT 101	Đồ án công nghệ phần mềm <i>Software Engineering Project</i>	3	0	3
8.2.3.2		Chuyên ngành Mạng máy tính Networking specialization			
		Phần bắt buộc - Compulsory subjects	21	12	9
58	CNTT 208	Mạng không dây <i>Wireless Networks</i>	3	2	1

STT/ No	Mã học phần/ Course code	Học phần/ Course	Tín chỉ/Credit		
			Tổng/ Total	LT/ Lecture	TH/ Practice
59	CNTT 211	Phân tích và thiết kế mạng máy tính <i>Computer Network Analysis and Design</i>	3	2	1
60	CNTT 108	Quản trị hệ thống Linux <i>Linux System Administration</i>	3	2	1
61	CNTT 201	An toàn và an ninh mạng <i>Network Security and Safety</i>	3	2	1
62	CNTT 216	Lập trình mạng <i>Network Programming</i>	3	2	1
63	CNTT 215	Quản trị mạng <i>Network Administration</i>	3	2	1
64	CNTT 204	Đồ án mạng máy tính <i>Computer Network Project</i>	3	0	3
8.2.3.3		Phần tự chọn có hướng dẫn (chọn cho cả 2 chuyên ngành, chọn 2 trong 6 học phần sau) Guided elective module (select 2 of the following 6 courses)	6	4	2
65	CNTT 202	Bảo mật thông tin <i>Information Security</i>	3	2	1
66	CNTT 032	Phát triển ứng dụng đa nền <i>Cross-platform Application Development</i>	3	2	1
67	CNTT 107	Thị giác máy tính <i>Computer Vision</i>	3	2	1
68	CNTT 045	Dữ liệu lớn <i>Big Data</i>	3	2	1
69	CNTT 207	Lập trình web (ASP.NET) <i>Web Programming with ASP.NET</i>	3	2	1
70	CNTT 041	Lập trình NodeJS <i>NodeJS Programming</i>	3	2	1
8.2.4		Thực tập và đồ án tốt nghiệp Internship and graduation project	26	4	22
71	CNTT 415	Thực tập sản xuất <i>Production internship</i>	6	0	6
72	CNTT 408	Thực tập tốt nghiệp <i>Graduation Internship</i>	8	0	8
73	CNTT 406	Đồ án tốt nghiệp (hoặc học thêm các học phần chuyên môn sau) Graduation project (or take additional specialized courses)	12	0	12
74	CNTT 416	Dự án công nghệ thông tin <i>Information Technology Project</i>	6	0	6
75	CNTT 417	Thực hành chuyên ngành nâng cao <i>Advanced specialized practice</i>	6	0	6
Tổng (tín chỉ) Total (credits)			161		

9. Ma trận tích hợp học phần với chuẩn đầu ra CTĐT

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
1	CTRI 001	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Scientific Socialism</i>	2									3			3			
2	CTRI 002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin <i>Marxist-Leninist Political Economy</i>	2									3			3			
3	CTRI 003	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>History of the Communist Party of Vietnam</i>	2									3			3			
4	CTRI 004	Triết học Mác - Lênin <i>Marxist-Leninist Philosophy</i>	2									3			3			
5	CTRI 005	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh's Ideology</i>	2									3			3			
6	KHXH 006	Pháp luật đại cương <i>General Law</i>	2									3			3			
7	TANH 051	Tiếng Anh 1 <i>English 1</i>		2										3	3			
8	TANH 052	Tiếng Anh 2 <i>English 2</i>		2										3	3			
9	TANH 053	Tiếng Anh 3 <i>English 3</i>		3										3	4			
10	TTRUNG 022	Tiếng Trung Quốc 1 <i>Chinese Language 1</i>		2										3	3			
11	TTRUNG 023	Tiếng Trung Quốc 2 <i>Chinese Language 2</i>		2										3	3			
12	TTRUNG 024	Tiếng Trung Quốc 3 <i>Chinese Language 3</i>		3										3	4			
13	TOAN 014	Đại số tuyến tính <i>Linear Algebra</i>		3								3			2			

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
14	TOAN 016	Giải tích <i>Calculus</i>		3								3			2			
15	VLV 010	Vật lý đại cương và ứng dụng <i>General Physics and Applications</i>		3								3			2			
16	CNTT 011	Ứng dụng công nghệ số và AI <i>Applications of Digital Technology and Artificial Intelligence</i>																
17	TINCB 007	Tin học cơ bản <i>Basic Informatics</i>		3					3						3			
18	KNM 010	Kỹ năng mềm <i>Soft Skills</i>	2									4	3		4		4	
19	GDTC 001	Bóng chuyền hơi <i>Soft Volleyball</i>	2									3			4			
20	GDTC 002	Bóng đá <i>Football</i>	2						3						3			
21	GDTC 004	Khiêu vũ thể thao <i>Dancesport</i>	2						3						3			
22	GDTC 005	Pickleball <i>Pickleball</i>	2						3						3			
23	GDTC 006	Cầu lông <i>Badminton</i>	2						3						3			
24	GDQP	Giáo dục quốc phòng và an ninh <i>National Defense and Security Education</i>	2										2		3			
25	KHXH 002	Khởi nghiệp kinh doanh <i>Business Start-up</i>		3								3	3		3	3		
26	KHXH 007	Phương pháp nghiên cứu khoa học <i>Scientific Research Methods</i>		3								3			3	3		

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
27	KHXH 012	Tổ chức sản xuất và quản lý doanh nghiệp <i>Production Organization and Business Management</i>		3								3			3	3		
28	TOAN 021	Xác suất và thống kê <i>Probability and Statistics</i>		3								3			2			
29	TOAN 020	Phương pháp tính <i>Numerical Methods</i>		3								3			2			
30	CNTT 008	Toán rời rạc <i>Discrete Mathematics</i>			4					4					4	4		
31	CNTT 004	Lập trình C <i>C Programming</i>			3	3				4	4	3			4	5	4	
32	CNTT 039	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật <i>Data Structures and Algorithms</i>			4				4						4		4	
33	CNTT 005	Mạng máy tính <i>Computer Networks</i>			4	4			3	4	4	5			4	4	4	
34	CNTT 006	Nguyên lý hệ điều hành <i>Operating System Principles</i>			4				3		3				3	4		
35	CNTT 002	Cơ sở dữ liệu <i>Database Systems</i>			4					4		3			3		4	
36	CNTT 031	Phân tích và thiết kế hệ thống <i>System Analysis and Design</i>			4						4				4		4	
37	CNTT 044	Lập trình C++ <i>C++ Programming</i>			4	5					5				5		5	
38	CNTT 022	Thiết kế web <i>Web Design</i>				3					3				3		3	
39	CNTT 038	Bảo trì hệ thống <i>System Maintenance</i>			3	3			3	4		5			4	4	5	
40	CNTT 047	Quản trị cơ sở dữ liệu <i>Database Administration</i>				5					4	5			5		4	

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo																
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm				
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4	
41	CNTT 019	Phát triển ứng dụng web <i>Web Application Development</i>				4						4				4		4	
42	CNTT 016	Lập trình Python <i>Python Programming</i>			4	5					5	5				5		5	
43	CNTT 012	Công nghệ phần mềm <i>Software Engineering</i>			3	5				3	4	5	3			4	4	4	
44	CNTT 030	Lập trình Java <i>Java Programming</i>			3	3					4	4	3			4	5	4	
45	CNTT 033	Trí tuệ nhân tạo <i>Artificial Intelligence</i>			3	4						4	3			4	4		
46	CNTT 214	Xử lý ảnh <i>Image Processing</i>					3					4				3	4		
47	CNTT 013	Đồ án kiến thức ngành <i>Major Project</i>			3	4				4	5	4	2			3	4		
48	CNTT 009	AutoCAD AutoCAD				3						4				3	4		
49	CNTT 046	Đồ họa ứng dụng <i>Applied Graphics</i>			6						4	5				4	5		
50	CNTT 021	SEO Master <i>SEO Master</i>		2	4						3	3				4	4		
51	CNTT 110	Lập trình game 3D <i>3D Game Programming</i>				4						5				3		4	
52	CNTT 106	Quản lý dự án phần mềm <i>Software Project Management</i>			4	3				3	4	5	3			5	4	5	4
53	CNTT 212	Phát triển ứng dụng IoT <i>IoT Application Development</i>			4	6	3					5				5		5	
54	CNTT 109	Lập trình C# <i>C# Programming</i>				5						5				5		5	
55	CNTT 105	Phát triển ứng dụng di động <i>Mobile Application</i>				4						5				3		4	

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
68	CNTT 045	Dữ liệu lớn <i>Big Data</i>			4	5	3								5		5	
69	CNTT 207	Lập trình web (ASP.NET) <i>Web Programming with ASP.NET</i>				3									4		4	
70	CNTT 041	Lập trình NodeJS <i>NodeJS Programming</i>				5	4	3		4	4	4			5		4	
71	CNTT 415	Thực tập sản xuất <i>Industrial Internship</i>				4						5			3	4		3
72	CNTT 408	Thực tập tốt nghiệp <i>Graduation Internship</i>			3	4		3		3		3	4		5		4	4
73	CNTT 406	Đồ án tốt nghiệp <i>Graduation project</i>																
74	CNTT 416	Dự án công nghệ thông tin <i>Information Technology Project</i>			4	4					5	4	4		3	4	3	3
75	CNTT 417	Thực hành chuyên ngành nâng cao <i>Advanced Professional Practice</i>			4	4	4				5	4	4		3	4	3	3

10. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CHUẨN

10.1. CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ PHẦN MỀM

Triết học Mác-Lênin CTRI 004 (3,3,0)	TIẾNG ANH 1/ TIẾNG TRUNG 1/ TANH 051/ TTRUNG 022 (2,2,0)	TIẾNG ANH 2/ TIẾNG TRUNG 2/ TANH 052/ TTRUNG 023 (3,3,0)	TIẾNG ANH 3/ TIẾNG TRUNG 3/ TANH 053/ TTRUNG 024 (3,3,0)					
Đại số tuyến tính TOAN 014 (3,3,0)	Chủ nghĩa xã hội khoa học CTRI 001 (2,2,0)	Tư tưởng HCM CTRI 005 (2,2,0)	Phân tích và thiết kế hệ thống CNTT 031 (4,3,1)	Lập trình Java CNTT 030 (4,2,2)	Phát triển ứng dụng di động CNTT 105 (3,2,1)	Lập trình Game 3D CNTT 110 (3,2,1)		
Kinh tế chính trị Mác-Lênin CTRI 002 (2,2,0)	L. sử DCSVN CTRI 003 (2,2,0)	Toán rời rạc CNTT 008 (2,2,0)	Quản trị CSDL CNTT 047 (3,2,1)	Bảo trì hệ thống CNTT 038 (3,2,1)	Lập trình C# CNTT 109 (3,2,1)	Xử lý ảnh CNTT 214 (3,2,1)		
Giáo dục quốc phòng và an ninh GDQP (4TC)	Lập trình C CNTT 004 (3,2,1)	Lập trình C++ CNTT 044 (3,2,1)	Mạng máy tính CNTT 005 (3,2,1)	Công nghệ phần mềm CNTT 012 (3,2,1)	Quản lý dự án phần mềm CNTT 106 (3,2,1)	Đồ án CNPM CNTT 101 (3,0,3)		
Tin học cơ bản TINCB 007 (3,2,1)	Giáo dục quốc phòng và an ninh GDQP (4TC)	Cơ sở dữ liệu CNTT 002 (2,2,0)	Thiết kế web CNTT 022 (3,2,1)	Phát triển ứng dụng web CNTT 019 (4,2,2)	Kiểm thử và đảm bảo CLPM CNTT 102 (3,2,1)	Thực tập sản xuất CNTT 415 (6,0,6)	Thực tập tốt nghiệp CNTT 408 (8,0,8)	
Pháp luật đại cương KHXX 006 (2,2,0)	Cấu trúc dữ liệu & giải thuật CNTT 039 (3,2,1)	Vật lý đại cương và ứng dụng VLY 010 (4,3,1)	L. trình Python CNTT 016 (3,2,1)	Trí tuệ nhân tạo CNTT 033 (3,2,1)	Phát triển ứng dụng IoT CNTT 212 (3,2,1)		Đồ án tốt nghiệp (Hoặc học các học phần thay thế) CNTT 406 (12,0,12)	
Kỹ năng mềm KNM 008 (2,1,1)	Giải tích TOAN 016 (3,3,0)	Ứng dụng công nghệ số và AI CNTT 011 (2,1,1)	Nguyên lý hệ điều hành CNTT 006 (2,2,0)	Đồ án kiến thức ngành CNTT 013 (2,0,2)				
GDTC1 Chọn 1/5 học phần 8.1.6 (1,0,1)	GDTC2 Chọn 1/4 học phần (còn lại) 8.1.6 (1,0,1)	Tự chọn Chọn 1/5 học phần 8.1.8 (2,2,0)		GDTC3 Chọn 1/3 học phần (còn lại) 8.1.6 (1,0,1)	Tự chọn Chọn 2/3 học phần 8.2.2.2 (4,2,2)	Tự chọn Chọn 2/6 học phần 8.2.3.3 (6,4,2)		
HKI: 20TC	HKII: 20TC	HKIII: 20TC	HKIV: 21TC	HKV: 20TC	HKVI: 19TC	HKVII: 21TC	HKVIII: 20TC	

10.2. CHUYÊN NGÀNH MẠNG MÁY TÍNH

Triết học Mác-Lênin CTRI 004 (3,3,0)	TIẾNG ANH 1/ TIẾNG TRUNG 1/ TANH 051/ TTRUNG 022 (2,2,0)	TIẾNG ANH 2/ TIẾNG TRUNG 2/ TANH 052/ TTRUNG 023 (3,3,0)	TIẾNG ANH 3/ TIẾNG TRUNG 3/ TANH 053/ TTRUNG 024 (3,3,0)					
Đại số tuyến tính TOAN 014 (3,3,0)	Chủ nghĩa xã hội khoa học CTRI 001 (2,2,0)	Tư tưởng HCM CTRI 005 (2,2,0)	Phân tích và thiết kế hệ thống CNTT 031 (4,3,1)	Lập trình Java CNTT 030 (4,2,2)	Lập trình mạng CNTT 216 (3,2,1)	An toàn an ninh mạng CNTT 201 (3,2,1)		
Kinh tế chính trị Mác-Lênin CTRI 002 (2,2,0)	L. sử DCSVN CTRI 003 (2,2,0)	Toán rời rạc CNTT 008 (2,2,0)	Quản trị CSDL CNTT 047 (3,2,1)	Bảo trì hệ thống CNTT 038 (3,2,1)	Quản trị mạng CNTT 215 (3,2,1)	Xử lý ảnh CNTT 214 (3,2,1)		
Giáo dục quốc phòng và an ninh GDQP (4TC)	Lập trình C CNTT 004 (3,2,1)	Lập trình C++ CNTT 044 (3,2,1)	Mạng máy tính CNTT 005 (3,2,1)	Công nghệ phần mềm CNTT 012 (3,2,1)	Mạng không dây CNTT 208 (3,2,1)	Đồ án MMT CNTT 204 (3,0,3)		
Tin học cơ bản TINCB 007 (3,2,1)	Giáo dục quốc phòng và an ninh GDQP (4TC)	Cơ sở dữ liệu CNTT 002 (2,2,0)	Thiết kế web CNTT 022 (3,2,1)	Phát triển ứng dụng web CNTT 019 (4,2,2)	Quản trị hệ thống Linux CNTT 108 (3,2,1)	Thực tập sản xuất CNTT 415 (6,0,6)	Thực tập tốt nghiệp CNTT 408 (8,0,8)	
Pháp luật đại cương KHXH 006 (2,2,0)	Cấu trúc dữ liệu & giải thuật CNTT 039 (3,2,1)	Vật lý đại cương và ứng dụng VLY 010 (4,3,1)	L. trình Python CNTT 016 (3,2,1)	Trí tuệ nhân tạo CNTT 033 (3,2,1)	Phân tích và thiết kế MMT CNTT 211 (3,2,1)		Đồ án tốt nghiệp (Hoặc học các học phần thay thế) CNTT 406 (12,0,12)	
Kỹ năng mềm KNM 008 (2,1,1)	Giải tích TOAN 016 (3,3,0)	Ứng dụng công nghệ số và AI CNTT 011 (2,1,1)	Nguyên lý hệ điều hành CNTT 006 (2,2,0)	Đồ án kiến thức ngành CNTT 013 (2,0,2)				
GDTC1 Chọn 1/5 học phần 8.1.6 (1,0,1)	GDTC2 Chọn 1/4 học phần (còn lại) 8.1.6 (1,0,1)	Tự chọn Chọn 1/5 học phần 8.1.8 (2,2,0)		GDTC3 Chọn 1/3 học phần (còn lại) 8.1.6 (1,0,1)	Tự chọn Chọn 2/3 học phần 8.2.2.2 (4,2,2)	Tự chọn Chọn 2/6 học phần 8.2.3.3 (6,4,2)		
HKI: 20TC	HKII: 20TC	HKIII: 20TC	HKIV: 21TC	HKV: 20TC	HKVI: 19TC	HKVII: 21TC	HKVIII: 20TC	

3.4. Kế hoạch thực hiện chương trình đào tạo

Kế hoạch đào tạo được thiết kế các học phần theo từng học kỳ, phù hợp với từng khối, từng bậc kiến thức, đảm bảo về các điều kiện tiêu quyết. Một năm học có 2 học kỳ, mỗi học kỳ sinh viên được học từ 19 - 21 tín chỉ. Cụ thể kế hoạch đào tạo được thực hiện theo từng kỳ như sau (Bảng 2):

Bảng 2. Kế hoạch đào tạo và phân công giảng viên giảng dạy đào tạo từ xa trình độ đại học ngành CNTT

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			Học phần tiên quyết	Phân công giảng viên giảng dạy
			Tổng	LT	TH		
		Kỳ 1					
1	CTRI 004	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	Không	Phạm Xuân Đức Phạm Văn Dự
2	TOAN 014	Đại số tuyến tính	3	3	0	Không	Nguyễn Thị Tuyền Nguyễn Việt Tuấn
3	CTRI 002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	Không	Nguyễn Mạnh Tường Vũ Văn Đông
4	GDQP	Giáo dục quốc phòng và an ninh	4	0	4	Không	Hà Đình Soát Vũ Tiến Hiếu
5	TINCB 007	Tin học cơ bản	3	2	1	Không	Phạm Thị Tâm; Phạm Văn Kiên; Hoàng Thị An; Vũ Bảo Tạo
6	KHXH 006	Pháp luật đại cương	2	2	0	Không	Phạm Thị Mai Nguyễn Thị Hiền
7	KNM 008	Kỹ năng mềm	2	1	1	Không	Phạm Thị Mai Nguyễn Mạnh Tường
8	GDTC001	Giáo dục thể chất 1	1	0	1	Không	Hà Đình Soát Phạm Anh Dũng Lê Thị Huyền
		Cộng	20	13	7		
		Kỳ 2					
9	TANH 051	Tiếng Anh 1	2	2	0	Không	Trịnh Thị Chuyên Vũ Thị Lương
10	TTRUNG 022	Tiếng Trung Quốc 1	2	2	0	Không	Bùi Thị Trang Nguyễn Thị Lan
11	CTRI 001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	Không	Phùng Thị Lý Nguyễn Thị Nhan
12	CTRI 003	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	Không	Nguyễn Thị Hải Hà Phạm Thị Hồng Hoa
13	CNTT 004	Lập trình C	3	2	1	Không	Phạm Thị Tâm Nguyễn Thị Bích Ngọc
14	GDQP	Giáo dục quốc phòng và an ninh	4	0	4	Không	Hà Đình Soát Vũ Tiến Hiếu
15	CNTT 039	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	2	1	Không	Phạm Thị Tâm Nguyễn Thị Bích Ngọc
16	TOAN 016	Giải tích	3	3	0	Không	Nguyễn Kiều Hiền Nguyễn Văn Toán
17	GDTC002	Giáo dục thể chất 2	1	0	1		Hà Đình Soát

TT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ			Học phần	Phân công giảng viên Phạm Anh Dũng Lê Thị Huyền
		Cộng	20	13	7		<i>Chọn 1/2 ngoại ngữ</i>
		Kỳ 3					
18	TANH 052	Tiếng Anh 2	3	3	0	Không	Trịnh Thị Chuyên Trần Hoàng Yến
19	TTRUNG 023	Tiếng Trung Quốc 2	3	3	0	Không	Phạm Thị Hồng Trang Nguyễn Thị Lan
20	CTRI 005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	Không	Phạm Xuân Đức
21	CNTT 008	Toán rời rạc	2	2	0	Không	Hoàng Thị Ngọc Diệp Nguyễn T Thanh Bình
22	CNTT 044	Lập trình C++	3	2	1	Không	Hoàng Thị An Nguyễn Thế Long
23	CNTT 002	Cơ sở dữ liệu	2	2	0	Không	Nguyễn T Thanh Bình Nguyễn Thị Ánh Tuyết
24	VLV 010	Vật lý đại cương và ứng dụng	4	3	1	Không	Nguyễn Văn Tuyên
25	CNTT 011	Ứng dụng công nghệ số và AI	2	1	1	Không	Phạm Thị Tâm; Phạm Văn Kiên; Hoàng Thị An; Vũ Bảo Tạo
26		<i>Phần tự chọn 8.1.8 (chọn 1/5 học phần)</i>	2	2	0	Không	Nguyễn Thị Hué Nguyễn Thị Ngọc Mai Nguyễn Kiều Hiên Nguyễn Thị Diệp Huyền
		Cộng	20	18	2		
		Kỳ 4					
27	TANH 053	Tiếng Anh 3	3	3	0	Không	Vũ Thị Lương Trần Hoàng Yến
28	TTRUNG 024	Tiếng Trung Quốc 3	3	3	0	Không	Phạm Thị Hồng Trang Nguyễn Thị Lan
29	CNTT 031	Phân tích và thiết kế hệ thống	4	3	1	Không	Nguyễn Thị Ánh Tuyết Nguyễn Thị Thu
30	CNTT 020	Quản trị cơ sở dữ liệu	3	2	1	Không	Nguyễn Thị Ánh Tuyết Nguyễn Thị Thu
31	CNTT 005	Mạng máy tính	3	2	1	Không	Nguyễn Thị Ánh Tuyết Nguyễn Thị Thu
32	CNTT 022	Thiết kế web	3	2	1	Không	Phạm Văn Kiên Hoàng Thị Ngọc Diệp
33	CNTT 016	Lập trình Python	3	2	1	Không	Vũ Bảo Tạo Hoàng Thị Ngát
34	CNTT 006	Nguyên lý hệ điều hành	2	2	0	Không	Nguyễn Thị Ánh Tuyết Phạm Thị Tâm
		Cộng	21	16	5		
		Kỳ 5					
35	CNTT 030	Lập trình Java	4	2	2	Không	Hoàng Thị An Phạm Thị Hường

TT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ			Học phần	Phân công giảng viên
36	CNTT 038	Bảo trì hệ thống	3	2	1	Không	Vũ Bảo Tạo Hoàng Thị Thu Hiền
37	CNTT 012	Công nghệ phần mềm	3	2	1	Không	Vũ Bảo Tạo Nguyễn Thị Bích Ngọc
38	CNTT 019	Phát triển ứng dụng web	4	2	2	Không	Phạm Văn Kiên Hoàng Thị Ngọc Diệp
39	CNTT 033	Trí tuệ nhân tạo	3	2	1	Không	Hoàng Thị An Phạm Thị Hường
40	CNTT 013	Đồ án kiến thức ngành	2	0	2	Không	Hoàng Thị An; Vũ Bảo Tạo; Hoàng Thị Ngát
41	GDTC003	Giáo dục thể chất 3	1	0	1	Không	Hà Đình Soát Phạm Anh Dũng Lê Thị Huyền
		Cộng	20	12	8		
		Kỳ 6					
42		Phần tự chọn 8.2.2.2 (chọn 2/3 học phần)	4	2	2	Không	Nguyễn Thị Bích Ngọc Hoàng Thị Ngát
43		Chuyên ngành CNPM					
44	CNTT 105	Phát triển ứng dụng di động	3	2	1	Không	Nguyễn Văn Đức Phạm Thị Hường
45	CNTT 109	Lập trình C#	3	2	1	Không	Vũ Bảo Tạo Hoàng Thị An
46	CNTT 106	Quản lý dự án phần mềm	3	2	1	Không	Nguyễn Văn Đức Nguyễn Thị Bích Ngọc
47	CNTT 102	Kiểm thử và đảm bảo chất lượng phần mềm	3	2	1	Không	Hoàng Thị Ngát Phạm Thị Hường
48	CNTT 212	Phát triển ứng dụng IoT	3	2	1	Không	Vũ Bảo Tạo Hoàng Thị An
49		Chuyên ngành MMT					
50	CNTT 216	Lập trình mạng	3	2	1	Không	Phạm Thị Hường Hoàng Thị An
51	CNTT 215	Quản trị mạng	3	2	1	Không	Vũ Bảo Tạo Nguyễn Thị Thu
52	CNTT 208	Mạng không dây	3	2	1	Không	Vũ Bảo Tạo Nguyễn Thị Ánh Tuyết
53	CNTT 108	Quản trị hệ thống Linux	3	2	1	Không	Vũ Bảo Tạo Nguyễn Thị Thu
54	CNTT 211	Phân tích và thiết kế mạng máy tính	3	2	1	Không	Nguyễn Thị Ánh Tuyết Vũ Bảo Tạo
		Cộng	19	12	7		
		Kỳ 7					
	CNTT 214	Xử lý ảnh	3	2	1	Không	Hoàng Thị An Hoàng Thị Ngát
	CNTT 415	Thực tập sản xuất	6	0	6	Không	Vũ Bảo Tạo Hoàng Thị An
		Phần tự chọn 8.2.3.3 (chọn 2/6 học phần)	6	4	2	Không	Phạm Văn Kiên; Phạm Thị Hường; Vũ Bảo

TT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ			Học phần	Phân công giảng viên Tạo; Hoàng Thị An
		<i>Chuyên ngành CNPM</i>					
55	CNTT 110	Lập trình game 3D	3	2	1	Không	Phạm Thị Hương Hoàng Thị Thu Hiền
56	CNTT 101	Đồ án công nghệ phần mềm	3	0	3	Không	Hoàng Thị An Hoàng Thị Ngát
		<i>Chuyên ngành MMT</i>					
57	CNTT 201	An toàn và an ninh mạng	3	2	1	Không	Nguyễn Thế Long Nguyễn Thị Thu
58	CNTT 204	Đồ án mạng máy tính	3	0	3	Không	Phạm Thị Hương Nguyễn Thị Thu
		Cộng	21	8	13		
		Kỳ 8					
59	CNTT 408	Thực tập tốt nghiệp	8	0	8	Không	Phạm Văn Kiên Phạm Thị Hương
60	CNTT 406	Đồ án tốt nghiệp (hoặc học các học phần thay thế)	12	0	12	Không	Phạm Văn Kiên; Phạm Thị Hương; Vũ Bảo Tạo; Hoàng Thị An
		Cộng	20	0	20		
		Tổng cộng	161	90	71		

3.5. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

- Hướng dẫn lập kế hoạch học tập và đăng ký học phần

Trên cơ sở số học phần trong CTĐT từ xa trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin, xây dựng kế hoạch đào tạo của khóa học, tiến độ năm học và triển khai tiến độ thực hiện hàng tuần, hàng tháng đảm bảo mục tiêu, nội dung chương trình giáo dục đại học.

Sinh viên nhận kế hoạch đào tạo toàn khóa từ Phòng Đào tạo và tuyển sinh của Trường, trong đó có ghi rõ các học phần phải học cho từng học kỳ của khóa học. Mỗi năm học có 2 kỳ, trước mỗi kỳ học, sinh viên được cố vấn học tập, Bộ môn và Khoa quản lý ngành học tư vấn. Kế hoạch học tập là cơ sở để sinh viên đăng ký các học phần trong mỗi học kỳ trên hệ thống quản lý đào tạo của Nhà trường.

Đầu mỗi học kỳ, Nhà trường, giáo viên chủ nhiệm thông báo cho sinh viên những học phần sẽ học trong học kỳ đó và thời khóa biểu của từng học phần tương ứng, sinh viên phải thực hiện đăng ký học phần trước khi học kỳ mới bắt đầu. Các học phần đăng ký phải theo kế hoạch đào tạo.

- Hướng dẫn tổ chức thi kết thúc và tích lũy điểm học phần

Kỳ thi kết thúc học phần sẽ được thực hiện theo quy định hiện hành của Trường Đại học Sao Đỏ. Điểm chuyên cần sẽ được giảng viên cho dựa trên mức độ đóng góp vào các phần thảo luận trực tuyến và kết quả các bài kiểm tra trực tuyến khi kết thúc một hoặc một vài chương/bài học. Việc tổ chức thi kết thúc học phần phải được thực hiện tập trung tại nhà trường hoặc tại các cơ sở liên kết, được giám sát bởi cán bộ coi thi của Nhà trường. Đề thi kết thúc học phần phải lấy trong ngân hàng đề thi chung với hình thức đào

tạo chính quy. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần, cách tính điểm và xếp hạng tốt nghiệp thực hiện theo các quy định về đào tạo chính quy của trường Đại học Sao Đỏ.

Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, được giảng viên phụ trách học phần nhập điểm vào phần mềm quản lý đào tạo và điểm được hệ thống quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4. Cách quy đổi điểm được thực hiện theo bảng dưới đây (*Bảng 3*):

Bảng 3. Cách quy đổi điểm học phần

Điểm số theo thang điểm 10	Điểm chữ	Điểm số theo thang điểm 4
9,0 - 10,0	A+	4,0
8,5 - 8,9	A	3,7
8,0 - 8,4	B+	3,5
7,0 - 7,9	B	3,0
6,5 - 6,9	C+	2,5
5,5 - 6,4	C	2,0
5,0 - 5,4	D+	1,5
4,0 - 4,9	D	1,0
nhỏ hơn 4,0	F	0,0

- *Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp:*

+ Sinh viên phải học hết chương trình đào tạo từ xa trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin, phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong CTĐT đại học.

+ Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả tích lũy của sinh viên để quyết định cho sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học một số học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp và tổ chức xét công nhận tốt nghiệp.

- *Hình thức đào tạo và cấp bằng:*

Chương trình đào tạo được thực hiện thông qua hình thức đào tạo từ xa. Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở chương trình đào tạo đang áp dụng cho hình thức chính quy (sau đây gọi tắt là chương trình đào tạo chính quy) của Trường Đại học Sao Đỏ đã được phê duyệt.

Chương trình được thiết kế linh hoạt, mềm dẻo để người học có thể chủ động trong việc lựa chọn các module học các học phần. Các chương trình đào tạo được quản lý theo quy trình chuẩn, có kiểm định chất lượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được thiết kế theo học phần/tín chỉ để đảm bảo tính liên thông.

Khi tốt nghiệp chương trình này, học viên sẽ được cấp bằng đại học chính quy. Trong Bằng hoặc/và Bảng điểm có thể ghi tên ngành, chuyên ngành đào tạo.

3.6. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo

3.6.1. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo

Căn cứ Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Sao Đỏ.

Thông tin tuyển sinh của ngành như sau:

- Ngành đào tạo: Công nghệ thông tin
- Mã ngành: 7480201
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Phương thức tổ chức đào tạo: Từ xa
- Mã trường tuyển sinh: SDU

- Phương thức tuyển sinh:

* Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT và tương đương

+ Xét tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

+ Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT hằng năm. Các tổ hợp môn xét tuyển sinh:

A00: Toán, Vật lí, Hóa học

A01: Toán, Vật lí, Tiếng Anh

A07: Toán, Lịch sử, Địa lí

A09: Toán, Địa lí, GD&ĐT

B00: Toán, Hóa học, Sinh học

C01: Toán, Ngữ văn, Vật lí

C02: Toán, Ngữ văn, Hóa học

C03: Toán, Ngữ văn, Lịch sử

C04: Toán, Ngữ văn, Địa lí

C14: Toán, Ngữ văn, GD&ĐT

D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh

D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh

X01: Toán, Ngữ văn, GD&ĐT

X02: Toán, Ngữ văn, Tin học

X03: Toán, Ngữ văn, Công nghiệp

X04: Toán, Ngữ văn, Nông nghiệp

X21: Toán, Địa lí, GD&ĐT

+ Xét tuyển dựa vào kết quả học tập bậc THPT.

+ Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức; Kỳ thi Đánh giá tư duy do Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức.

+ Xét tuyển kết hợp: giữa kết quả thi THPT và kết quả học tập bậc THPT

* Đối với thí sinh đã tốt nghiệp trung cấp; cao đẳng; đại học hoặc tương đương: Xét điểm trung bình tích lũy toàn khóa học trình độ cao đẳng hoặc trình độ đại học.

- Hình thức tuyển sinh: xét tuyển

- Thời gian tuyển sinh: tuyển sinh liên tục trong năm, khai giảng mỗi năm từ 8-10 đợt, tùy thuộc vào số lượng đăng ký và nhu cầu của các đối tác.

- Chỉ tiêu tuyển sinh: được xác định cụ thể trong đề án tuyển sinh hàng năm của Trường ĐHSĐ.

- Đối tượng tuyển sinh: Người đã tốt nghiệp trung học phổ thông; người đã tốt nghiệp trình độ trung cấp và đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng; Người tốt nghiệp trình độ đại học.

- Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: 150 TC (không bao gồm học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng và an ninh)

- Thời gian đào tạo: 4,0 năm (đối với người học tốt nghiệp THPT); 2,0-3,0 năm (đối với người học tốt nghiệp đại học, cao đẳng, trung cấp)

3.6.2. Kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo

Trường Đại học Sao Đỏ cam kết đảm bảo chất lượng thông qua thường xuyên đổi mới và hội nhập trong đào tạo; sáng tạo và năng động trong NCKH và chuyển giao công nghệ; gắn lý thuyết với thực hành để trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng cho SV khi tốt nghiệp ra trường đạt hiệu quả cao trong công việc, có năng lực lãnh đạo và thích ứng với thay đổi. Trường Đại học Sao Đỏ cam kết xây dựng hệ thống quản trị hiệu quả, chuyên nghiệp, trách nhiệm, sáng tạo và luôn đổi mới. Hoạt động quản lý của Nhà trường được quy trình hóa, số hóa và được giám sát, đánh giá thường xuyên.

Nhà trường có bộ phận ĐBCL chuyên trách, hằng năm xây dựng kế hoạch ĐBCL tập trung vào hai hoạt động chính đó là khảo thí và ĐBCL. Năm 2017 Nhà trường đã hoàn thành công tác tự đánh giá và được trung tâm KĐCLGD thuộc hiệp hội các trường ĐH, cao đẳng Việt Nam đánh giá ngoài và cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục. Năm 2023 Nhà trường đã thực hiện kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (chu kỳ 2) theo bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT. Nhà trường đã có 09 CTĐT trình độ đại học được trung tâm KĐCLGD thuộc hiệp hội các trường ĐH, cao đẳng Việt Nam cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành gồm: CNKT cơ khí; CNKT điện, điện tử; CNKT ô tô; CNTT; KTĐK&TĐH; Quản trị kinh doanh; Ngôn ngữ Trung Quốc, Kế toán và Công nghệ dệt, may.

Định kỳ lấy ý kiến phản hồi của người học về các điều kiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả học tập: Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về các điều kiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả học tập đối với lớp học phần thông qua Hệ thống khảo sát của Nhà trường.

Thời điểm lấy ý kiến người học: Sau khi kết thúc học phần, sau khi kết thúc khóa học; Kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học, bao gồm nội dung, mức độ, được thông báo tới các đơn vị chức năng, trường khoa, trưởng bộ môn và giảng viên.

Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của CTĐT từ xa Công nghệ thông tin và CTĐT chính quy ngành Công nghệ thông tin độ đại học của Trường Đại học Sao Đỏ hoàn toàn giống nhau. Trong CTĐT từ xa, đề cương chi tiết học phần được điều chỉnh phù hợp với hình thức đào tạo từ xa về phương pháp dạy - học, thời lượng dạy - học,

học liệu, đánh giá kết quả học tập, trong đó sử dụng chủ yếu là phương thức mạng máy tính và viễn thông.

Các điều kiện giảng dạy như đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao, nền tảng công nghệ hỗ trợ đào tạo được đầu tư. Do đó, chất lượng đào tạo của CTĐT từ xa ngành Công nghệ thông tin đáp ứng tốt nhu cầu của xã hội.

Bộ học liệu bao gồm: Giáo trình, tài liệu học tập, đề cương chi tiết học phần, Slide bài giảng toàn bộ học phần, video bài giảng, bộ câu hỏi kết thúc học phần, được số hóa (tài liệu dạng PDF, video...) được hội đồng thẩm định thông qua. Các học phần do giảng viên Trường Đại học Sao Đỏ giảng dạy.

Nội dung và hình thức thi kết thúc học phần của chương trình đào tạo từ xa được thực hiện giống như chương trình đào tạo chính quy.

4. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH CHUẨN BỊ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU THỰC HIỆN ĐÀO TẠO TỪ XA TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN.

4.1. Mô tả tổng quan hệ thống đào tạo từ xa

Hệ thống ĐTTX của Trường Đại học Sao Đỏ gồm tổng thể các thành phần:

- (1) Bộ phận phụ trách tổ chức và quản lý đào tạo;
- (2) Các văn bản quy định về ĐTTX
- (3) Chương trình ĐTTX
- (4) Học liệu ĐTTX
- (5) Đội ngũ giảng viên, cán bộ hỗ trợ học tập, cán bộ quản lý;
- (6) Hệ thống quản lý giảng dạy - học tập từ xa;
- (7) Hệ thống kiểm tra, đánh giá;
- (8) Hệ thống kỹ thuật hỗ trợ.

4.2. Quy chế đào tạo từ xa của Trường Đại học Sao Đỏ

Trường đã tổ chức xây dựng và ban hành Quy chế tuyển sinh và ĐTTX trình độ đại học, được ban hành kèm theo Quyết định số 598 ngày 07/11/2024 của Trường Đại học Sao Đỏ.

Quy chế ĐTTX trình độ đại học của Nhà trường được ban hành đảm bảo các quy định tại Quy chế ĐTTX trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó đã quy định rõ một số nội dung trong hoạt động ĐTTX:

4.2.1. Thời gian học tập

Thời gian học tập chuẩn toàn khóa: 4 năm, thời gian học tập tối đa: 8 năm. Người học có thể đăng ký học tập theo tiến độ nhanh để rút ngắn thời gian học tập.

4.2.2. Tổ chức ĐTTX

Tổ chức ĐTTX được thực hiện theo phương thức đào tạo tín chỉ. Người học được xem xét, công nhận kết quả học tập để chuyển đổi, miễn trừ những học phần đã tích lũy ở các CTĐT cấp văn bằng khác.

Đặc thù của mô hình ĐTTX là sự tự học của học viên ở mức độ cao. Hầu hết các công tác quản lý cũng như thông tin, trao đổi đều được tiến hành thông qua hệ thống công nghệ đào tạo và quản lý từ xa (Online).

Trước khi bắt đầu hình thức khóa học, người học sẽ được hướng dẫn học E - Learning để thông thạo sử dụng các phương tiện điện tử (máy tính, máy tính bảng, điện thoại thông minh,...); Internet và cách thức sử dụng học liệu.

Việc tổ chức đào tạo gồm có 5 nội dung cơ bản nêu chi tiết dưới đây:

Bước 1: Sinh viên học phần lý thuyết (chi tiết trong phần quy trình tự học)

Bước 2: Sinh viên trao đổi thảo luận với giảng viên qua diễn đàn (chi tiết trong phần trao đổi thảo luận)

Bước 3: Sinh viên ôn lại kiến thức thu được thông qua các bài thực hành (chi tiết trong phần luyện tập thực hành)

Bước 4: Trước khi thi hết môn; sinh viên sẽ được ôn tập lại toàn bộ kiến thức (chi tiết trong phần luyện tập thực hành)

Bước 5: Đánh giá cuối học phần: hình thức thi tập trung (chi tiết trong phần đánh giá)

*** Quy trình tự học**

Tăng cường thời gian tự học, tự nghiên cứu cho người học theo các phương pháp học tập hiện đại. Áp dụng những thành tựu mới trong lĩnh vực nghiên cứu, đổi mới công nghệ giáo dục từ khâu cải tiến nội dung chương trình, phương pháp dạy - học tới việc áp dụng tổng hợp các phương tiện kỹ thuật. Học liệu điện tử dưới dạng file mềm, ứng dụng hệ thống phòng học truyền hình hai chiều qua mạng ADSL (video conference), dạy - học qua mạng máy tính LAN và Internet, qua thiết bị di động.

Người học tiếp nhận bài giảng thuận lợi, thông tin đa chiều, phát huy tính chủ động và năng lực tư duy sáng tạo. Bài giảng, giáo trình bằng các phương tiện: file Video, hình ảnh, văn bản, sách, website;

- Thực hành kiểm tra lại các kiến thức được học thông qua ngân hàng bài tập câu hỏi và bài tập tình huống;

- Được hỗ trợ qua mạng (online và offline) qua hệ thống đào tạo E - learning.

*** Trao đổi - thảo luận**

Ngoài bài giảng lý thuyết, mỗi lớp có diễn đàn riêng để trao đổi các vấn đề liên quan tới bài học (lý thuyết và thực tế); sinh viên có thể trao đổi với giảng viên và các thành viên khác về các vấn đề của lớp; giảng viên giải đáp các thắc mắc của sinh viên.

*** Luyện tập - thực hành**

Thực hiện các bài tập, luyện tập, tra dồi kiến thức thông qua ngân hàng câu hỏi, bài kiểm tra, bài tập theo tình huống.

- Học viên được tham gia thực hiện các bài tập, công việc, dự án theo nhóm có hướng dẫn từ xa qua mạng của các giảng viên.

*** Tổ chức hướng dẫn, giải đáp thắc mắc kiến thức, ôn tập cho người học**

Người học sẽ được phụ đạo trước khi thi hết học phần theo hai hình thức: phụ đạo trực tuyến qua Internet hoặc phụ đạo tập trung.

*** Đánh giá cuối học phần**

Kỳ thi kết thúc học phần sẽ được thực hiện theo quy định hiện hành của Trường Đại học Sao Đỏ. Việc tổ chức thi kết thúc học phần phải được thực hiện tập trung tại Nhà trường hoặc tại các cơ sở liên kết, được giám sát bởi cán bộ coi thi của Nhà trường. Đề thi kết thúc học phần phải lấy trong ngân hàng đề thi chung với hệ chính quy. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần, cách tính điểm và xếp hạng tốt nghiệp thực hiện theo các quy định về đào tạo chính quy của trường Đại học Sao Đỏ.

- Điểm đánh giá học phần bao gồm các điểm thành phần theo đề cương chi tiết học phần.

4.2.3. Học phí

Học phí của chương trình đào tạo từ xa được quy định theo năm học, có cân đối giữa các hình thức đào tạo chính quy, từ xa của các trường đại học khác đã triển khai cũng như quy định học phí đối với sinh viên ĐHCQ của Nhà trường.

4.3. Các điều kiện cần đảm bảo

Để đạt được mục tiêu đề án, căn cứ theo khoản 5 điều 2 của thông tư số 28/2023/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học. Nhà trường triển khai xây dựng chương trình ĐTTX và các điều kiện đảm bảo như sau:

Một là, các chương trình ĐTTX sẽ sử dụng các chương trình đào tạo chính quy được xây dựng theo hướng tiệm cận với các chương trình chuẩn của các trường đại học tiên tiến trên thế giới.

Hai là, học liệu giảng dạy trong chương trình ĐTTX được Trường Đại học Sao Đỏ xây dựng đầy đủ, hệ thống học liệu cập nhật thông qua hệ thống thư viện điện tử của trường.

Ba là, hệ thống công nghệ phục vụ giảng dạy, học tập trực tuyến và quản lý sinh viên phục vụ 24/7 phục vụ tối đa nhu cầu người học.

Bốn là, giảng viên giảng dạy trong chương trình ĐTTX có trình độ đảm bảo, được đào tạo qua các khóa về giảng dạy trực tuyến.

Năm là, để quá trình đào tạo tăng tính thực tiễn, đối với một số học phần sinh viên được tham gia các Dự án thực tiễn tại các doanh nghiệp phù hợp. Sinh viên được chương trình cam kết đảm bảo việc làm sau khi hoàn thành khóa học nếu đạt được một số điều kiện của chương trình.

4.4. Bộ máy tổ chức và quản lý

Việc quản lý đào tạo từ xa trực thuộc Phòng Đào tạo và tuyển sinh.

- Ban Giám hiệu trực tiếp quản lý toàn diện các mặt hoạt động của công tác ĐTTX.
- Hội đồng khoa học và đào tạo của nhà trường có trách nhiệm tư vấn cho Ban giám hiệu về những chủ trương chính sách và chiến lược phát triển trong công tác ĐTTX. Thẩm định và phê duyệt những chương trình ĐTTX.

- Các đơn vị hành chính tham gia tổ chức và quản lý ĐTTX gồm: Phòng Đào tạo và tuyển sinh, Phòng Quản lý chất lượng (QLCL), Phòng Kế hoạch và Tài chính, Trung tâm Thông tin thư viện, Phòng Công tác sinh viên và các Khoa quản lý học phần trong chương trình ĐTTX ngành CNTT. Các đơn vị ĐTTX chịu trách nhiệm quản lý, hướng dẫn và hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập, lập kế hoạch đào tạo, tổ

chức và quản lý các hoạt động dạy học, thi, kiểm tra đánh giá và các hoạt động có liên quan khác.

4.5. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học tham gia thực hiện CTĐT

Khoa CNTT có đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng để tổ chức thực hiện CTĐT từ xa ngành Công nghệ thông tin, trình độ đại học. Đội ngũ GV tham gia thực hiện CTĐT từ xa ngành CNTT có 41 GV trong đó có 11 tiến sĩ, 30 thạc sĩ (Bảng 4.1). Đội ngũ GV tham gia thực hiện CTĐT ngành CNTT, trình độ đại học là những người có trình độ chuyên môn cao, có thâm niên giảng dạy và tâm huyết với sự nghiệp giáo dục và đào tạo, đồng thời đảm bảo các yêu cầu về điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của BGDĐT theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022. Cụ thể như sau:

- Có 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT: TS. Nguyễn Văn Đức - chuyên ngành đào tạo Mô hình toán, phương pháp số và tổ hợp các chương trình máy tính, Đại học Quốc gia Baikal - Liên bang Nga.

- Có 10 tiến sĩ là giảng viên cơ hữu có ngành và chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy chương trình, trong đó mỗi thành phần của chương trình đều có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy, cụ thể:

- + Chủ trì giảng dạy Khối kiến thức giáo dục đại cương: TS. Phạm Xuân Đức - chuyên ngành Triết học; TS. Phùng Thị Lý - Chuyên ngành Chủ nghĩa xã hội khoa học; TS. Vũ Văn Đông – chuyên ngành Kinh tế chính trị; TS. Nguyễn Việt Tuấn - chuyên ngành Toán giải tích, TS. Phạm Thị Hồng Trang - Chuyên ngành ngôn ngữ học và ngôn ngữ ứng dụng.

- + Chủ trì giảng dạy Khối kiến thức cơ sở ngành: TS. Nguyễn Thế Long - chuyên ngành đào tạo Kỹ thuật phần mềm.

- + Chủ trì giảng dạy khối kiến thức chuyên ngành: TS. Nguyễn Văn Đức - chuyên ngành đào tạo Mô hình toán, phương pháp số và tổ hợp các chương trình máy tính.

Số lượng đội ngũ giảng viên cơ hữu hiện tại của Trường đảm nhận được 100% khối lượng CTĐT từ xa ngành CNTT. Nhà trường thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, chính sách để thu hút, tuyển dụng, bổ nhiệm, phát triển đội ngũ giảng viên như: Xây dựng cơ chế, chính sách đãi ngộ về điều kiện làm việc, học tập nâng cao trình độ, thu nhập để thu hút nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là đội ngũ giảng viên có trình độ tiến sĩ và đang làm nghiên cứu sinh.

Bảng 4. Danh sách GV, nhà khoa học tham gia giảng dạy các HP trong CTĐT từ xa ngành Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên, ngày sinh	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/Hợp đồng trên 12 tháng, hợp đồng thỉnh giảng	
					Tuyển dụng	Hợp đồng
1	Phùng Thị Lý 08/10/1982		Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2007	
2	Nguyễn Thị Nhan 01/01/1987		Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2010	
3	Phạm Xuân Đức 10/02/1980		Tiến sĩ, Việt Nam, 2023	Triết học	2004	
4	Phạm Văn Dự 21/7/1984		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Triết học	2008	
5	Nguyễn Mạnh Tường 02/02/1975		Thạc sĩ, Việt Nam, 2007	Quản trị kinh doanh	2001	
6	Vũ Văn Đông 18/11/1982		Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Kinh tế chính trị	2008	
7	Phạm Thị Mai 20/02/1982		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Luật học	2006	
8	Nguyễn Thị Hiền 10/03/1985		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Triết học	2008	
9	Nguyễn Văn Tuyên 13/03/1979		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Vật lý	2005	
10	Nguyễn Thị Hải Hà 07/11/1977		Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Lịch sử Đảng	2006	
11	Vũ Thị Lương 01/01/1978		Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh	2001	
12	Trịnh Thị Chuyên, 05/6/1981		Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh	2003	
13	Trần Hoàng Yên 01/02/1982		Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh	2007	
14	Phạm Thị Hồng Trang 16/8/1990		Tiến sĩ, Trung Quốc, 2022	Ngôn ngữ học và ngôn ngữ học ứng dụng	2020	
15	Nguyễn Thị Lan 07/8/1980		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Trung Quốc	2006	

STT	Họ và tên, ngày sinh	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/ Hợp đồng trên 12 tháng, hợp đồng thỉnh giảng	
					Tuyển dụng	Hợp đồng
16	Bùi Thị Trang 17/5/1987		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Trung Quốc	2010	
17	Nguyễn Việt Tuấn 23/08/1983		Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Toán giải tích	2007	
18	Nguyễn Thị Diệp Huyền 29/06/79		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Toán Giải tích	2006	
19	Nguyễn Kiều Hiên 15/07/1986		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Giải tích	2008	
20	Nguyễn Thị Tuyền 14/11/1990		Tiến sĩ, Pháp, 2016	Toán ứng dụng		2025
21	Hà Đình Soát 17/05/1981		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Khoa học Giáo dục	2004	
22	Vũ Tiến Hiếu 19/11/1986		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Giáo dục thể chất	2008	
23	Lê Thị Huyền 26/5/1987		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Quản trị kinh doanh	2009	
24	Phạm Thị Hồng Hoa 23/05/1977		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Kinh tế quốc tế	2002	
25	Nguyễn Thị Ngọc Mai 24/02/1988		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Quản trị kinh doanh	2011	
26	Ngô Đại Phúc 13/07/1983		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Quản trị công nghệ và phát triển doanh nghiệp	2009	
27	Nguyễn Thị Huế 28/6/1985		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Quản lý kinh tế	2008	
28	Phạm Thị Tâm		Thạc sĩ,	Khoa học máy tính	2010	

STT	Họ và tên, ngày sinh	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/ Hợp đồng trên 12 tháng, hợp đồng thỉnh giảng	
					Tuyển dụng	Hợp đồng
	10/02/1987		Việt Nam, 2017			
29	Nguyễn Thị Bích Ngọc 20/01/1989		Thạc sĩ, Việt nam, 2016	Công nghệ thông tin	2012	
30	Hoàng Thị Ngát 13/6/1985		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Khoa học máy tính	2008	
31	Nguyễn Thế Long 13/03/1988		Tiến sĩ Nga, 2017	Kỹ thuật phần mềm		2025
32	Nguyễn Văn Đức 20/02/1987		Tiến sĩ Nga, 2016	Mô hình toán, phương pháp số và tổ hợp các chương trình máy tính		2024
33	Nguyễn Thị Thu 22/12/1983		Thạc sĩ, Việt nam, 2012	Truyền thông mạng máy tính	2007	
34	Hoàng Thị Thu Hiền 24/01/1985		Thạc sĩ, Việt nam, 2016	Công nghệ thông tin	2009	
35	Hoàng Thị Ngọc Diệp 18/05/1982		Thạc sĩ, Việt Nam, 2009	Công nghệ thông tin	2005	
36	Nguyễn Thị Thanh Bình 01/05/1974		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Khoa học máy tính	1996	
37	Hoàng Thị An 19/09/1987		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Khoa học máy tính	2009	
38	Nguyễn Thị Ánh Tuyết 13/03/1981		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Hệ thống thông tin	2007	
39	Phạm Thị Hường 08/03/1981		Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	Hệ thống thông tin	2005	
40	Phạm Văn Kiên 21/11/1979		Thạc sĩ, Việt Nam, 007	Sư phạm kỹ thuật	2004	
41	Vũ Bảo Tạo 17/3/1979		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Công nghệ thông tin	2003	

4.6. Các công trình khoa học của đội ngũ giảng viên, nhà khoa học

Nghiên cứu khoa học là một trong những nhiệm vụ chính của giảng viên, thể hiện trình độ và năng lực của đội ngũ. Trường Đại học Sao Đỏ luôn quan tâm và đẩy mạnh công tác NCKH trong cán bộ, giảng viên và sinh viên. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của Nhà trường ngày càng có chất lượng, hiệu quả. Số lượng đề tài được triển khai áp dụng vào thực tiễn nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ tăng lên theo hàng năm, trong đó có nhiều đề tài cấp Bộ, Tỉnh được nghiệm thu và chuyển giao công nghệ. Số lượng bài báo khoa học của cán bộ cơ hữu trong Nhà trường được đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong 5 năm gần đây cũng tăng lên. Nhiều bài báo có chất lượng cao được đăng trên các tạp chí có chỉ số ISI, scopus, các tạp chí có uy tín trong nước, quốc tế.

Đối với đội ngũ cán bộ giảng viên thực hiện CTĐT từ xa ngành Công nghệ thông tin dự kiến mở, ngoài trình độ chuyên cao, có kinh nghiệm trong đào tạo còn có năng lực nghiên cứu khoa học, đã tham gia và chủ nhiệm nhiều đề tài các cấp, có nhiều bài báo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế (*Bảng 5; Bảng 6*).

Bảng 5. Danh sách các công trình đề tài 5 năm gần nhất của đội ngũ GV, nhà khoa học

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HDKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
1	Số 423/QĐ-ĐHSD, 17/10/2018 12.KHCN/18-19	Cấp cơ sở	Xây dựng nét văn hóa đặc trưng của sinh viên ĐHSD	TS. Phạm Thị Hồng Hoa	Số 28/QĐ-ĐHSD, 18/2/2019	24/05/2019	Đạt	ThS. Vũ Văn Đông ThS. Nguyễn Mạnh Tường ThS. Trần Thị Hồng Nhung	
2	Số 423/QĐ-ĐHSD, 17/10/2018 16.KHCN/18-	Cấp cơ sở	Khởi nghiệp kinh doanh: Sản phẩm lưu niệm Handmade	ThS. Ngô Thị Luyện	Số 28/QĐ-ĐHSD, 18/2/2019	10/6/2019	Đạt	ThS. Ngô Thị Luyện ThS. Nguyễn Thị Huệ ThS. Vũ Thị Hương ThS. Nguyễn Thị Thủy	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
	19								
3	Số 312/QĐ-ĐHSD, 30/8/2019 15.KHCN/19-20	Cấp cơ sở	Nghiên cứu đổi mới nội dung và phương pháp dạy học phần Triết học Mác - Lênin cho sinh viên ĐHSD	ThS. Phạm Xuân Đức	Số 193/QĐ-ĐHSD, 3/06/2020	04/7/2020	Đạt	ThS. Nguyễn Mạnh Tường ThS. Trần Thị Hồng Nhung ThS. Nguyễn Thị Hiền	
4	Số 312/QĐ-ĐHSD, 30/8/2019 10.KHCN/19-20	Cấp cơ sở	Sử dụng phương pháp phân tích EFA và hồi quy đa biến phân tích các nhân tố ảnh hưởng quyết định chọn trường Đại học Sao Đỏ của sinh viên	ThS. Nguyễn Thị Hồng	Số 193/QĐ-ĐHSD, 3/06/2020	12/7/2020	Đạt	ThS. Vũ Thị Hương ThS. Nguyễn Thị Huệ ThS. Nguyễn Thị Huế	
5	Số 312/QĐ-ĐHSD, 30/8/2019, 04.KHCN/19-20	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, xây dựng ứng dụng phần mềm quản lý ký túc xá trường Đại học Sao Đỏ	ThS. Phạm Thị Hương	Số 193/QĐ-ĐHSD, 03/6/2020	04/07/2020	Xuất sắc	ThS. Phạm Văn Kiên ThS. Hoàng Thị Ngọc Diệp	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
6	Số 312/QĐ-ĐHSD, 30/08/2019, 01.KHCN/19-20	Cấp cơ sở	Nghiên cứu kỹ thuật thực tế tăng cường ứng dụng xây dựng phần mềm quảng bá hình ảnh trường Đại học Sao Đỏ	ThS. Hoàng Thị An	Số 193/QĐ-ĐHSD, 03/06/2020	04/07/2020	Đạt	ThS. Nguyễn Thị Ánh Tuyết ThS. Nguyễn Thị Bích Ngọc ThS. Hoàng Thị Ngát	
7	Số 312/QĐ-ĐHSD, 30/8/2019 16.KHCN/19-20	Cấp cơ sở	Nghiên cứu các yếu tố tác động của hoạt động thể dục thể thao đối với sức khỏe cán bộ, giảng viên và sinh viên trường ĐHSD	ThS. Hà Đình Soát	Số 193/QĐ-ĐHSD, 3/06/2020	15/7/2020	Đạt	ThS. Vũ Tiến Hiếu ThS. Nguyễn Đức Thuán ThS. Quán Thanh Tùng ThS. Phạm Anh Dũng	
8	Số 312/QĐ-ĐHSD, 30/8/2019 07.KHCN/19-20	Cấp cơ sở	Nghiên cứu sự ảnh hưởng của từ Hán Việt đến việc học tiếng Trung của sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc trường Đại học Sao	ThS. Nguyễn Thị Hoa	Số 193/QĐ-ĐHSD, 03/06/2020	04/7/2019		ThS. Bùi Thị Trang ThS. Nguyễn Thị Xuyên	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
			Đỏ						
9	Số 312/QĐ-ĐHSD, 30/8/2019 11.KHCN/19-20	Cấp cơ sở	Ứng dụng mô hình cấu trúc tuyến tính SEM đánh giá sự phản hồi của người học về chất lượng đào tạo khoa Kinh tế	TS. Nguyễn Minh Tuấn	Số 193/QĐ-ĐHSD, ngày 03/6/2020	03/6/2020	Đạt	ThS. Nguyễn Thị Hằng ThS. Đinh Thị Kim Thiết ThS. Nguyễn Thị Ngọc Mai	
10	Số 483/QĐ-ĐHSD, 28/10/2020 11.KHCN/20-21	Cấp cơ sở	Nghiên cứu và áp dụng hoạt động ngoại khóa vào việc giảng dạy các học phần lý luận chính trị tại trường ĐHSD	TS. Phạm Thị Hồng Hoa	Số 307/QĐ-ĐHSD, 16/8/2021	24/9/2021	Đạt	ThS. Nguyễn Thị Tình ThS. Đỗ Thị Thùy ThS. Đặng Thị Dung	
11	Số 483/QĐ-ĐHSD, 28/10/2020, 17.KHCN/20-	Cấp cơ sở	Nghiên cứu xây dựng phần mềm quản lý thiết bị, công cụ	ThS. Phạm Thị Hương	Số 199/QĐ-ĐHSD, 02/6/2021	10/06/2021	Xuất sắc	ThS. Phạm Văn Kiên ThS. Vũ Bảo Tạo	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
	21		dụng cụ trường Đại học Sao Đỏ						
12	Số 483/QĐ-ĐHSD, 28/10/2020 21.KHCN/20-21	Cấp cơ sở	Giải pháp nâng cao kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên không chuyên Đại học Sao Đỏ	ThS. Đặng Thị Minh Phương	Số 199/QĐ-ĐHSD, 02/6/2021	08/6/2021	Đạt	ThS. Trần Hoàng Yến ThS. Tăng Thị Hồng Minh	
13	Số 434/QĐ-ĐHSD, 28/10/2021, 16.KHCN/20-21	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, xây dựng phần mềm kiểm tra sự trùng lặp nội dung đồ án/khóa luận tốt nghiệp tại trường Đại học Sao Đỏ	ThS. Phạm Văn Kiên	Số 199/QĐ-ĐHSD, 02/6/2021	08/06/2021	Xuất sắc	ThS. Hoàng Thị An ThS. Phạm Thị Hương	
14	Số 434/QĐ-ĐHSD, 28/10/2021, 18.KHCN/20-21	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, xây dựng phần mềm tạo trợ lý ảo trường Đại học Sao Đỏ	ThS. Phạm Thị Hương	Số 199/QĐ-ĐHSD, 02/6/2021	08/06/2021	Đạt	ThS. Hoàng Thị Ngát ThS. Nguyễn Phúc Hậu	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
15	Số 483/QĐ-ĐHSD, 28/10/2020 13.KHCN/20-21	Cấp cơ sở	Ứng dụng lý thuyết tín hiệu đánh giá giá trị chương trình đào tạo bậc đại học của khoa Điện, Trường Đại học Sao Đỏ	TS. Nguyễn Minh Tuấn	Số 199/QĐ-ĐHSD, ngày 02/6/2021	11/6/2021	Đạt	ThS. Nguyễn Thị Hằng ThS. Nguyễn Thị Ngọc Mai	
16	Số 483/QĐ-ĐHSD, 28/10/2020 12.KHCN/20-21	Cấp cơ sở	Trách nhiệm xã hội của Trường Đại học Sao Đỏ	ThS. Nguyễn Thị Huế	Số 481/QĐ-ĐHSD, 06/12/2021	11/6/2021	Đạt	ThS. Vũ Thị Hương ThS. Nguyễn Thị Thủy	
17	Số 434/QĐ-ĐHSD, 28/10/2021 26.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Xây dựng mô hình liên kết các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng cho sinh viên trường ĐHSĐ	ThS. Nguyễn Thị Hải Hà	Số 327/QĐ-ĐHSD, 30/6/2022	7/7/2022	Đạt	ThS. Phạm Xuân Đức ThS. Nguyễn Thị Hiền ThS. Phạm Thị Mai ThS. Lê Thị Huyền	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
18	Số 434/QĐ-ĐHSD, 28/10/2021 25.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Đa dạng hóa phương pháp giảng dạy học phần Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam tại trường ĐHSD	TS. Phạm Thị Hồng Hoa	Số 232/QĐ-ĐHSD, 31/5/2022	22/9/2021	Đạt	ThS. Nguyễn Thị Tình ThS. Đặng Thị Dung ThS. Đỗ Thị Thùy	
19	Số 434/QĐ-ĐHSD 28/10/2021 13.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, ứng dụng ngôn ngữ R xây dựng thuật toán để giải một số bài toán trong lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật.	ThS. Nguyễn Thị Diệp Huyền	Số 266/QĐ-ĐHSD, ngày 21/06/2022	23/6/2022	Đạt	ThS. Nguyễn Thị Diệp Huyền ThS. Nguyễn Văn Toán ThS. Nguyễn Thị Hồng	
20	Số 434/QĐ-ĐHSD, 28/10/2021, 12.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Xây dựng dữ liệu, số hoá đề cương chi tiết các học phần theo chương trình đào tạo	ThS. Phạm Văn Kiên	Số 248/QĐ-ĐHSD, 10/6/2022	22/6/2022	Đạt	ThS. Phạm Thị Hường	
21	Số 434/QĐ-ĐHSD, 28/10/2021,	Cấp cơ sở	Hiệu chỉnh nâng cao chất lượng website các khoa và Nhà	ThS. Phạm Văn Kiên	Số 248/QĐ-ĐHSD, 10/6/2022	22/6/2022	Đạt	ThS. Phạm Thị Hường	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
	12.KHCN/21-22		trường						
22	Số 434/QĐ-ĐHSD, 28/10/2021, 11.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo xây dựng thư viện số	ThS. Phạm Thị Hương	Số 266/QĐ-ĐHSD, 21/6/2022	22/6/2022	Đạt	ThS. Phạm Văn Kiên	
23	Số 434/QĐ-ĐHSD, ngày 28/10/2021, 08.KHCN/21-22	cấp cơ sở	Xây dựng hệ thống quản lý hồ sơ viên chức và hỗ trợ đánh giá hiệu quả công việc của viên chức Trường Đại học Sao Đỏ	ThS. Vũ Bảo Tạo	Số 266/QĐ-ĐHSD, ngày 21/06/2022	11/6/2022	Đạt	ThS. Vũ Bảo Tạo ThS. Nguyễn Thị Thu ThS. Nguyễn Phúc Hậu	
24	Số 434/QĐ-ĐHSD, 28/10/2021, 07.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Xây dựng ứng dụng khảo sát trực tuyến các bên liên quan về trường Đại học Sao Đỏ.	ThS. Hoàng Thị Ngát	Số 266/QĐ-ĐHSD, 21/6/2022	23/6/2022	Đạt	ThS. Nguyễn Thị Bích Ngọc	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
25	Số 434/QĐ-ĐHSD, 28/10/2021, 06.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo phân tích phổ điểm đánh giá học phần của sinh viên trường Đại học Sao Đỏ	ThS. Hoàng Thị An	Số 326/QĐ-ĐHSD, 30/06/2022	23/06/2022	Đạt		
26	Số 434/QĐ-ĐHSD, 28/10/2021, 09.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Nghiên cứu xây dựng hệ thống quản lý sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ	ThS. Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Số 266/QĐ-ĐHSD, 21/06/2022	23/06/2022	Đạt	ThS. Hoàng Thị Ngọc Diệp	
27	Số 434/QĐ-ĐHSD, 28/10/2021 28.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Thành lập bản đồ tài nguyên du lịch khu vực Quảng Ninh - Hải Phòng phục vụ phát triển du lịch	TS. Nguyễn Đăng Tiến	Số 284/QĐ-ĐHSD, 24/06/2022	06/2022	Đạt	ThS. Nguyễn Thị Lan ThS. Bùi Thị Trang	
28	Số 434/QĐ-ĐHSD, 28/10/2021 27.KHCN/21-	Cấp cơ sở	Nghiên cứu xây dựng giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động Thể dục thể thao của	ThS. Nguyễn Đức Thuần	Số 327/QĐ-ĐHSD, 30/6/2022	7/7/2022	Đạt	ThS. Nguyễn Mạnh Tường ThS. Hà Đình Soát ThS. Vũ Tiến Hiếu ThS. Quán Thanh Tùng	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
	22		viên chức và sinh viên Trường ĐHSĐ						
29		Tỉnh	Xây dựng, áp dụng bộ chỉ số KPI trong giao và đánh giá hiệu quả công việc tại các trường cao đẳng, đại học trên địa bàn tỉnh Hải Dương	TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên	Số 10/2021/TL HĐ	08/08/2022	Khá	TS. Nguyễn Thị Nhan TS. Phùng Thị Lý TS. Phạm Văn Dự ThS. Nguyễn Thị Thanh Bình TS. Nguyễn Viết Tuân ThS. Lê Thị Mai Nguyễn Thị Thanh Nhài Nguyễn Thanh Bình Tạ Thúy Ngân	
30	Số 594/QĐ-ĐHSĐ, 30/11/2022 51.KHCN/22-23	Cấp cơ sở	Vận dụng kiến thức liên môn trong giảng dạy học phần Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ	ThS. Nguyễn Thị Tình	Số 222/QĐ-ĐHSĐ, 26/5/2023	30/5/2023	Đạt	TS. Phạm Thị Hồng Hoa ThS. Đỗ Thị Thùy ThS. Đặng Thị Dung	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
31	Số 554/QĐ-ĐHSD, ngày 28/10/2022, 18.KHCN/22-23	Cấp cơ sở	Nghiên cứu phép biến đổi Fourier và Laplace, ứng dụng giải một số bài toán trong kỹ thuật.	ThS. Nguyễn Kiều Hiền	Số 222/QĐ-ĐHSD, ngày 26/5/2023	5/6/2023	Đạt	ThS. Nguyễn Thị Huệ ThS. Nguyễn Phương Ty ThS. Nguyễn Minh Loan	
32	Số 554/QĐ-ĐHSD, ngày 28/10/2022, 13.KHCN/22-23	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, xây dựng phần mềm quản lý công trình khoa học đã công bố trường Đại học Sao Đỏ	ThS. Phạm Thị Hường	Số 222/QĐ-ĐHSD, ngày 26/5/2023	08/6/2023	Xuất sắc	ThS. Phạm Văn Kiên ThS. Nguyễn Thị Bích Ngọc	
33	Số 554/QĐ-ĐHSD, ngày 28/10/2022, 14.KHCN/22-23	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, xây dựng khóa học IC3 trên hệ thống học trực tuyến E-Learning của trường Đại học Sao Đỏ	ThS. Vũ Bảo Tạo	Số 246/QĐ-ĐHSD, ngày 13/6/2023	16/6/2022	Đạt	ThS. Nguyễn Thị Ánh Tuyết ThS. Hoàng Thị Ngọc Diệp	
34	Số 594/QĐ-ĐHSD, ngày 30/11/2022, 50.KHCN/22-	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, xây dựng phần mềm quản lý kiểm soát tiến độ thực hiện công việc theo	ThS. Phạm Văn Kiên	Số 222/QĐ-ĐHSD, ngày 26/5/2023	08/6/2023	Đạt	ThS. Phạm Thị Tâm ThS. Phạm Thị Hường ThS. Hoàng Thị An	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
	23		thủ tục quy trình của trường Đại học Sao Đỏ						
35	Số 554/QĐ-ĐHSD, 28/10/2022 12.KHCN/22-23	Cấp cơ sở	Tính triết học trong ca dao, tục ngữ Việt Nam và vận dụng vào quá trình giảng dạy học phần Triết học - Mác Lênin tại trường ĐHSĐ	ThS. Phùng Thị Lý	Số 222/QĐ-ĐHSD, 26/5/2023	6/7/2023	Đạt	TS. Phạm Xuân Đức ThS. Nguyễn Thị Hải Hà ThS. Phạm Thị Mai	
36	Số 554/QĐ-ĐHSD, 28/10/2022 10.KHCN/22-23	Cấp cơ sở	Xây dựng các sản phẩm du lịch nông thôn phục vụ phát triển nông thôn mới của tỉnh Hải Dương	TS. Nguyễn Đăng Tiến	Số 271/QĐ-ĐHSD, 23/06/2023	25/06/2023	Đạt	ThS. Nguyễn Thị Lan ThS. Bùi Thị Trang	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
37	Số 554/QĐ-ĐHSD, 28/10/2022 09.KHCN/22-23	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, đề xuất mô hình quản trị đại học thông minh tại Trường Đại học Sao Đỏ	ThS. Nguyễn Thị Ngọc Mai	Số 222/QĐ-ĐHSD, ngày 26/5/2023	06/06/2023	Đạt	ThS. Nguyễn Thị Hằng ThS. Ngô Thị Luyện ThS. Lê Thị Huyền	
38	VINIF.2020.D A12, ngày 16/10/2020	Vin Group	Nghiên cứu phát triển công nghệ hàn mới, thiết kế chế tạo hệ thống hàn tự động ứng dụng hàn nối các tấm mỏng và siêu mỏng vật liệu đồng chất hoặc không đồng chất trong các ngành sản xuất mũi nhọn	TS. Ngô Hữu Mạnh, TS. Nguyễn Văn Anh	Số 23052/2023/QĐ-VNCDLL, 23/05/2023	03/02/2023	Đạt	PGS.TS. Lê Thu Quỳnh PGS.TS. Phạm Xuân Thành PGS.TS. Ngô Thị Thảo TS. Nguyễn Văn Trường TS. Nguyễn Văn Tuấn TS. Đỗ Văn Đình TS. Nguyễn Trọng Các PGS.TS. Nguyễn Dương Nam PGS.TS. Phương Đình Tâm ThS. Phùng Thị Mến ThS. Phạm Văn Kiên ThS. Hoàng Thị An ThS. Nguyễn Trọng Quỳnh ThS. Vũ Quang Ngọc	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
								ThS. Trịnh Văn Cường ThS. Mạc Văn Giang	
39	Số 476/QĐ-ĐHSD, ngày 30/10/2023, 08.KHCN/23-24	Cấp cơ sở	Nghiên cứu tính ổn định và ổn định hóa của một lớp hệ Navier - Stokes trong cơ học chất lỏng	TS. Nguyễn Việt Tuấn	Số 197/QĐ-ĐHSD, ngày 21/5/2024	23/5/2021	Đạt	ThS. Nguyễn Kiều Hiền	
40	Số 476/QĐ-ĐHSD, ngày 30/10/2023, 06.KHCN/23-24	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, xây dựng hệ thống xử lý yêu cầu lấy số thứ tự tự động	ThS. Vũ Bảo Tạo	Số 197/QĐ-ĐHSD, ngày 21/5/2024	23/5/2024	Đạt	ThS. Phạm Văn Kiên ThS. Phạm Thị Hương ThS. Vũ Trí Võ	
41	Số 476/QĐ-ĐHSD, ngày 30/10/2023, 05.KHCN/23-24	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, xây dựng hệ thống lưu trữ hồ sơ phục vụ công tác kiểm định chất lượng của Trường Đại học Sao Đỏ.	ThS. Phạm Văn Kiên	Số 197/QĐ-ĐHSD, ngày 21/5/2024	23/5/2024	Đạt	ThS. Phạm Thị Hương ThS. Nguyễn Đức Thắng ThS. Phạm Thị Tâm ThS. Hoàng Thị Bích Ngọc	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
42	Số 520/QĐ-ĐHSD, 24/11/2020 52.KHCN/23-24	Cấp cơ sở	Giải pháp phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Hải Dương	ThS. Ngô Thị Luyện	Số 197/QĐ-ĐHSD, ngày 21/5/2024	30/5/2024	Đạt	ThS. Nguyễn Thị Ngọc Mai	
43	Số 476/QĐ-ĐHSD, 30/10/2023 16.KHCN/23-24	Cấp cơ sở	Nghiên cứu giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động ngoại khóa góp phần cải thiện sức khỏe, tinh thần và thể chất cho cán bộ giảng viên và sinh viên trường Đại học Sao Đỏ	ThS. Phạm Anh Dũng	Số 217/QĐ-ĐHSD, ngày 30/5/2024	06/6/2024	Đạt	ThS. Hà Đình Soát ThS. Vũ Tiến Hiếu ThS. Nguyễn Thị Hải Hà ThS. Phạm Thị Mai	
44	Số 565/QĐ-ĐHSD, 28/10/2024 15.KHCN/23-	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, vận dụng giá trị văn hoá truyền thống của Thành phố Chí Linh trong giảng	ThS. Phạm Xuân Đức	Số 197/QĐ-ĐHSD, ngày 21/5/2024	28/5/2024	Đạt	Phùng Thị Lý Đặng Thị Dung Đỗ Thị Thùy	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
	24		dạy các học phần lý luận chính trị cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ hiện nay						
45	Số 565/QĐ-ĐHSD, 28/10/2023, 18.KHCN/24-25	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, vận dụng tư tưởng triết học trong tác phẩm Truyện Kiều của Nguyễn Du vào giảng dạy học phần Triết học Mác – Lênin cho sinh viên ở Trường Đại học Sao Đỏ hiện nay	ThS. Đỗ Thị Thùy	Số 216/QĐ-ĐHSD, 19/5/2024	28/5/2025	Đạt	ThS. Phạm Xuân Đức ThS. Nguyễn Thị Hải Hà	
46	Số 565/QĐ-ĐHSD, ngày 28/10/2023, 17.KHCN/24-25	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, xây dựng hệ thống tình huống áp dụng trong giảng dạy học phần kỹ năng mềm cho sinh viên trường Đại	TS. Phùng Thị Lý	Số 216/QĐ-ĐHSD, ngày 19/5/2024	28/5/2025	Đạt	TS. Phạm Thị Hồng Hoa ThS. Nguyễn Thị Mai	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
			học Sao Đỏ hiện nay						
47	Số 565/QĐ-ĐHSD, ngày 28/10/2023, 06.KHCN/24-25	Cấp cơ sở	Nghiên cứu ứng dụng tích chập suy rộng và phần mềm Matlab Simulink để tính toán các chỉ tiêu chất lượng hệ truyền động T-D.	ThS. Nguyễn Kiều Hiền	Số 216/QĐ-ĐHSD, ngày 19/5/2025	20/6/2025	Đạt	ThS. Vũ Hoàng Phương ThS. Phạm Thị Thảo	
48	Số 565/QĐ-ĐHSD, ngày 28/10/2024, 02.KHCN/24-25	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, xây dựng phần mềm dạy và học cho học phần Tiếng Trung căn bản 2 tại Trường Đại học Sao Đỏ.	ThS. Phạm Thị Hương	Số 232/QĐ-ĐHSD, ngày 26/5/2025	05/06/2025	Khá	ThS. Nguyễn Thị Ánh Tuyết ThS. Nguyễn Thị Lan ThS. Hoàng Thị Ngọc Diệp	
49	Số 565/QĐ-ĐHSD, ngày 28/10/2024, 04.KHCN/24-25	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, xây dựng website hỗ trợ học Vật lý lớp 10 cho học sinh trường THPT Nguyễn Thị	ThS. Phạm Văn Kiên	Số 232/QĐ-ĐHSD, ngày 26/5/2025	05/06/2025	Khá	ThS. Hoàng Thị Ngọc Diệp ThS. Hoàng Thị Ngát ThS. Phạm Thị Tâm ThS. Nguyễn Thị Bích Ngọc	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
			Duệ theo hướng giáo dục Stem.						
50	Số 565/QĐ-ĐHSD, ngày 28/10/2023, 05.KHCN/24-25	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, ứng dụng PLC S7 -1.200 giám sát, điều khiển phân loại sản phẩm qua webserver	ThS. Vũ Bảo Tạo	Số 232/QĐ-ĐHSD, ngày 26/5/2025	28/5/2025	Khá	ThS. Nguyễn Thị Quyên	
51	Số 565/QĐ-ĐHHĐ, 28/10/2024, 04.KHCN/24-25	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, xây dựng website hỗ trợ học Vật lý lớp 10 cho học sinh THPT Nguyễn Thị Duệ theo hướng giáo dục STEM	ThS. Phạm Văn Kiên	Số 232/QĐ-ĐHSD, 26/5/2025	05/6/2025	Khá	ThS. Hoàng Thị Ngọc Diệp ThS. Hoàng Thị Ngát ThS. Phạm Thị Tâm ThS. Nguyễn Thị Bích Ngọc	
52	Số 565/QĐ-ĐHSD, ngày 28/10/2023, 05.KHCN/24-25	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, ứng dụng PLC S7 -1.200 giám sát, điều khiển phân loại sản phẩm qua webserver	ThS. Vũ Bảo Tạo	Số 232/QĐ-ĐHSD, ngày 26/5/2025	28/5/2025	Đạt	ThS. Nguyễn Thị Quyên	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
53	Số 565/QĐ-ĐHSD, ngày 28/10/2023, 19.KHCN/24-25	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, ứng dụng các bài tập bổ trợ nhằm nâng cao hiệu quả thi đấu cho đội bóng chuyên hơi nữ sinh viên trường Đại học Sao Đỏ	ThS. Hà Đình Soát	Số 216/QĐ-ĐHSD, ngày 19/5/2024	28/5/2025	Đạt	ThS. Vũ Tiến Hiếu	
54	Số 565/QĐ-ĐHSD, ngày 28/10/2024 13.KHCN/24-25	Cấp cơ sở	Xây dựng giải pháp truyền thông nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh của trường Đại học Sao Đỏ	ThS. Ngô Thị Luyện	Số 216/QĐ-ĐHSD, ngày 19/5/2024	27/5/2025	Khá	ThS. Nguyễn Thị Ngọc Mai	
55	Số 565/QĐ-ĐHSD, ngày 28/10/2024 12.KHCN/24-25	Cấp cơ sở	Giải pháp Marketing nhằm phát triển mô hình dịch vụ du lịch nông thôn tại một số địa phương trên địa bàn tỉnh Hải Dương	ThS. Vũ Thị Hương	Số 216/QĐ-ĐHSD, ngày 19/5/2025	27/5/2025	Khá	ThS. Nguyễn Thị Huế ThS. Nguyễn Thị Thủy	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
56	Số 116/QĐ-SKHCCN,20/01/2025, XH.16.ĐHSD.2 5-26	Cấp Tỉnh	Đề xuất giải pháp và xây dựng mô hình đào tạo nguồn nhân lực cho các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương	TS.Nguyễn Thị Kim Nguyên		Đang thực hiện		TS. Nguyễn Thị Nhan Lê Lương Thịnh TS. Phạm Văn Dự TS. Phùng Thị Lý TS. Trần Hải Đăng TS.Vũ Văn Tản TS.Nguyễn Minh Tuấn ThS. Đặng Thị Hồng Yến ThS. Nguyễn Thị Thanh Bình ThS. Lê Thị Huyền ThS. Phan Hoàng Đức	
57	Số 78/QĐ-ĐHSD, 27/02/2026 03.KHCN/24-25	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, xây dựng ứng dụng quản lý Đảng viên Đảng bộ trường Đại học Sao Đỏ	ThS. Phạm Thị Hường	Số 232/QĐ-ĐHSD, 26/5/2025	03/6/2025	Đạt	ThS. Phạm Thị Hường ThS. Phạm Văn Kiên ThS. Hoàng Thị An	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
58	Số 78/QĐ-ĐHSD, 27/02/2026 05.KHCN/24-25	Cấp cơ sở	Nghiên cứu ứng dụng PLC S7-1200 giám sát, điều khiển phân loại sản phẩm qua Webservice	ThS. Vũ Bảo Tạo	Số 311/QĐ-ĐHSD, 25/6/2025	27/6/2025	Đạt	ThS. Vũ Bảo Tạo ThS. Nguyễn Thị Quyên	

Bảng 6. Danh sách các công trình bài báo, sách chuyên khảo 5 năm gần nhất của đội ngũ GV, nhà khoa học

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
1	Đỗ Văn Đình, Hoàng Thị An, (số 4, 2020), Ứng dụng kỹ thuật xử lý ảnh kết hợp mô hình mạng học sâu nhận dạng hoa quả xuất khẩu, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ	
2	Hoàng Thị An, Phạm Văn Kiên, (số 3, 2021), Ứng dụng Detectron2 phân loại quả cà chua, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ	
3	Nguyễn Thị Quyên, Vũ Bảo Tạo, Hoàng Thị An, (số 2, 2022), Giảm nhiễu trong mạng hỗn tạp 5G dựa trên thuật toán phân bố tốc độ, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ	
4	Hoàng Thị An, Ngô Hữu Mạnh, Phạm Văn Kiên, Nguyễn Thị Ánh Tuyết, (số 4, 2023), Ứng dụng mạng YOLO v8 phát hiện khuyết tật môi hàn, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ	
5	Nguyễn Thị Bích Ngọc, Hoàng Thị An, (19(03), 2024), Research on deep learning models and data preprocessing	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
	techniques for driver fatigue detection, Global Journal of Engineering and Technology Advances, 2024, 19(03), 050–055	
6	Vũ Bảo Tạo, Đặng Văn Nam, Nông Thị Oanh, Hoàng Thị Ngát, Nguyễn Thị Ánh Tuyết (số 3(78), 2022), Xây dựng nền tảng lưu trữ và phân tích dữ liệu lớn với Apache Hadoop và Spark, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ.	
7	Hoàng Thị Ngát, Nguyễn Phúc Hậu, P.C Зарипова (ISSN 2079-5920; 403-406), ИССЛЕДОВАНИЕ АЛГОРИТМОВ ЛИНЕЙНОЙ РЕГРЕССИИ ДЛЯ ПРОГНОЗИРОВАНИЯ ВЕСА ЧЕЛОВЕКА НА ОСНОВЕ ЕГО РОСТА, Научно технический вестник Поволжья.	
8	Hoàng Thị Ngát, Nguyễn Phúc Hậu, P.C Зарипова (ISSN 2079-5920; 631-634), ОСОБЕННОСТИ РАЗРАБОТКИ ИГР В СРЕДЕ UNITY , Научно технический вестник Поволжья.	
9	Hoàng Thị Ngát (Số 2, 2025), EFFECTIVE USE OF BIG DATA IN BUSINESS MANAGEMENT STRATEGIES AND EXAMPLES OF SUCCESSFUL IMPLEMENTATIONS, Journal of Applied Research.	
10	Phạm Thị Hường (số 3, 2020), Phát hiện khẩu trang sử dụng mô hình học sâu MobileNet V2, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ.	
11	Đặng Thành Trung, Phạm Quang Huy, Phạm Thị Hường (số 2, 2022), Nhận diện cảm xúc người học thời gian thực trong lớp học trực tuyến, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ.	
12	Phạm Thị Hường, Trương Văn Tuấn (số 2, 2022), Nhận dạng vân tay sử dụng kỹ thuật học sâu, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ.	
13	Trần Nguyễn Quỳnh Trâm, Phạm Thị Hường (số 4, 2022), Ứng dụng Bag-Of-Visual-Words trong nhận dạng cử chỉ bàn tay qua đặc trưng hình dáng của ảnh độ sâu và vị trí các khớp, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ.	
14	Phạm Thị Hường, Nguyễn Thị Phương Oanh, Nguyễn Thị Hồng Nhung (số 2, 2023), Nâng cao chất lượng giảng dạy	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
	và học tập các học phần thực hành cho sinh viên khối ngành kỹ thuật tại trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ.	
15	Tạ Thị Mai, Phạm Thị Hường (số 3, 2023), Ứng dụng điều khiển DC - DC hai chiều trong mạch sạc điện và xả điện cho acquy xe điện, Tạp chí Khoa học và công nghệ QUI.	
16	Nguyễn Thế Trung, Đặng Thành Trung, Phạm Thị Hường, Phạm Văn Kiên (số 3, 2023), Ứng dụng mạng tích chập cho nhận diện biển báo giao thông, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ.	
17	Phạm Thị Hường, Phạm Văn Kiên (số 4, 2023), Áp dụng phương pháp dạy lập trình hướng vấn đề để phát triển tư duy tính toán cho sinh viên tại trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ.	
18	Phạm Thị Hường (2024), Công tác chuyển đổi số tại các cơ quan, trường học, doanh nghiệp tại Hải Dương, Hội thảo Câu lạc bộ Khoa học & Công nghệ các trường Đại học kỹ thuật lần thứ 59.	
19	Phạm Thị Hường, Nguyễn Trí Nhân (số 1, 2024), Kết hợp giao thức truyền tin TCP-Vegas và giao thức định tuyến DSR để nâng cao hiệu suất truyền tin trên mạng Mobile Ad-hoc, Tạp chí Khoa học và công nghệ QUI.	
20	Phạm Thị Hường (2025), Phát hiện viêm phổi trên ảnh X-quang bằng mô hình CNN, Hội thảo Câu lạc bộ Khoa học & Công nghệ các trường Đại học kỹ thuật lần thứ 60.	
21	Nguyễn Thị Thu, Nguyễn Phúc Hậu, Application of fuzzing for vulnerability detection in software, 2025, ISBN 978-5-89873-689-7.	
22	Nguyễn Thị Thu, Nguyễn Phúc Hậu, Application of artificial intelligence and big data to improve the efficiency of management decisions, Internauka.org, Issn 2415-8771.	
23	Nguyễn Thị Thu, Rimma S. Zaripova, Dinar A. Akhmetshin, Creating_a system to address problems in the discount aggregation market, 2024, Publishing House SCIENTIFIC LIBRARY Publication of scientific journals and books,	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
	ISSN 2308-927X, ISSN 2227-3891.	
24	Thị - Kien Dao, Trong – The Nguyễn, Trinh – Dong Nguyen, Thi – Cuan – Hương Nguyen, Thi – Thu Nguyen, A Review of the Tabu Search Algorithm for Industrial Applications, 2024, Journal of Information Hiding and Multimedia Signal Processing, Volume 15, Number 3, September 2024. ISSN 2073-4212.	
25	Nguyen Thi Thu, Nguyen Phuc Hau, Tran Duy Khanh, Nguyen Van Dien, Cloud computing basic services and deployment model, 2024, Tháng 5/2024. Hội nghị khoa học quốc tế. Mã isbn 978 - 5 - 89873 -660-6.	
26	Nguyen Thi Anh Tuyet, Nguyen Thi Thu, Hoang Thi Ngat, Модель распознавания эмоций для оценки уровня удовлетворенности обучающихся, 2023, Научно технический вестник поволжья, Issn 2079-5920; 269-272.	
27	Nguyen Thi Thu, P.C Jaripova, Интернет вещей - революционная технология для решения проблем современности, 2023, Issn 2079-5920; 206-209.	
28	Nguyen Thi Thu, P.C Jaripova, Nguyen Phuc Hau, Big data: применение больших данных на практике, 2023, Научно технический вестник поволжья, Issn 2079-5920; 120-122.	
29	Xây dựng nền tảng lưu trữ và phân tích dữ liệu lớn với Apache Hadoop và Spark, 2022, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ P.ISSN 1859-4190, số 3 năm 2022, trang 32.	
30	Nguyễn Phúc Hậu, Nguyễn Thị Ánh Tuyết, P.C. Зарипова, ZERO TRUST КАК ИНСТРУМЕНТ ЗАЩИТЫ ИНФОРМАЦИОННЫХ АКТИВОВ КОМПАНИЙ, 2023, Научно технический вестник Поволжья. SSN 2079-5920; 656 -658.	
31	Nguyen Thi Anh Tuyet, Nguyen Thi Thu, Hoang Thi Ngat, Модель распознавания эмоций для оценки уровня удовлетворенности обучающихся, 2023, Научно технический вестник поволжья, Issn 2079-5920; 269-272.	
32	Hoàng Thị An, Ngô Hữu Mạnh, Phạm Văn Kiên, Nguyễn Thị Ánh Tuyết, (số 4, 2023), Ứng dụng mạng YOLO v8	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
	phát hiện khuyết tật mối hàn, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ	
33	Nguyễn Thị Ánh Tuyết, Nguyễn Thị Bích Ngọc, Vũ Văn Huân, Đặng Thị Khánh Linh, Nguyễn Huy Cửu, Analysis of time-varying brain connectivity using nonparametric Bayesian model, 2024, Global Journal of Engineering and Technology Advances, 2024, 21(03), 069–076. ISSN: 2582-5003.	
34	Pham Thi Tam, эффективное использование больших данных в стратегиях управления бизнесом и примеры успешных реализаций, ISSN 2949-1878; 19-22.	
35	Nguyễn Thị Nhan (2020), Nâng cao chất lượng giảng dạy chủ nghĩa xã hội khoa học trong các trường đại học ở Việt Nam, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 1 (68).2020, trang 116-121. Mã số: ISSN 1859 – 4190.	
36	Nguyễn Thị Nhan (2020), Vai trò của đội ngũ trí thức Việt Nam trong quản lý phát triển xã hội hiện nay, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 3 (70).2020, trang 123-127. Mã số: ISSN 1859 – 4190.	
37	Nguyễn Thị Nhan (2021), Học tập tấm gương làm việc trách nhiệm, khoa học, đổi mới của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong xây dựng tác phong làm việc của giảng viên các trường đại học hiện nay, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 2(73).2021, trang 116-121. Mã số: ISSN 1859 – 4190.	
38	Nguyễn Thị Nhan (2022), Giảng dạy Triết học Mác - Lênin trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 1 (76).2022, trang 100-106. Mã số: ISSN 1859 – 4190.	
39	Nguyễn Thị Nhan (2022), Những nguyên tắc cơ bản trong nghiên cứu và giảng dạy chủ nghĩa Mác - Lênin, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 2(77).2022, trang 123-127. Mã số: ISSN 1859 – 4190.	
40	Nguyễn Thị Nhan, (2023), Phát huy năng lực tự học của sinh viên trong dạy học Triết học Mác - Lênin, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 3 (82).2023, trang 108-113. Mã số: ISSN 1859 – 4190.	
41	Nguyễn Thị Nhan (2024), Vận dụng Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam vào	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
	giảng dạy Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 2 (85).2024, trang 109-115. Mã số: ISSN 1859 – 4190.	
42	Nguyễn Thị Nhan (2025), Vai trò của giảng viên lý luận chính trị với nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 1 (88).2025, trang 99-104. Mã số: ISSN 1859 – 4190.	
43	Nguyễn Thị Bích Ngọc, Đinh Công Tùng, Lê Đăng Sơn, Nghiên cứu và xây dựng mô hình học sâu phát hiện dấu hiệu mệt mỏi trong quá trình học trực tuyến, Nhà xuất bản Giao thông vận tải - ISSN : 1859-2724.	
44	Nguyễn Thị Bích Ngọc, Hoàng Thị An, Research on deep learning models and data preprocessing techniques for driver fatigue detection, Global Journal of Engineering and Technology Advances -ISSN: 2582-5003.	
45	Nguyễn Thị Bích Ngọc, Application of deep learning models for traffic flow prediction based on time-series data, World Journal of Advanced Engineering Technology and Sciences International, Peer reviewed, Referred, Open access ISSN Approved Journal, eISSN: 2582-8266.	
46	Nguyễn Thị Bích Ngọc, Đinh Công Tùng, Mai Đức Vinh, Ứng dụng học sâu dự đoán lưu lượng giao thông trên dữ liệu thời gian thực, Tạp chí Khoa học và công nghệ - Trường Đại học Công nghệ Đông Á, số ISSN: 2815-5807.	
47	Nguyễn Thị Bích Ngọc, Mai Đức Vinh, Phạm Thị Loan, Nguyễn Văn Khởi, Cải tiến kiến trúc của mô hình học sâu cho bài toán phân loại u não trên ảnh cộng hưởng từ, Tạp chí Khoa học và công nghệ - Trường Đại học Công nghệ Đông Á, số ISSN: 2815-5807.	
48	Nguyễn Kiều Hiên (số 2, 2020), Tính chất toán tử tích chập của phép biến đổi Fourier và Laplace, Tạp chí NCKH ĐHSD.	
49	Nguyễn Kiều Hiên (số 2, 2022), Tính chất phổ của hàm trong không gian và tập sinh bởi đa thức, Tạp chí NCKH	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
	ĐHSD.	
50	Nguyễn Kiều Hiên (số 2, 2023), Bất đẳng thức tích chập của phép biến đổi Fourier cosine và Laplace với hàm trọng, Tạp chí NCKH ĐHSĐ.	
51	Nguyễn Kiều Hiên (số 3, 2024), Tích chập của phép biến đổi Fourier và Laplace với hàm trọng trong không gian, Tạp chí NCKH ĐHSĐ.	
52	Nguyễn Kiều Hiên (số 2, 2025), Tích chập của phép biến đổi Fourier và Laplace với hàm trọng trong không gian Tạp chí NCKH ĐHSĐ.	
53	Nguyễn Thị Diệp Huyền (số 2, 2023), Sự không tồn tại nghiệm của phương trình elliptic nửa tuyến tính suy biến, Tạp chí NCKH ĐHSĐ.	
54	Nguyễn Thị Diệp Huyền (số 2, 2025), Sự không tồn tại nghiệm của một lớp hệ phương trình gradient elliptic suy biến, Tạp chí NCKH ĐHSĐ.	
55	Phạm Xuân Đức (số 4, 2021), Mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và phát triển văn hóa ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, số 4 (76), tr. 106-112.	
56	Phạm Xuân Đức (số 1, 2022), Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng và sự vận dụng của Đảng bộ thành phố Chí Linh hiện nay, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, số 1 (76), tr. 106-112.	
57	Phạm Xuân Đức (số 1, 2022), Tác động của chính sách an sinh xã hội đến lao động và việc làm trong đại dịch COVID-19 tại Việt Nam, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, số 1 (76), tr. 120-128.	
58	Phạm Xuân Đức (số 2, 2022), Hoạt động kết nối phục vụ cộng đồng của sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ: Thực trạng và giải pháp, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Số 2 (77), tr. 115-122.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
59	Phạm Xuân Đức (số 1, 2023), Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam trong văn kiện Đại hội XIII về phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam và sự vận dụng quan điểm đó ở tỉnh Hải Dương, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Số 1 (80), tr. 121-127.	
60	Phạm Xuân Đức (số 1, 2024), Nâng cao hiệu quả giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khát vọng cống hiến cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Số 1 (84).	
61	Phạm Xuân Đức (số 2,2024), Giảng dạy các học phần lý luận chính trị cho sinh viên ở Trường Đại học Sao Đỏ hiện nay, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Số 2 (85), tr. 122-128.	
62	Phạm Xuân Đức (số 2,2025), Vận dụng tư tưởng triết học trong Truyện Kiều của Nguyễn Du vào giảng dạy học phần Triết học Mác - Lênin cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Số 2 (89), tr. 112-117.	
63	Phạm Xuân Đức (2024), Giáo trình Kỹ năng mềm, NXB Khoa học và kỹ thuật.	
64	Phùng Thị Lý (2021), Vai trò của giáo dục và đào tạo đối với việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở Việt nam hiện nay, Số 1 (72) - Tạp chí nghiên cứu khoa học ĐH Sao Đỏ	
65	Phùng Thị Lý (2021), Xây dựng xã hội học tập ở tỉnh Hải Dương hiện nay – Thực trạng và giải pháp, Số 4 (75) - Tạp chí nghiên cứu khoa học ĐH Sao Đỏ.	
66	Phùng Thị Lý (2022), Tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn trọng trí thức, tôn trọng nhân tài và sự vận dụng tư tưởng đó ở Việt Nam hiện nay, Số 2 (77) - Tạp chí nghiên cứu khoa học ĐH Sao Đỏ.	
67	Phùng Thị Lý (2023), Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa vào xây dựng lối sống văn hóa cho sinh viên Việt Nam hiện nay, Quý 2 - Tạp chí nghiên cứu khoa học ĐH Sao Đỏ.	
68	Phùng Thị Lý (2023), Vận dụng ca dao, tục ngữ Việt Nam trong giảng dạy học phần triết học Mác – Lênin tại trường	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
	Đại học Sao Đỏ hiện nay, Tạp chí Giáo dục và xã hội, số tháng 4.	
69	Phùng Thị Lý (2025), Đa dạng hoá phương pháp giảng dạy học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam hệ Đại học, Tạp chí Giáo dục và xã hội, số tháng 10.	
70	Phùng Thị Lý (2025), Phúc lợi doanh nghiệp với sự phát triển bền vững ở Việt Nam, Tạp chí Giáo dục và xã hội, số tháng 11.	
71	Phùng Thị Lý (2025), Chuyển đổi số trong doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam hiện nay, Số2 (90) - Tạp chí nghiên cứu khoa học ĐH Sao Đỏ.	
72	Phùng Thị Lý (2025), Vận dụng bài tập tình huống trong giảng dạy kỹ năng mềm ở các trường đại học Việt Nam hiện nay, Tạp chí Dạy và Học ngày nay, số tháng 4/2025.	
73	Phùng Thị Lý (2022), Phát triển giáo dục hướng đến hình thành nguồn nhân lực thích ứng với bối cảnh mới, Nxb Thế Giới.	
74	Phùng Thị Lý (2022), Giáo dục trẻ em trong các gia đình công nhân làm việc tại các doanh nghiệp FDI vùng đồng bằng sông Hồng hiện nay, Nxb Khoa học và kỹ thuật.	
75	Phùng Thị Lý (2025), Giáo trình kỹ năng mềm, Nxb Khoa học và Kỹ thuật.	
76	Vũ Tiến Hiếu (2022), Những nguyên tắc cơ bản trong nghiên cứu và giảng dạy chủ nghĩa Mác - Lê Nin, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Đại học Sao Đỏ, Số 2 (77), trang 123.	
77	Phạm Văn Dự (2020), Tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác cán bộ trong tác phẩm “Sửa đổi lỗi làm việc” sự vận dụng của Đảng ta trong giai đoạn hiện nay, Tạp chí Nghiên cứu Hồ Chí Minh.	
78	Phạm Văn Dự (2021), Giá trị và ý nghĩa thời đại tư tưởng nhân văn Việt Nam thế kỷ XVIII, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
79	Phạm Văn Dự (2022), Tư tưởng của Lênin, Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng và sự vận dụng của Đảng ta trong thời kỳ đổi mới ở Việt Nam, Tạp chí Chủ nghĩa xã hội lý luận - Thực tiễn.	
80	Phạm Văn Dự (2022), Tư tưởng của V.I. Lênin, Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng và sự vận dụng của Đảng ta trong thời kỳ đổi mới ở Việt Nam, Tạp chí Chủ nghĩa xã hội lý luận và thực tiễn.	
81	Phạm Văn Dự (2022), Xây dựng, áp dụng bộ chỉ số KPI trong giao và đánh giá hiệu quả công việc tại các trường cao đẳng, đại học trên địa bàn tỉnh Hải Dương, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hải Dương.	
82	Phạm Văn Dự (2023), Tư tưởng của Lênin về nhà nước kiểu mới trong tác phẩm “Nhà nước và cách mạng”, sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ.	
83	Phạm Văn Dự (2023), Tư tưởng Hồ Chí Minh về sử dụng trí thức yêu nước của xã hội cũ phục vụ sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc - sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới đất nước, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ.	
84	Phạm Văn Dự (2024), Ý nghĩa thời đại tác phẩm “Nhiệm vụ của Đoàn thanh niên” của V.I. Lênin, sự vận dụng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới, Tạp chí Thanh niên Nghiên cứu khoa học.	
85	Phạm Văn Dự (2024), Phận sự của cán bộ, đảng viên trong tác phẩm “Sửa đổi lối làm việc” và sự vận dụng của Đảng ta trong thời kỳ đổi mới, Tạp chí Nội chính.	
86	Phạm Văn Dự (2024), “Đề cương văn hóa Việt Nam” nội dung và ý nghĩa, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ.	
87	Phạm Văn Dự (2024), Quan điểm chỉ đạo của Đảng cộng sản Việt Nam về việc đẩy mạnh chuyển đổi số trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
88	Nguyễn Thị Hải Hà, Yếu tố tác động đến xây dựng gia đình văn hoá ở tỉnh Hải Dương hiện nay, Tạp chí Khoa học trường Đại học Sư phạm Vinh, Số 1/2020.	
89	Nguyễn Thị Hải Hà, Tỉnh Hải Dương thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội góp phần xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Số 4(75).	
90	Nguyễn Thị Hải Hà, Giải pháp nâng cao chất lượng tự học, học phần Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam cho sinh viên trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Số 2(77).	
91	Nguyễn Thị Hải Hà, Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết và thường xuyên đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, cơ hội chính trị, Tạp chí giáo dục và xã hội, tháng tháng 5/2023 (kì 2).	
92	Nguyễn Thị Hải Hà, Nâng cao chất lượng giảng dạy học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt nam cho sinh viên trường Đại học Sao Đỏ hiện nay. Thực trạng và giải pháp, Tạp chí giáo dục và xã hội, tháng 5/2024 (kì 1).	
93	Hoàng Thị Ngọc Diệp, Trần Duy Khánh, Phạm Huy Hoàng, Trần Đình Khang (2023), Phân lớp người dùng tiềm năng của hệ thống học trực tuyến vuihoc, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Số 2 (81).	
94	Nguyễn Thị Thanh Bình (2025), Giải pháp ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong nâng cao chất lượng giảng dạy ở các trường đại học hiện nay, Tạp chí Công dân và khuyến học, số đặc biệt tháng 4.	
95	Vũ Thị Lương (2022), Áp dụng các hoạt động ngoại khóa trong dạy học Tiếng Anh nhằm nâng cao kỹ năng giao tiếp cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ.	
96	Vũ Thị Lương (2023), Sử dụng trò chơi ngôn ngữ nhằm nâng cao chất lượng đào tạo tiếng anh tại trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ.	
97	Vũ Thị Lương (2024), Áp dụng phương pháp thảo luận nhóm trong giảng dạy tiếng anh cho sinh viên trường Đại học	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
	Sao Đỏ, Tạp chí Giáo dục và xã hội, tháng 6/2024.	
98	Trần Hoàng Yên (2021), Nghiên cứu thực trạng nói tiếng Anh và đề xuất 1 số giải pháp nhằm nâng cao kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên không chuyên Đại học Sao Đỏ, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Số 1 (72), tr. 91-97.	
99	Trần Hoàng Yên (2022), Dịch vụ du lịch của thành phố Chí Linh, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Số 4 (79), tr. 93-99.	
100	Trần Hoàng Yên (2023), Xây dựng môi trường văn hoá ở tỉnh Hải Dương hiện nay, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Số 3 (82), tr. 93-99.	
101	Trần Hoàng Yên (2023), Bảo tồn và phát triển làng nghề, làng truyền thống của tỉnh Hải Dương trong bối cảnh tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay. Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ.	
102	Trần Hoàng Yên (2024), Phát triển du lịch gắn liền với phát triển văn hoá ở tỉnh Hải Dương, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Số 4 (87), tr. 100-105.	
103	Trần Hoàng Yên (2024), Làng văn hoá và xây dựng làng văn hoá trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Hải Dương hiện nay, Tạp chí Giáo dục và Xã hội tháng 7 năm 2024 (kỳ 2), tr.280-286.	
104	Trịnh Thị Chuyên (2020), Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức cách mạng, lối sống văn hoá cho thanh niên và vận dụng của Đảng ta trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá hiện nay, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ.	
105	Trịnh Thị Chuyên (2022), Áp dụng các hoạt động ngoại khóa trong dạy học Tiếng Anh nhằm nâng cao kỹ năng giao tiếp cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ.	
106	Trịnh Thị Chuyên (2023), Sử dụng trò chơi ngôn ngữ nhằm nâng cao chất lượng đào tạo Tiếng Anh tại Trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ.	
107	Trịnh Thị Chuyên (2024), Áp dụng phương pháp thảo luận nhóm trong giảng dạy Tiếng Anh cho sinh viên trường Đại	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
	học Sao Đỏ, Tạp chí giáo dục và xã hội.	
108	Phạm Thị Hồng Trang(2021), 越南语褒贬义汉越词与汉语中的 源头词的词义对比研, 中学生报道-教学研究.	
109	Phạm Thị Hồng Trang (2024), Phương pháp dịch các yếu tố văn hóa trong học phần Biên dịch Trung Việt tại trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí Khoa học Quản lý và Công nghệ.	
110	Phạm Thị Hồng Trang (2025), Sử dụng trích đoạn phim để nâng cao kỹ năng nói tiếng Trung Quốc trong các cơ sở giáo dục đại học, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ.	
111	Bùi Thị Trang (2021), Một vài suy nghĩ về việc dạy kỹ năng nghe hiểu tiếng Trung Quốc cho sinh viên trình độ sơ cấp khoa du lịch và ngoại ngữ Trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ.	
112	Nguyễn Thị Lan (2020), Một vài suy nghĩ về việc dạy kỹ năng nghe hiểu tiếng Trung Quốc cho sinh viên trình độ sơ cấp khoa du lịch và ngoại ngữ Trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ.	
113	Nguyễn Việt Tuấn (số 1, 2020), Nghiên cứu tính ổn định nghiệm của phương trình tích phân ngẫu nhiên, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 1 (68). 2020, trang 87 - 91.	
114	Nguyễn Việt Tuấn (số 4, 2020), Stabilization of the weak stationary solutions to 2D g - Navier - Stokes equations, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 4 (71). 2020, trang 65 - 68.	
115	Nguyễn Việt Tuấn (số 1, 2022), Sufficient optimality conditions for the optimal control problem of 2D g - Navier-Stokes equations, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 1 (76). 2022, trang 51 - 56.	
116	Nguyễn Việt Tuấn (số 3, 2023), Existence and nonexistence of solutions for a class of Hamiltonian strongly degenerate elliptic system, Commun. Korean Math. Soc. 38 (2023), No. 3, pp. 741–754.	
117	Vũ Tiến Hiếu (2022), Những nguyên tắc cơ bản trong nghiên cứu và giảng dạy chủ nghĩa Mác - Lê Nin, Tạp chí Nghiên	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
	cứu khoa học, Đại học Sao Đỏ, Số 2 (77), trang 123.	
118	Nguyễn Thị Ngọc Mai (2021) Ứng dụng lý thuyết tín hiệu đánh giá giá trị chương trình đào tạo bậc đại học của khoa điện, trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, số 2(73)/2021.	
119	Nguyễn Thị Ngọc Mai (2022) Các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của các hộ trồng chè: Trường hợp từ tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, số 1(76)/2022.	
120	Nguyễn Thị Ngọc Mai (2022) Hình ảnh thương hiệu trường Đại học Sao Đỏ - tiếp cận từ phía người học, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, số 2(77)/2022.	
121	Nguyễn Thị Ngọc Mai (2022) Chuyển đổi số trong doanh nghiệp Việt Nam: Thực trạng và giải pháp, Tạp chí Kinh tế và dự báo, số 7/2022.	
122	Nguyễn Thị Ngọc Mai (2023) Định hướng mô hình quản trị đại học thông minh Trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí Kinh tế và dự báo, số 4/2023.	
123	Nguyễn Thị Ngọc Mai (2023) Giải pháp thúc đẩy thực hành ESG (Environmental – Social – Governance) tại doanh nghiệp, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, số 2(81)/2023.	
124	Nguyễn Thị Ngọc Mai (2023) Đào tạo nguồn nhân lực số trong xây dựng và phát triển kinh tế số tại Việt Nam, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, số 4(83)/2023.	
125	Nguyễn Thị Ngọc Mai (2024) Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Hải Dương, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, số 1(84)/2024.	
126	Nguyễn Thị Ngọc Mai (2024) Giải pháp phát triển các sản phẩm OCOP tỉnh Hải Dương, Tạp chí Kinh tế và dự báo, e-ISSN: 2734-9365.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
127	Nguyễn Thị Ngọc Mai (2024) Tác động của chất lượng cung ứng dịch vụ logistics đến sự hài lòng của khách hàng: Nghiên cứu ở một số doanh nghiệp logistics trên địa bàn Hà Nội, Tạp chí Kinh tế và dự báo, e-ISSN: 2734-9365.	
128	Nguyễn Thị Ngọc Mai (2024) Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua hàng đối với sản phẩm bánh trung thu của khách hàng tại Hà Nội, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, số 4(87)/2024.	
129	Nguyễn Thị Ngọc Mai (2025) Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng khi mua sắm tại Aeon mall Hà Đông, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, số 1 (88)/2025.	
130	Nguyễn Thị Ngọc Mai (2025) Kinh tế số trong ngành du lịch Việt Nam: Cơ hội và thách thức, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, số 2 (90)/2025.	
131	Nguyễn Thị Huế (2024), Tăng cường xúc tiến thương mại tiêu thụ sản phẩm OCOP tại tỉnh Hải Dương, tạp chí Kinh tế và dự báo. Số 16, tháng 8.	
132	Nguyễn Thị Huế, Nguyễn Thị Thủy (Số 17 tháng 6 năm 2023) Giải pháp phòng tránh rủi ro đối với người mua hàng trong các giao dịch thương mại điện tử tại thị trường Việt Nam, Tạp chí kinh tế và dự báo.	
133	Phạm Thị Hồng Hoa (2020), Chính sách an sinh xã hội tại Thái Lan và bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam, Tạp chí Nghiên cứu khoa học trường Đại học Sao Đỏ.	
134	Phạm Thị Hồng Hoa (2021), Giảm nghèo và phát triển bền vững ở Việt Nam, Tạp chí Nghiên cứu khoa học trường Đại học Sao Đỏ.	
135	Phạm Thị Hồng Hoa (2022), Vận dụng quy luật từ sự thay đổi về lượng dẫn đến thay đổi về chất và ngược lại vào quá trình học tập của sinh viên trường đại học Sao Đỏ hiện nay, Tạp chí Nghiên cứu khoa học trường Đại học Sao Đỏ.	
136	Phạm Thị Hồng Hoa (2023), Chính sách an sinh xã hội đối nông dân Việt Nam, kinh nghiệm từ Trung Quốc, Tạp chí	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
	Nghiên cứu khoa học trường Đại học Sao Đỏ.	
137	Phạm Thị Hồng Hoa (2023), Vận dụng quy luật từ những sự thay đổi về lượng, dẫn đến sự thay đổi về chất và ngược lại vào quá trình học tập của SV ĐHSĐ hiện nay, Kỷ yếu Hội thảo QG năm 2023.	
138	Phạm Thị Hồng Hoa (2024), Nỗ lực thúc đẩy quá trình chuyển đổi số của Nhật Bản, Tạp chí số đặc biệt trường Đại học Sao Đỏ.	
139	Phạm Thị Hồng Hoa (2024), Chính sách hỗ trợ DN nhỏ và vừa tại tỉnh HD, Tạp chí Nghiên cứu khoa học trường Đại học Sao Đỏ.	
140	Phạm Thị Hồng Hoa (2024), Kinh tế số và giải pháp phát triển mô hình kinh tế số tại VN, Tạp chí số đặc biệt trường Đại học Sao Đỏ.	
141	Phạm Thị Hồng Hoa (2025), Nợ và quản lý nợ nước ngoài tại VN, Tạp chí Nghiên cứu khoa học trường Đại học Sao Đỏ.	
142	T.H. Nguyen, T. L. Nguyen, D. N. Sidorov, A.I. Dreglea (2020), A Robust Approach to Detect Gas Bubbles through Images Analysis, Intelligent Decision Technologies.	
143	Nguyen T. Huong and Nguyen T. Long (2021), Deep Learning Methods for Classification of Road Defects, International Journal of Artificial Intelligence.	
144	Long The Nguyen, Huong Thu Nguyen, Alexander Diomidovich Afanasiev & Tao Van Nguyen (2021), Automatic Identification Fingerprint Based on Machine Learning Method, Journal of the Operations Research Society of China.	
145	Nguyen T. Long ¹ and Afanasiev D. Alexander ¹ and Nguyen T. Huong (2021), Segmentation of Forest Fire Images Based on Convolutional Neural Networks, International Journal of Artificial Intelligence.	
146	T.H. Nguyen, T.L. Nguyen, A.D. Afanasiev and T.L. Pham (2022), Optimizing Image Segmentation of Pavement Defects Using Graph-based Method, Intelligent Decision Technologies.	
147	H. T. Nguyen, L. T. Nguyen, A. D. Afanasiev, and L. T. Pham (2022), Classification of Road Pavement Defects Based	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
	on ConvolutionNeural Network in Keras, Automatic Control and Computer Sciences.	
148	Huong Nguyen Thu and Long Nguyen The (2023), An approach using deep learning for forest fire detection, Proceedings of the 5th International Conference on Advances in Signal Processing and Artificial Intelligence (ASPAI' 2023).	
149	Nguyen Thu Huong , Nguyen The Long , and Pham Thi Lien (2023), Improved Approach Build Anthropological Face Feature Maps Based on Convolution Neural Network, Advances in Information and Communication Technology. Lecture Notes in Networks and Systems.	
150	Nguyen The Long , Nguyen Thu Huong, Shmeleva Anna. G. , and Pham Thi Lien (2023), Application of Deep Learning Methods for Forest Fire Intelligent Image Processing, Advances in Information and Communication Technology.	
151	Nguyen T. Long, Nguyen T. Huong, Shmeleva G. Anna1 and Afanasiev D. Alexander (2024), Optimization of A Pavement Defects Detection System Using A Deep Learning Algorithm with Pre-train, International journal of Artificial Intelligence.	
152	Lien Pham Thi, Long Nguyen The and Huong Nguyen Thu (2024), Application Pre-trained Network – ResNet50 for the Classification of Electronic Components, Proceeding of the 6th International Conference on Advances in Signal Processing and Artificial Intelligence (ASPAI' 2024).	
153	Nguyen The Long, Nguyen Thu Huong, Pham Thi Lien, Anna Shmeleva Gen, and Tran Tuan Viet (2025), Deep Learning Application for Images Augmentation in Electrical Component Classification System, Advances in Information and Communication Technology. Lecture Notes in Networks and Systems.	
154	Nguyễn Mạnh Tường, Chuyên đổi số trong dạy học các môn Lý luận chính trị tại Trường Đại học Sao Đỏ hiện nay, Tạp chí NCKH-ĐH Sao Đỏ.	
155	Vũ Văn Đông (2025), Lý luận năng suất lao động của Mác-Lênin và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam trong bối cảnh chuyên đổi số ngày nay, Tạp chí NCKH-ĐH Sao Đỏ.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
156	Vũ Văn Đông, Trần Thị Hồng Nhung (2025), Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay, Tạp chí NCKH-ĐH Sao Đỏ.	
157	Vũ Văn Đông, Vũ Văn Chương, Vũ Hồng Phong (2025), digital economy and global integration in developing countries: trends, constraints and policy pathways, Научный журнал «Интернаука» № 38(402) ктябрь 2025 г.	
158	Nguyen P.-H., Hoang T.-T., Nguyen T.-T., Ngo T.-G., Dao T.-K. (2026), Neural Network-Based Forecasting of IoT Connection Growth: A Comprehensive Study, Advances in Intelligent Data Analysis and Applications, Smart Innovation, Systems and Technologies, vol. 445. Springer.	
159	Ngoc N. T. B. (2026). A study and evaluation of transfer learning–based deep learning models for common skin disease detection. Global Journal of Engineering and Technology Advances, 26(2), 001–007. https://doi.org/10.30574/gjeta.2026.26.2.0036	
160	Pham V. K., Le H. T., Pham T. H. (2025). Artificial intelligence and digital skills in higher education: Opportunities, challenges, and solutions, Proceedings of the International Conference on Educational Sciences and Foreign Language Teaching (ICEF 2025). Hanoi: Bach Khoa Publishing House, pp. 415–422.	
161	Pham V. K., Le H. T. (2025). Overview of research on remote practice and experiments in university training of information technology, Proceedings of the National Scientific Conference for Graduate Students and Young Researchers in Educational Sciences and Teacher Education, 2025, pp. 688–696.	
162	Nguyen T. L., Nguyen T. H., Pham V. K., Nguyen V. H. (2025). Applying random forest algorithm to an automated network attack detection system, Proceedings Book of the International Asian Congress on Contemporary Sciences – XI. Konya–Karapinar, Turkey.	
163	Phạm Thị Hường (2025). Thách thức từ công nghệ số và công cụ AI trong giáo dục, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia 2025: Ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy, nghiên cứu và đánh giá ở trường đại học – Thực tiễn, kinh nghiệm và giải pháp đổi mới.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
164	Huong P. T., Phu, D. N., Thao, D. X., & Huong, V. T. D. (2025). Application of artificial intelligence and machine learning in cyberattack detection: A hybrid CNN-LSTM approach. In Proceedings of the 28th National Conference on Selected Issues of Information and Communication Technology.	
165	Tam, P. T., & Thi, T. N. (2025). Интегрированная модель управления безопасностью и защитой данных для системы OT-OPSWA в цифровой промышленной среде. In Actual Issues of Physical and Mathematical Sciences (Bisliev Readings). Grozny, Russia.	
166	Ngat H.T., Nguyen P.H. (2025). Технический бенчмаркинг и оптимизация облегченных нейронных сетей для развертывания ИИ на периферийных устройствах, Актуальные вопросы физико-математических наук (Бислиевские чтения). Материалы Международной научно-практической конференции, Grozny, 2025, pp. 127–130.	
167	Nguyen, T. T., & Ishmuratov, R. A. (2025). An ensemble-deep learning framework for offline signature verification with forgery robustness. <i>Soft Measurements and Computing</i> , 94(2), 133–139. https://doi.org/10.36871/2618-9976.2025.9-2.016 .	
168	Hoàng Thị An (2025), Phát triển hệ thống phát hiện không thắt dây an toàn đúng quy định trên ô tô dựa trên mạng YOLOv11, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ.	
169	Trịnh Thị Chuyên, Vũ Thị Lương (2025), Ứng dụng công cụ AI trong phát hiện đạo văn: trải nghiệm, nhận thức và bài toán đạo đức trong giáo dục Đại học, Tạp chí Giáo dục và xã hội.	
170	Phạm Hồng Trang (2025), Sắc thái nghĩa tích cực -tiêu cực của từ trong tiếng trung quốc: nhận thức của sinh viên và đề xuất giải pháp trong giảng dạy, Tạp chí ngôn ngữ và đời sống.	
171	Nguyen Thi Ngoc Mai, & Do Thi Tue Minh. (2025). Organizational artificial intelligence skills readiness in private enterprises in the digital transformation period. In Proceedings Economic and Business Development in the Digital Era (pp. 1337–1345). Social Sciences Publishing House.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
172	Nguyễn Thị Ngọc Mai, Ứng dụng AI trong chiến lược marketing tại doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam, Tạp chí kinh tế, tài chính.	
173	Phạm Văn Dự (2025), Tư tưởng của V.I.Lênin về trí thức trong xây dựng chủ nghĩa xã hội và sự vận dụng của đảng cộng sản Việt Nam hiện nay, Tạp chí Giáo dục lý luận, ISSN 0868-3492 (Số 395)	
174	Nguyễn Thị Huế (2025), Phát triển du lịch tại khu vực phía Tây Hải Phòng trong bối cảnh mới: Thực trạng và giải pháp đến năm 2030, Tạp chí Kinh tế - Tài chính.	
175	Phạm Thị Hồng Hoa (2025), Chính sách thuế dưới góc độ cảm nhận của hộ kinh doanh, Tạp chí NCKH-ĐH Sao Đỏ.	
176	Nguyễn Thị Kim Nguyên, Nguyễn Thị Nhan, Đào tạo nguồn nhân lực cho các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương cũ (nay thuộc thành phố Hải Phòng): Thực trạng và mô hình đề xuất, Tạp chí NCKH-ĐH Sao Đỏ.	
177	Nguyễn Thị Ngọc Mai, Vũ Văn Cường, Lê Thị Huyền, Đào Thị Kim Tuyền, Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của người tiêu dùng khi mua hàng trên TikTok Shop tại thành phố Hà Nội, Tạp chí NCKH-ĐH Sao Đỏ.	
178	Phùng Thị Lý, (2025), Xây dựng gia đình văn hoá Việt Nam trong thời kỳ hội nhập toàn cầu, Tạp chí NCKH-ĐH Sao Đỏ.	
179	Nguyễn Thị Nhan (2025), Nhận thức và vận dụng chủ nghĩa xã hội khoa học ở Việt Nam hiện nay, Tạp chí NCKH-ĐH Sao Đỏ.	
180	Phạm Xuân Đức (2025), Giáo dục đại học trong nền kinh tế số ở Việt Nam hiện nay, Tạp chí NCKH-ĐH Sao Đỏ.	
181	Phạm Văn Dự (2025), Tư tưởng chính trị của Ngô Thì Nhậm, ý nghĩa đương thời và giá trị thời đại, Tạp chí NCKH-ĐH Sao Đỏ.	
182	Nguyễn Thị Hải Hà (2025), Ứng dụng chuyển đổi số trong giảng dạy học phần tư tưởng Hồ Chí Minh ở trường Đại học Sao Đỏ hiện nay, Tạp chí NCKH-ĐH Sao Đỏ.	
183	Nguyễn Văn Tuyên (2025), Influence of the elastic field of quantum dots on the electronic band structure of III-Nitride wire semiconductors, Reviews on Advanced Materials and Technologies. - 2025. - Vol. 7, no. 2. - P. 124 - 140. https://doi.org/10.17586/2687-0568-2025-7-2-124-140 .	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
184	Nguyễn Văn Tuyên (2025), Band gap engineering with strains induced by quantum dots in semiconductors nanowires, Materials Physics and Mechanics. vol. 53(5): pp. 42–49, 2025.	
185	Nguyễn Văn Tuyên (2025), Dilatational disk and finite cylindrical inclusion in elastic nanowire, International Journal of Engineering Science. - - Vol. 206, - P. 104169 (1 - 25). https://doi.org/10.1016/j.ijengsci.2024.104169 . [Q1, IF=5.7]	

4.5. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên

- Đội ngũ GV hiện tại của Trường đã đáp ứng và đảm nhận được 100% khối lượng CTĐT ngành Công nghệ thông tin. Tuy nhiên, căn cứ vào Chiến lược phát triển đội ngũ, Nhà trường/Khoa Công nghệ thông tin đã xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ GV đảm bảo về số lượng, chất lượng và cơ cấu để đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH. Kế hoạch phát triển đội ngũ GV đến năm 2030 bao gồm việc tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng, đánh giá và đưa ra các chế độ, chính sách đãi ngộ như:

- Hằng năm Nhà trường cử nhiều GV đi học tập, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ. Hằng năm tổ chức từ 20 - 40 chuyên đề bồi dưỡng về chuyên môn, phương pháp giảng dạy, phương pháp NCKH cho GV.

- Tiếp tục chọn cử GV đi làm nghiên cứu sinh ở trong nước và nước ngoài theo nhu cầu nhân lực của từng ngành, dự kiến đến năm 2030 có thêm 03 Tiến sĩ để đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành Công nghệ thông tin dự kiến mở.

- Tiếp tục tạo điều kiện cho GV tham gia các hoạt động NCKH, hoạt động thực tế, tích cực tham gia hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước; hỗ trợ GV đạt học hàm và các chức danh nghề nghiệp.

- Nhà trường thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, chính sách để thu hút, tuyển dụng, bổ nhiệm, phát triển đội ngũ GV như: Xây dựng cơ chế, chính sách đãi ngộ về điều kiện làm việc, học tập nâng cao trình độ, thu nhập để thu hút nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là đội ngũ GV có trình độ tiến sĩ và đang làm nghiên cứu sinh.

Hằng năm, đội ngũ GV cơ hữu của Khoa/Trường được theo dõi đánh giá, điều chỉnh về số lượng và chất lượng

5. ĐIỀU KIỆN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT ĐÀO TẠO TỪ XA NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Nhà trường có đầy đủ đầy đủ hệ thống phòng học, phòng thực hành, thiết bị, thư viện, giáo trình, tài liệu học tập đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu theo yêu cầu của CTĐT, đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất theo quy định của chuẩn chương trình đào tạo từ xa ngành CNTT trình độ đại học.

5.1. Công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đào tạo

5.1.1. Hạ tầng kỹ thuật

Phòng kỹ thuật đủ diện tích để lắp đặt các thiết bị của hệ thống đào tạo từ xa, hệ thống máy chủ đảm bảo quá trình đào tạo từ xa diễn ra một cách liên tục, không bị gián đoạn (Bảng 7).

Bảng 7. Danh mục hạ tầng kỹ thuật trong quản lý đào tạo từ xa

TT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị	SL
1	Máy chủ Hãng sản xuất: Dell	PowerEdge R750 Server	Malaysia	Bộ	02

TT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị	SL
2	Hệ điều hành máy chủ Window Server Hãng sản xuất: Microsoft	<i>Windows Server 2022</i>	Hồng Kông		
2.1	Windows Svr Std 2022 64Bit English 1pk DSP OEI DVD 16Core Mã sản phẩm: P73-08328			Bộ	02
2.2	Windows Svr Std 2022 English 1pk DSP OEI 4Cr NoMedia/NoKey (POOnly) add license Mã sản phẩm: P73-08441			Bộ	04
3	Thiết bị chuyển mạch trung tâm Hãng sản xuất: Cisco	C9300-24T (Part No: C9300-24T-E)	Trung Quốc	Bộ	02
4	Thiết bị lưu trữ NAS Hãng sản xuất: Synology	DS923+	Đài Loan	Bộ	01
5	Bộ lưu điện 3KVA Hãng sản xuất: APC	SMC3000RMI2U	Philippines	Bộ	02
6	Ổ cứng lưu trữ 4TB Hãng sản xuất: Toshiba	N300	Philippines	Cái	04

5.1.2. Trang thiết bị dạy học

Công tác đầu tư trang thiết bị phục vụ giảng dạy, NCKH luôn được Nhà trường coi trọng. Phòng Studio được trang bị đầy đủ các thiết bị đảm bảo cho việc quay phim, ghi hình, giảng dạy trực tuyến (Bảng 8).

- Hệ thống Studio sản xuất học liệu, cụ thể như sau:

+ Tổng diện tích: 250m²

+ Danh sách sách phòng chức năng như sau: Tất cả các phòng được thiết kế theo đúng chức năng và đảm bảo tiêu âm, cách âm:

1. Phòng thu/ quay bài giảng và giảng dạy Online trực tiếp: 4 phòng
2. Trường quay lớn: 1 phòng
3. Phòng biên tập, chỉnh sửa: 1 phòng
4. Phòng làm việc chung cho giảng viên: 1 phòng

Bảng 8. Phòng học và trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy đào tạo từ xa

STT	Hạng mục	Số lượng	Thương hiệu	ĐVT	Năm sản xuất	Tình trạng	Ghi chú
1	Phòng quay bài giảng						
1.1	Máy quay Sony HXR/NX100	1	Sony	Chiếc	2021	Hoạt động bình thường	

STT	Hạng mục	Số lượng	Thương hiệu	ĐVT	Năm sản xuất	Tình trạng	Ghi chú
1.2	Chân máy Benro Video Tripod KH2	1	Benro	Bộ	2021	Hoạt động bình thường	
1.3	Bộ trộn hình ATEM Mini Pro ISO	1	Blackmagic Design	Bộ	2021	Hoạt động bình thường	
1.4	Hệ thống Đèn và phong xanh	1	China	Bộ	2021	Hoạt động bình thường	
1.5	Ti vi Sam Sung PS50A410	1	Việt Nam, 2009	Chiếc	2021	Hoạt động bình thường	
1.6	Giá treo TV di động		NB AVA1500-60	Bộ	2021	Hoạt động bình thường	
2	Phòng hậu kỳ Video	1					
	Máy tính chứa dữ liệu video	1		Bộ	2021	Hoạt động bình thường	
3	Phòng thu						
3.1	Hệ đèn trường quay	02	China	Chiếc	2024	Hoạt động bình thường	
3.2	Microphone Saramonic Blink 500 B2+	02	SARAMONIC	Chiếc	2024	Hoạt động bình thường	
3.3	Bộ nhắc lời ikan PT3700 17" Rod Mounted Teleprompter for Location and Studio	01	Ikan	Chiếc	2024	Hoạt động bình thường	

- Nhà trường có cổng thông tin điện tử với địa chỉ <https://saodo.edu.vn/>. Thông tin trên cổng thông tin điện tử luôn được cập nhật thường xuyên, công bố công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục, CTĐT,...

- Hệ thống LMS (Learning Management System) do Khoa Công nghệ thông tin của Nhà trường phát triển từ năm 2020 được sử dụng để quản lý dạy - học trực tuyến. Hệ thống LMS có thể quản lý đào tạo trực tuyến. Nhà trường có hệ thống kiểm tra, đánh giá kết quả học tập bảo đảm khách quan, trung thực; đánh giá được quá trình học tập; kiểm soát và xác thực được việc học, làm bài kiểm tra, thi và thực hiện các nhiệm vụ được giao trong chương trình học tập của người học. Hệ thống đào tạo từ xa được nâng cấp vào năm 2025 và được kết nối với hệ thống quản lý đào tạo của Nhà trường. Các modul cụ thể theo Bảng 9.

Bảng 9. Hệ thống phần mềm đào tạo từ xa và quản lý đào tạo

STT	Module
1	Phần mềm đào tạo từ xa
1.1	Trang tin giảng dạy
1.2	Tài liệu bài giảng / Loại tài liệu
1.3	Tài liệu bài giảng / Bài giảng cá nhân
1.4	Tài liệu bài giảng / Kiểm duyệt bài giảng
1.5	Tài liệu bài giảng / Kho bài giảng
1.6	Tài liệu bài giảng trong Lớp học phần
1.7	Quản lý ngân hàng câu hỏi kiểm tra
1.8	Soạn thảo câu hỏi kiểm tra
1.9	Dạng câu hỏi Trắc nghiệm đơn
1.10	Dạng câu hỏi Trắc nghiệm NHÓM
1.11	Dạng câu hỏi TỰ LUẬN
1.12	Dạng câu hỏi TỰ LUẬN NHÓM
1.13	Quản lý đề, bài kiểm tra
1.14	Tạo đề, bài kiểm tra
1.15	Ra đề, bài kiểm tra trong lớp học phần giảng dạy
1.16	Bài giảng dành cho Sinh viên
1.17	Bài kiểm tra dành cho Sinh viên
1.18	Tích hợp Zoom (Teams) vào Cổng thông tin giảng dạy trực tuyến (SV & GV)
2	Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo
2.1	Quản lý chương trình đào tạo
2.2	Quản lý Tuyển sinh
2.3	Quản lý Giảng viên - Phòng học
2.4	Quản lý khảo sát
2.5	Quản lý học vụ sinh viên
2.6	Quản lý thời khóa biểu
2.7	Quản lý kiểm soát giờ giảng và thanh toán vượt giờ của giảng viên
2.8	Quản lý tài chính học vụ
2.9	Quản lý thi trắc nghiệm
2.10	Quản lý nhân sự
2.11	Cổng thông tin nhân sự
2.12	Cổng thông tin sinh viên
2.13	Cổng hành chính điện tử
2.14	Cổng thông tin đăng ký xét tuyển

Bảng 10. Trang thiết bị phòng thực hành ngoại ngữ phục vụ giảng dạy

TT	Tên trang thiết bị/thông số/đặc tính kỹ thuật	Số lượng	Năm sản xuất	Nước SX	Dùng cho ngành (CTĐT)	Ghi chú
I	Phòng thực hành ngoại ngữ số 1					
1	Máy tính để bàn dành cho giáo viên Model: i3-8100;	1	2019	Việt Nam	CNTT	
2	Máy tính để bàn dành cho học viên Model: i3-810	36	2019	Việt Nam	CNTT	
3	Máy chiếu đa năng Model: VL-3100	1	2019	Trung Quốc	CNTT	
4	Hệ thống âm thanh hỗ trợ Model: V - 100	1	2019	Trung Quốc	CNTT	
5	Hệ thống điều khiển và bàn lập trình, chuyển đổi tín hiệu vào/ra. Model: V-580AV	1	2019	Trung Quốc	CNTT	
6	Phần mềm multimedia dùng cho Giáo viên điều khiển và quản lý lớp học ngôn ngữ. Model: VL-7200T;	1	2019	Trung Quốc	CNTT	
II	Phòng thực hành ngoại ngữ số 2					
1	Máy tính để bàn dành cho giáo viên Model: i3-8100;	1	2019	Việt Nam	CNTT	
2	Máy tính để bàn dành cho học viên Model: i3-810	36	2019	Việt Nam	CNTT	
3	Máy chiếu đa năng Model: VL-3100	1	2019	Trung Quốc	CNTT	
4	Hệ thống âm thanh hỗ trợ Model: V - 100	1	2019	Trung Quốc	CNTT	
5	Hệ thống điều khiển và bàn lập trình, chuyển đổi tín hiệu vào/ra. Model: V-580AV	1	2019	Trung Quốc	CNTT	
6	Phần mềm multimedia dùng cho Giáo viên điều khiển và quản lý lớp học ngôn ngữ, Model: VL-7200T;	1	2019	Trung Quốc	CNTT	

Bảng 11. Trang thiết bị phòng thí nghiệm và hệ thống thiết bị thí nghiệm chính

STT	Tên phòng thực hành, thí nghiệm	Số lượng	Các trang thiết bị chính
1	Phòng Kỹ thuật máy tính	30	Máy vi tính
		2	Điều hòa nhiệt độ Casper
		4	Quạt trần
		1	Bảng viết 1,5 x 4m
		1	Ti vi Plasma Samsung 50
		1	Switch 24 cổng gigabit
		2	Switch 16 cổng gigabit
2	Phòng Kỹ thuật phần mềm	30	Máy vi tính
		2	Điều hòa nhiệt độ Casper
		4	Quạt trần
		1	Bảng viết 1,5 x 4m
		1	Ti vi LED LG 60LB561T
		1	Switch 24 cổng gigabit
		2	Switch 16 cổng gigabit
3	Phòng Tích hợp dữ liệu lớn và kết nối vạn vật	30	Máy vi tính
		2	Điều hòa nhiệt độ Nagakawa
		4	Quạt trần
		1	Bảng viết 1,5 x 4m
		1	Ti vi LG 55 inch Model 55UN72
		1	Switch 24 cổng gigabit
		2	Switch 16 cổng gigabit
4	Phòng Mạng máy tính	30	Máy vi tính
		2	Điều hòa nhiệt độ Casper
		1	Quạt trần
		1	Bảng viết 1,5 x 4m
		1	Ti vi LG 55 inch Model 55UN72
		2	Máy chủ HP ProLiant ML10 Server
		2	Máy trạm HP Compaq Elite 8300
		1	Máy chủ cơ sở dữ liệu (X3650 M4)
		2	Thiết bị router

STT	Tên phòng thực hành, thí nghiệm	Số lượng	Các trang thiết bị chính
		1	Thiết bị Switch Layer 2 Cisco Catalyst 2960-X Switch
		1	Thiết bị Switch Layer 2 Cisco Catalyst 3750-X Switch
		1	Converter 1Gbps
		1	Thiết bị Access point wifi Ruijie RG- AP720-L
		1	Router Mikrotik RB750 GR3
		3	Thiết bị Switch Gigabit
		1	Tủ mạng ComRack 27U
5	Phòng Truyền thông đa phương tiện	30	Máy vi tính
		1	Ti vi Plasma Samsung 50
		1	Điều hòa nhiệt độ Casper
		2	Quạt trần
		1	Bảng viết 1,5 x 4m
		1	Switch 24 cổng gigabit
		1	Switch 16 cổng gigabit
6	Phòng Thực tế ảo và trí tuệ nhân tạo	30	Máy vi tính
		1	Điều hòa nhiệt độ Casper
		2	Quạt trần
		1	Bảng viết 1,5 x 4m
		1	Ti vi LED LG 60LB561T
		1	Switch 24 cổng gigabit
		1	Switch 16 cổng gigabit
		1	Máy tính PC3D AI Trí Tuệ Nhân Tạo - I9 10900X/ 32GB/ RTX 3060 12GB.
		1	Logitech webcam C922
		1	Kính thực tế ảo Oculus Quest 2 128GB

5.2. Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo

* *Thư viện*

Thư viện Trường ĐHSĐ có đủ nguồn thông tin tư liệu và phương tiện để SV tìm hiểu, tra cứu khi thực hiện nghiên cứu và học tập như giáo trình, tài liệu học tập, tài liệu tham khảo, tạp chí khoa học trong và ngoài nước

Trung tâm thư viện diện tích trên 988 m² với gần 3.000 đầu sách tham khảo bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài; thư viện điện tử của Nhà trường (<https://lib.saodo.edu.vn>), được kết nối với cơ sở dữ liệu của Trung tâm kết nối Tri thức số hiện đã có 122 thư viện số của cơ sở giáo dục đại học kết nối chia sẻ tài nguyên (<https://hub.idk.org.vn>) giúp cho SV, học viên của trường tra cứu, sử dụng tài liệu để nghiên cứu và học tập.

Hàng năm Nhà trường đầu tư hàng trăm triệu đồng để mua bổ sung và cập nhật sách và tài liệu nhằm tăng số lượng đầu sách cho thư viện.

Những phòng nghiệp vụ chủ yếu gồm:

* *Phòng đọc tài liệu điện tử:*

- Số lượng máy tính: 50 máy
- Mục đích sử dụng: đọc, nghiên cứu các loại tài liệu điện tử; khai thác các tài liệu điện tử trên mạng Internet; thực hành, mô phỏng các giải pháp qua các phần mềm đã được cài đặt. Thư viện điện tử có thể liên kết với các tài liệu đã được số hóa và các tài liệu của các cơ sở đào tạo cùng lĩnh vực, cùng chuyên ngành đào tạo trong và ngoài nước.

Danh mục chi tiết các thiết bị được cho trong (Bảng 12).

Bảng 12. Trang thiết bị tại phòng đọc điện tử thư viện

STT	Tên gọi của máy, thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Ghi chú
1	Máy tính đồng bộ Fujitsu	120	ĐNA	
2	Máy sever Fujitsu RX600 S4	03	Đài loan	
3	Wireless AIR - AP 1252 AG-A-K9	05	Đài loan	
4	Switch quang: KATALIST WS-C3750 G	05	Đài loan	
5	Switch quang: KATALIST CE 500	08	Đài loan	
Trang thiết bị phục vụ nghe, nhìn, đồng bộ khác...				

* *Phòng đọc tài liệu tổng hợp*

- Mục đích sử dụng: đọc các loại tài liệu sách, giáo trình, báo, tạp chí.
- Các trang thiết bị chính: phòng đọc tài liệu tổng hợp với trên 3.000 đầu sách, báo, tạp chí khoa học, phục vụ đồng thời trên 200 chỗ đọc.

* *Phòng hội thảo khoa học*

- Số lượng phòng: 01.
- Mục đích sử dụng: báo cáo khoa học, hội thảo khoa học, bảo vệ luận văn/ đồ án tốt nghiệp.
- Các trang thiết bị chính: máy chiếu đa năng, màn hình tinh thể lỏng, máy tính, v.v..

Bảng 13. Thống kê các giáo trình/sách tham khảo để sử dụng/tham khảo cho các học phần ngành Công nghệ thông tin

STT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
-----	-------------------------------	-------------	--------------	--------------

STT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
I	Giáo trình, tài liệu lưu hành nội bộ			
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
3	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
4	Triết học Mác - Lênin	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
6	Pháp luật đại cương	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
7	Tiếng Anh 1	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
8	Tiếng Anh 2	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
9	Tiếng Anh 3	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
10	Tiếng Trung Quốc 1	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
11	Tiếng Trung Quốc 2	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
12	Tiếng Trung Quốc 3	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
13	Đại số tuyến tính	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
14	Giải tích	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
15	Vật lý đại cương và ứng	Trường Đại học	Lưu hành nội bộ	2025

STT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
	dụng	Sao Đỏ		
16	Ứng dụng công nghệ số và AI	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
17	Tin học cơ bản	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
18	Kỹ năng mềm	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
19	Bóng chuyền hơi	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
20	Bóng đá	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
21	Khiêu vũ thể thao	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
22	Pickleball	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
23	Cầu lông	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
24	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
25	Khởi nghiệp kinh doanh	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
26	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
27	Tổ chức sản xuất và quản lý doanh nghiệp	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
28	Xác suất và thống kê	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
29	Phương pháp tính	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
30	Toán rời rạc	Trường Đại học	Lưu hành nội bộ	2025

STT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
		Sao Đỏ		
31	Lập trình C	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
32	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
33	Mạng máy tính	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
34	Nguyên lý hệ điều hành	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
35	Cơ sở dữ liệu	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
36	Phân tích và thiết kế hệ thống	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
37	Lập trình C++	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
38	Thiết kế web	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
39	Bảo trì hệ thống	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
40	Quản trị cơ sở dữ liệu	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
41	Phát triển ứng dụng web	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
42	Lập trình Python	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
43	Công nghệ phần mềm	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
44	Lập trình Java	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
45	Trí tuệ nhân tạo	Trường Đại học	Lưu hành nội bộ	2025

STT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
		Sao Đỏ		
46	Xử lý ảnh	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
47	AutoCAD	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
48	Đồ họa ứng dụng	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
49	SEO Master	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
50	Lập trình game 3D	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
51	Quản lý dự án phần mềm	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
52	Phát triển ứng dụng IoT	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
53	Lập trình C#	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
54	Phát triển ứng dụng di động	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
55	Kiểm thử và đảm bảo chất lượng phần mềm	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
56	Mạng không dây	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
57	Phân tích và thiết kế mạng máy tính	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
58	Quản trị hệ thống Linux	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
59	An toàn và an ninh mạng	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
60	Lập trình mạng	Trường Đại học	Lưu hành nội bộ	2025

STT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
		Sao Đỏ		
61	Quản trị mạng	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
62	Bảo mật thông tin	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
63	Phát triển ứng dụng đa nền	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
64	Thị giác máy tính	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
65	Dữ liệu lớn	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
66	Lập trình web (ASP.NET)	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
67	Lập trình NodeJS	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2025
II	Giáo trình chính và giáo trình tham khảo			
1	Giáo trình triết học Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội	2021
2	Giáo trình Triết học Mác - Lênin	Nguyễn Hữu Vui, Nguyễn Ngọc Long	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	2002
3	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	Nguyễn Viết Thông	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	2009
4	Hướng dẫn ôn thi hiệu quả môn triết học Mác - Lênin	Phạm Văn Đức	NXB Đại học sư phạm Hà Nội	2021
5	Tìm hiểu triết học Mác - Lênin	Nguyễn Ngọc Hà	NXB Khoa học Xã hội.	2021

STT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
6	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	2021
7	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	2005
8	C.Mác - Ph.Ăngghen Toàn tập, Tập 12, 18, 23, 25	C.Mác - Ph.Ăngghen	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	1995
9	V.I. Lênin Toàn tập, Tập 27	V.I. Lênin	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	1995
10	Hướng dẫn ôn thi hiệu quả môn Kinh tế chính trị Mác -Lênin	Ngô Thái Hà	NXB Đại học Sư phạm Hà Nội	2022
11	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội	2021
12	Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII	Đảng Cộng sản Việt Nam	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	2021
13	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	2009
14	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội	2021
15	Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ GD&ĐT	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2018
16	Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập (Đại hội VI, VII, VIII, IX, X)	Đảng Cộng sản Việt Nam	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2008
17	Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI	Đảng Cộng sản Việt Nam	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2011
18	Văn kiện Đại hội Đại biểu	Đảng Cộng sản	NXB Chính trị	2016

STT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
	toàn quốc lần thứ XII	Việt Nam	Quốc gia, Hà Nội	
19	Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII	Đảng Cộng sản Việt Nam	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2021
20	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2021
21	Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2010
22	Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII	Đảng Cộng sản Việt Nam	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2016
23	English Grammar in Use	Raymond Murphy	Cambridge University Press	2019
24	English Grammar in Use	Raymond Murphy	Cambridge University Press	2019
25	Real life – Pre Intermediate - Students' book	Sarah Cunning Ham, Peter Moor	Pearson Longman	2010
26	English Grammar in Use	Raymond Murphy	Cambridge University Press	2019
27	Advanced Grammar in Use	Martin Hewings	Cambridge University Press	2005
28	Giáo trình Hán ngữ (Tập 1- Quyển thượng)	Dương Ký Châu	Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh	2019
29	Giáo trình 345 câu khẩu ngữ tiếng Hán tập 1	Trần Hiền Thuận	Đại học Quốc gia	2009
30	Giáo trình 345 câu khẩu ngữ tiếng Hán tập 2	Trần Hiền Thuận	Đại học Quốc gia Hà Nội	2009
31	Giáo trình Hán ngữ (Tập 1- Quyển hạ)	Dương Ký Châu	Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh	2019
32	Giáo trình 345 câu khẩu ngữ tiếng Hán tập 1	Trần Hiền Thuận	Đại học Quốc gia Hà Nội	2009
33	Giáo trình 345 câu khẩu	Trần Hiền Thuận	Đại học Quốc gia	2009

STT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
	ngữ tiếng Hán tập 2		Hà Nội	
34	Giáo trình 345 câu khẩu ngữ tiếng Hán tập 3	Trần Hiền Thuận	Đại học Quốc gia Hà Nội	2014
35	Giáo trình Hán ngữ (Tập 2 - Quyển thượng)	Dương Ký Châu	Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh	2018
36	Giáo trình 345 câu khẩu ngữ tiếng Hán tập 2	Trần Hiền Thuận	Đại học Quốc gia Hà Nội	2009
37	Giáo trình 345 câu khẩu ngữ tiếng Hán tập 3	Trần Hiền Thuận	Đại học Quốc gia Hà Nội	2014
38	Giáo trình 345 câu khẩu ngữ tiếng Hán tập 4	Trần Hiền Thuận	Đại học Quốc gia Hà Nội	2014
39	Toán cao cấp, tập 2	Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh và Nguyễn Hồ Quỳnh	NXB Giáo dục	2018
40	Toán cao cấp, tập 3	Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh và Nguyễn Hồ Quỳnh	NXB Giáo dục	2020
41	Toán cao cấp Giải tích hàm một biến, Lý thuyết chuỗi	Đỗ Công Khanh Nguyễn Minh Hằng Ngô Thu Lương	NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh	2010
42	Toán cao cấp Giải tích hàm nhiều biến, Phương trình vi phân	Đỗ Công Khanh, Nguyễn Minh Hằng, Ngô Thu Lương	NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh	2010
43	Tối ưu hóa	Nguyễn Hải Thanh	NXB Bách Khoa Hà Nội	2006
44	Tối ưu hoá quy hoạch tuyến tính và rời rạc	Nguyễn Đức Nghĩa	NXB Giáo dục	1998
45	Tối ưu hoá ứng dụng	Nguyễn Nhật Lệ	NXB KHKT Hà Nội	2001
46	Xác suất và thống kê	Đào Hữu Hồ	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2017

STT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
47	Mở đầu về lý thuyết xác suất và các ứng dụng	Đặng Hùng Thắng	NXB Giáo dục Việt Nam	2015
48	Xác suất thống kê	Nguyễn Ngọc Linh Mai Ngọc Diệu Nguyễn Tài Hoa	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2017
49	Hướng dẫn sử dụng Microsoft Office	Phạm Quang Huy Phạm Quang Huân	NXB Thanh niên	2020
50	Giáo trình tin học đại cương	Hàn Việt Thuận	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2009
51	Tự học nhanh Microsoft Office	Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Huân	NXB Thanh niên	2020
52	Rèn luyện kỹ năng nói, giao tiếp và thuyết trình cho cán bộ đoàn thanh niên	Trần Văn Trung	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2010
53	Kỹ năng quản trò & 325 trò chơi tập thể thanh thiếu niên	Trần Văn Trung	Thông tin, NXB Văn hóa Hà Nội	2009
54	8 kỹ năng mềm thiết yếu chìa khóa đến thành công	Trần Thượng Tuấn Nguyễn Minh Huy	NXB Lao động, Hà Nội	2017
55	7 thói quen của bạn trẻ thành đạt	Vũ Thị Thu Nhi Nguyễn Thành Nhân (dịch)	NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh	2020
56	Đàm phán với chính mình, 6 bước để trở thành người bạn tốt nhất của chính mình	Hải Yến (dịch)	NXB tổng hợp TP Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh	2019
57	Giáo trình bóng chuyền	Đình Văn Lãm	NXB TDTT, Hà Nội	2006
58	Luật bóng chuyền hơi	Tổng cục TDTT	NXB Thể thao và Du lịch, Hà Nội	2018
59	Luật bóng chuyền và bóng chuyền bãi biển	Tổng cục TDTT	NXB Thể thao và Du lịch Hà Nội	2013

STT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
60	Giáo trình bóng đá	Trần Đức Dũng	NXB TDTT, Hà Nội	2011
61	Luật bóng đá	Tổng cục TDTT	NXB Thể thao và Du lịch, Hà Nội	2013
62	Giáo trình khiêu vũ thể thao	Nguyễn Kim Quỳnh	NXB Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội	2019
63	Luật thi đấu môn Khiêu vũ thể thao	Tổng cục TDTT	NXB thể dục thể thao, Hà Nội	2015
64	Kỹ năng tổ chức các hoạt động công tác thanh thiếu niên	Phạm Đình Nghiệp, Lê Văn Cầu	NXB Thanh niên, Hà Nội.	2010
65	Kỹ năng quản trò & 325 trò chơi tập thể thanh thiếu niên	Trần Hoàng Trung	Thông tin, Hà N NXB Văn hóaội	2009
66	50 điều trường học không dạy bạn và 20 điều cần làm trước khi rời ghế nhà trường	Khuyên Trần (BTV Alpha Books)	NXB Khoa học xã hội, Hà Nội	2016
67	Cẩm nang việc làm bí quyết tìm việc thành công trong bối cảnh hội nhập	Tiêu Yến Trinh, Nguyễn Thị An Hà, Nguyễn Thị Quỳnh Phương	NXB Thanh niên, Hà Nội.	2016
68	Kỹ năng quản trò & 325 trò chơi tập thể thanh thiếu niên	Trần Hoàng Trung	NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội	2009
69	7 thói quen của bạn trẻ thành đạt	Vũ Thị Thu Nhi, Nguyễn Thành Nhân (dịch)	NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh	2020
70	8 kỹ năng mềm thiết yếu chìa khóa đến thành công	Trần Thượng Tuấn, Nguyễn Minh Huy	NXB Lao động, Hà Nội	2017
71	Tài liệu học tập Giáo dục quốc phòng - an ninh	Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ	2023

STT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
72	Giáo trình quốc phòng - An ninh Tập 1	Bộ giáo dục đào tạo -Bộ quốc phòng	NXB Giáo dục	2009
73	Giáo trình quốc phòng - An ninh Tập 2	Bộ giáo dục đào tạo -Bộ quốc phòng	NXB Giáo dục	2009
74	Giáo trình giáo dục quốc phòng - an ninh, tập 1	Bộ giáo dục đào tạo -Bộ quốc phòng	Lưu hành nội bộ	2013
75	Giáo trình giáo dục quốc phòng - an ninh, tập 2	Bộ giáo dục đào tạo -Bộ quốc phòng	Lưu hành nội bộ	2013
76	55 nguyên tắc ứng xử thiết yếu để thành công	Ron Clark	NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh	2019
77	Very Easy TOEIC introduction, 3 rd edition	Anne Taylor Garrett Byrne	Compass Publishing	2007
78	Big Step TOEIC 1	Kim Soyeong - Park Won	Nhà xuất bản tổng hợp TP Hồ Chí Minh	2008
79	Giáo trình chuẩn HSK 3	Khuong Lệ Bình	NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	2019
80	Giáo trình chuẩn HSK 3 – Sách bài tập	Khuong Lệ Bình	NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	2019
81	Giáo trình Hán ngữ (tập 1, hạ)	Dương Ký Châu	NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh	2019
82	Giáo trình Hán ngữ (tập 2, thượng)	Dương Ký Châu	NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh	2019
83	Giáo trình Hán ngữ (tập 2, hạ)	Dương Ký Châu	NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh	2019
84	Career paths Accounting	John Taylor Stephen Peltier	Express publishing	2012
85	Giáo trình Mạng máy tính	Phạm Thế Quế	NXB Thông tin và Truyền thông	2014

STT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
86	Cơ sở dữ liệu quan hệ và công nghệ phân tích thiết kế	Lê Văn Phùng	NXB Thông tin và truyền thông	2018
87	Kỹ thuật phân tích và thiết kế hệ thống thông tin hướng cấu trúc	Lê Văn Phùng	NXB Thông tin và truyền thông.	2017
88	Các mô hình cơ bản trong phân tích và thiết kế hướng đối tượng	Lê Văn Phùng	NXB Thông tin và truyền thông.	2018
89	Computer Hardware Maintenance	Mohammed Yousuf Uddin	Prince Sattam bin Abdulaziz University	2015
90	Thiết kế web	Thạc Bình Cường, Vũ Thị Hậu	NXB Giáo dục Việt Nam	2011
91	Giáo Trình C++ và lập trình hướng đối tượng	Phạm Văn Át, Lê Trường Thông	NXB Bách khoa Hà Nội	2021
92	Lập trình Python	Hoàng Thị An, Phạm Thị Hương, Hoàng Thị Ngát, Nguyễn Phúc Hậu, Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật	2025
93	Trí tuệ nhân tạo và Học sâu – Nguyên lý và Ứng dụng	Nguyễn Nhật Quang	NXB Thông tin và Truyền thông	2022
94	Học máy và Học sâu ứng dụng với Python	Trần Minh Quang	NXB Khoa học và Kỹ thuật	2021
95	Nhập môn Học sâu với TensorFlow và Keras	Đặng Thị Hòa	NXB Giáo dục Việt Nam	2020
96	Nhận dạng và xử lý ảnh	Hoàng Văn Dũng	NXB Khoa học và kỹ thuật	2018
97	Effective MLOps: Model	Jeremy Jordan	Manning	2024

STT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
	Development, Deployment, and Governance		Publications	
98	Learn Hadoop in 1 Day	Krishna Rungta	eBook	2019
99	Hadoop The Definitive Guide	Tom White	O' Reilly Media	2015
100	Phân tích dữ liệu lớn	Đỗ Phúc	NXB Đại học quốc gia TP.HCM	2019
101	Python for Data Analysis	McKinney, W	O' Reilly Media	2017
102	Lập trình cơ bản PHP và MySQL	Joel Murach, Ray Harris	NXB Bách khoa Hà Nội	2019
103	Lập trình nâng cao PHP và MySQL	Joel Murach, Ray Harris	NXB Bách khoa Hà Nội	2019
104	Đạo đức trí tuệ nhân tạo - nguyên tắc, thách thức và cơ hội	Luciano Floridi (tác giả), Lê Thị Thùy Linh, Bùi Thanh Vân (dịch)	NXB Chính Trị Quốc Gia	2024
105	Reinforcement Learning: An Introduction	Richard S. Sutton, Andrew G. Barto	MIT Press	2018
106	Điện toán đám mây	Huỳnh Quyết Thắng	NXB Bách Khoa Hà Nội	2020
107	Mạng cảm biến không dây trên nền kiến trúc IP	Phạm Việt Bình	NXB Khoa Học Kỹ Thuật	2012
108	Nhập môn Robot học	Nguyễn Văn Khang	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật	2018
109	Xử lý ảnh và thị giác máy tính	Phạm Văn Tiến	NXB Bách Khoa Hà Nội	2020
110	Recommender Systems: The Textbook	Charu C. Aggarwal	eBook	2016
111	Mastering Bitcoin:	Andreas M.	O'Reilly Media	2017

STT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
	Programming the Open Blockchain	Antonopoulos		
112	Blockchain: Blueprint for a New Economy	Melanie Swan	O'Reilly Media	2015
113	TinyML: Machine Learning with TensorFlow Lite on Arduino and Ultra- Low-Power Microcontrollers	Warden, P., & Situnayake	O'Reilly Media	2020
114	IoT for Beginners	Jen Fox, Jen Looper, Jim Bennett, Nitya Narasimhan	eBook	2021
115	Giáo trình kỹ thuật lập trình C (Căn bản và nâng cao)	Phạm Văn Ất	NXB Thông tin và truyền thông	2021
116	Toán rời rạc ứng dụng trong tin học	Đỗ Đức Giáo	NXB Giáo dục	2020
117	Toán rời rạc	Nguyễn Đức Nghĩa Nguyễn Tô Thành	NXB Đại học quốc gia Hà Nội	2009
118	Hướng dẫn giải bài tập Toán rời rạc	Đỗ Đức Giáo	NXB Giáo dục Việt Nam	2009
119	Cấu trúc dữ liệu và thuật toán	Nguyễn Đức Nghĩa	NXB Bách khoa Hà Nội	2021
120	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Đỗ Xuân Lôi	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2010
121	Cấu trúc dữ liệu, phân tích thuật toán và phát triển phần mềm	Hồ Thuần, Hồ Cẩm Hà, Trần Thiên Thành	NXB Giáo dục	2008
122	Cấu trúc dữ liệu và thuật toán	PGS.TS. Hoàng Nghĩa Tý	NXB Đại học kinh tế quốc dân	2018

STT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
123	Cơ sở dữ liệu quan hệ và công nghệ phân tích thiết kế	Lê Văn Phùng	NXB Thông tin & Truyền thông	2018
124	Giáo Trình C++ và lập trình hướng đối tượng	Phạm Văn Át Lê Trường Thông	NXB Bách Khoa Hà Nội	2021
125	Giáo trình thiết kế Web	Thạc Bình Cường	NXB Giáo dục	2011
126	Kỹ thuật phân tích và thiết kế hệ thống thông tin hướng cấu trúc	Lê Văn Phùng	NXB thông tin và truyền thông	2017
127	Các mô hình cơ bản trong phân tích và thiết kế hướng đối tượng	Lê Văn Phùng	NXB thông tin và truyền thông	2018
128	Microsoft SQL server 2008	Phạm Hữu Khang Phương Lan	NXB Lao động - Xã hội	2010
129	Lập trình cơ bản PHP và MYSQL	Joel Murach Ray Harris	NXB Bách Khoa	2016
130	Lập trình nâng cao PHP và MYSQL	Joel Murach Ray Harris	NXB Bách Khoa	2016
131	Cơ sở Công nghệ phần mềm	Lương Mạnh Bá	NXB Khoa học kỹ thuật	2018
132	Điện toán đám mây	Huỳnh Quyết Thắng	NXB Bách Khoa Hà Nội	2014
133	Xử lý ảnh số - lý thuyết và thực hành với matlab	Hồ Văn Sung	NXB Khoa học kỹ thuật	2009
134	Giáo trình Toán rời rạc	Hoàng Nhật Quy	NXB Thông tin và truyền thông	2010
135	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	Nguyễn Văn Ba	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2010
136	Kỹ thuật phân tích và thiết kế hệ thống thông tin hướng	TS. Lê Văn Phùng	NXB Thông tin và Truyền thông	2017

STT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
	cấu trúc			
137	Giáo trình nhập môn mạng máy tính	Hồ Đắc Phương	NXB Giáo Dục	2009
138	Python Cookbook	David Beazley, Brian K. Jones	O'Reilly Media 3rd ed	2013
139	Lập trình hướng đối tượng với C++	Lê Đăng Hưng, Tạ Tuấn Anh, Nguyễn Hữu Đức , Nguyễn Thanh Thủy	NXB khoa học và kỹ thuật	2009
140	Giáo Trình C++ và lập trình hướng đối tượng	Phạm Văn Ất Lê Trường Thông	NXB Bách Khoa Hà Nội	2017
141	Beginning C++ Programming	Richard Grimes	Packt Publishing	2017
142	Introducing Microsoft SQL Server 2019	Kellyn Gorman, Allan Hirt, Dave Noderer, James Rowland- Jones, Arun Sirpal, Dustin Ryan, and Buck Woody	Packt Publishing	2019
143	Giáo trình Lắp ráp và cài đặt máy tính	Tổng cục dạy nghề	Bộ lao động thương binh xã hội	2013
144	Deep Learning cơ bản	Nguyễn Thanh Tuấn	Ebook	2020
145	Elements of AI	Reaktor Education The University of Helsinki	Course online	2018
146	Sử dụng PHP và MySQL thiết kế web động	Nguyễn Trường Sinh	NXB Thống kê	2008

STT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
147	Mật mã an toàn thông tin	Trương Tiến Tùng	NXB Thông tin và Truyền thông	2011
148	Nhập môn xử lý ảnh số	Lương Mạnh Bá, Nguyễn Thanh Thủy	NXB khoa học và kỹ thuật	2007
149	Xử lý ảnh số lý thuyết và thực hành với Matlab	Hồ Văn Sung	NXB khoa học và kỹ thuật	2009
150	Nhận dạng và xử lý ảnh	Hoàng Văn Dũng	NXB khoa học và kỹ thuật	2018
151	OpenCV with Python By Example	Prateek Joshi	Packt Publishing	2015
152	Learn Hadoop in 1 Day	By Krishna Rungta	Design by Amandeep	2019
153	Internet-of-Things (IoT) Systems: Architectures, Algorithms, Methodologies	Dimitrios Serpanos & Marilyn Wolf	NXB Springer	2018

Như vậy, Trường ĐHSD có cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình đáp ứng được yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu theo yêu cầu của CTĐT ngành Công nghệ thông tin, đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất theo quy định của chuẩn CTĐT theo lĩnh vực, nhóm ngành, ngành đào tạo theo quy định hiện hành.

5.3. Học liệu

a. Học liệu hiện có tại trường Đại học Sao Đỏ

Website học trực tuyến tại trường Đại học Sao Đỏ được phát triển liên tục từ năm 2020 đến nay tại địa chỉ <https://Elearning.saodo.edu.vn>, egov.saodo.edu.vn.

Từ nhiều năm nay, một số học phần đã được Nhà trường cho phép tiến hành triển khai đào tạo trực tuyến hoặc kết hợp giữa đào tạo truyền thống và một phần trực tuyến. Chất lượng đào tạo của các học phần luôn được đảm bảo.

b. Kế hoạch xây dựng học liệu

Đã hoàn thành 28 bộ học liệu dùng cho các học phần của 2 năm đầu trong CTĐT từ xa ngành CNTT trình độ đại học (Bảng 14).

Kế hoạch xây dựng học liệu của các năm tiếp theo: bộ học liệu của các học phần được hoàn thành trước khi giảng dạy 01 tháng.

Học liệu của các ngành đào tạo theo phương thức từ xa được thiết kế dựa trên học liệu chuẩn của chương trình đào tạo hệ chính quy của Trường Đại học Sao Đỏ.

Để đảm bảo yêu cầu về học liệu ĐTTX theo quy định, Học liệu của các ngành đào tạo theo phương thức từ xa được thiết kế dựa trên học liệu chuẩn của chương trình đào tạo hệ chính quy của Trường Đại học Sao Đỏ. Tài liệu học tập, học liệu đào tạo từ xa có thể truyền tải trên mạng như một giáo trình điện tử. Học liệu của chương trình được sử dụng để hỗ trợ các giảng viên và người học dưới nhiều dạng khác nhau và được truyền tải trên nhiều phương tiện tùy theo nhu cầu của người học: sách, tài liệu in ấn, tài liệu đa phương tiện, USB, qua mạng, các thiết bị cầm tay,...

Học liệu cho người tự học được xây dựng theo tiêu chuẩn học liệu tự học và được phát triển thành học liệu đa phương tiện, nhằm mục đích hỗ trợ tối đa cho người học theo phương thức tự học là chính, và đảm bảo khả năng liên thông giữa các trường trong và ngoài nước. Việc lựa chọn xây dựng học liệu có sự tham gia của Phòng Đào tạo và Tuyển sinh, các Khoa, Bộ môn chuyên môn, các giảng viên đã được tập huấn về ĐTTX.

c. Bộ sản phẩm học liệu số cho các học phần trực tuyến

Bộ sản phẩm học liệu số cho các học phần trực tuyến bao gồm các mục sau:

- (1) Đề cương chi tiết học phần
- (2) Bộ Slide bài giảng toàn bộ học phần
- (3) Bộ video bài giảng
- (4) Bộ câu hỏi kết thúc học phần
- (5) Bộ tài liệu học tập, tài liệu tham khảo được số hóa (tài liệu dạng PDF, video...)

Bảng 14. Danh sách bộ học liệu điện tử dùng cho chương trình đào tạo từ xa trình độ đại học ngành CNTT

TT	Tên bộ học liệu	Dùng cho học phần	số TC	Bộ môn quản lý	Khoa quản lý
1	Triết học Mác - Lênin	Triết học Mác – Lênin	3	Giáo dục chính trị	Luật&GDĐC
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	“	“
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	“	“
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	“	“
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	“	“
6	Pháp luật đại cương	Pháp luật đại cương	2	“	“
7	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	3	“	“
8	Đại số tuyến tính	Đại số tuyến tính	2	Khoa học tự nhiên	“
9	Giải tích	Giải tích	2	“	“
10	Xác suất và thống kê	Xác suất và thống kê	3	“	“
11	Vật lý đại cương và	Vật lý đại cương và	4	“	

TT	Tên bộ học liệu	Dùng cho học phần	số TC	Bộ môn quản lý	Khoa quản lý
	ứng dụng	ứng dụng			
12	Tiếng Anh 1	Tiếng Anh 1	2	Tiếng Anh	DLNN
13	Tiếng Anh 2	Tiếng Anh 2	3	Tiếng Anh	“
14	Tiếng Anh 3	Tiếng Anh 3		Tiếng Anh	
15	Tiếng Trung Quốc 1	Tiếng Trung Quốc 1	2	Tiếng Trung	“
16	Tiếng Trung Quốc 2	Tiếng Trung Quốc 2	3	Tiếng Trung	“
17	Tiếng Trung Quốc 3	Tiếng Trung Quốc 3		Tiếng Trung	
18	Tin học cơ bản	Tin học cơ bản	3	CNTT	CNTT
19	Ứng dụng công nghệ số và AI	Ứng dụng công nghệ số và AI	2	CNTT	CNTT
20	Toán rời rạc	Toán rời rạc	2	CNTT	CNTT
21	Lập trình C	Lập trình C	3	CNTT	CNTT
22	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	CNTT	CNTT
23	Nguyên lý hệ điều hành	Nguyên lý hệ điều hành	2	CNTT	CNTT
24	Mạng máy tính	Mạng máy tính	3	CNTT	CNTT
25	Cơ sở dữ liệu	Cơ sở dữ liệu	2	CNTT	CNTT
26	Thiết kế Web	Thiết kế Web	3	CNTT	CNTT
27	Lập trình C++	Lập trình C++	3	CNTT	CNTT
28	Phân tích và thiết kế hệ thống	Phân tích và thiết kế hệ thống	4	CNTT	CNTT

6. ĐIỀU KIỆN VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ ĐÀO TẠO TỪ XA TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

6.1. Đơn vị chuyên môn quản lý đào tạo

Trong cơ cấu tổ chức, Trường Đại học Sao Đỏ đã có đơn vị chuyên môn cấp phòng/khoa để quản lý các hoạt động chuyên môn, giảng viên, người học và các nhiệm vụ quản lý khác đối với CTĐT từ xa trình độ đại học ngành CNTT dự kiến đào tạo, cụ thể:

- Đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý các CTĐT của Trường ĐHSĐ là Phòng Đào tạo và tuyển sinh và Phòng Quản lý chất lượng. Các đơn vị này có chức năng, nhiệm vụ tham mưu lãnh đạo Nhà trường thực hiện công tác định hướng, xây dựng và phát triển ngành nghề đào tạo, kế hoạch đào tạo, quy định và quy trình đào tạo, công tác tổ chức giảng dạy, biên soạn giáo trình, công tác kiểm tra, đánh giá, xét tốt nghiệp, cấp phát văn bằng và chứng chỉ.

- Đơn vị quản lý chương trình đào tạo từ xa trình độ đại học ngành CNTT dự kiến đào tạo là Khoa CNTT với 25 năm kinh nghiệm giảng dạy 2 ngành học là CNTT và Trí tuệ nhân tạo và các học phần trong CTĐT các ngành của Trường đang đào tạo.

6.2. Tổ phụ trách hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin

Nhằm bảo đảm điều kiện triển khai hiệu quả chương trình đào tạo từ xa trình độ

đại học ngành Công nghệ thông tin, khoa Công nghệ thông tin đã đề xuất với Ban lãnh đạo Trường Đại học Sao Đỏ xây dựng và bố trí bộ phận chuyên trách về hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin phục vụ đào tạo trực tuyến, cụ thể:

- Nhà trường giao phòng Đào tạo và tuyển sinh làm đầu mối quản lý, vận hành và phát triển hạ tầng công nghệ phục vụ đào tạo từ xa. Đơn vị này có chức năng tham mưu, triển khai và đảm bảo toàn bộ hệ thống kỹ thuật phục vụ hoạt động dạy và học trực tuyến.

+ Thành lập nhóm kỹ thuật hỗ trợ đào tạo từ xa, bao gồm các cán bộ có chuyên môn về mạng máy tính, hệ thống thông tin và phần mềm, có nhiệm vụ:

+ Quản trị, vận hành hệ thống máy chủ, hệ thống quản lý học tập (LMS), hệ thống thi trực tuyến và các nền tảng hỗ trợ giảng dạy từ xa;

+ Đảm bảo an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu và sao lưu hệ thống định kỳ;

+ Hỗ trợ giảng viên và người học trong quá trình sử dụng các hệ thống đào tạo trực tuyến;

+ Phối hợp với Khoa Công nghệ thông tin và các đơn vị liên quan trong việc triển khai học liệu số, bài giảng điện tử và các công cụ dạy học trực tuyến;

+ Thực hiện giám sát, đánh giá hiệu năng hệ thống và đề xuất nâng cấp hạ tầng đáp ứng quy mô đào tạo.

- Hạ tầng kỹ thuật được đầu tư đồng bộ, bao gồm hệ thống máy chủ, đường truyền Internet tốc độ cao, phần mềm quản lý đào tạo trực tuyến và các giải pháp công nghệ đảm bảo khả năng truy cập ổn định, liên tục cho người học ở nhiều khu vực khác nhau.

Việc tổ chức bộ phận chuyên trách và đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin nêu trên đảm bảo đáp ứng yêu cầu tổ chức đào tạo từ xa theo quy định hiện hành, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo của Nhà trường.

6.3. Cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở

Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo Công nghệ thông tin gồm các thành viên sau (Bảng 15):

Bảng 15. Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với chương trình ĐTTX ngành CNTT dự kiến

STT	Họ và tên	Trình độ Đào tạo	Chức vụ	Ghi chú
1	Phạm Văn Kiên	Thạc sĩ	Phó trưởng khoa Phụ trách khoa	Quản lý chung
2	Vũ Bảo Tạo	Thạc sĩ	Phó trưởng khoa/ Trưởng Bộ môn	Cán bộ quản lý Bộ môn CNTT

7. PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP ĐỀ PHÒNG, NGĂN NGỪA, XỬ LÝ RỦI RO

7.1. Bối cảnh triển khai các hoạt động của Nhà trường

- Quy định pháp lý và mức độ ảnh hưởng đến các hoạt động của Nhà trường

Trường Đại học Sao Đỏ là cơ sở giáo dục đại học công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, trực thuộc Bộ Công Thương, chịu sự lãnh đạo quản lý trực tiếp của Bộ Công Thương, đồng thời chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục đào tạo của BGDĐT. Chức năng và nhiệm vụ chính của Nhà trường là tổ chức đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, NCKH, áp dụng tiến bộ KHCN phục vụ phát triển kinh tế xã hội và phục vụ cộng đồng.

Nhà trường có đội ngũ cán bộ, giảng viên có năng lực tốt, trình độ chuyên môn cao, nhiệt tình trong công tác. Nhà trường có hệ thống phòng học lý thuyết, trung tâm thực hành, thực nghiệm, các phòng thí nghiệm hiện đại, có nhiều trang thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Đây là lợi thế để Nhà trường thực hiện nhiệm vụ và phát triển theo tầm nhìn, sứ mạng, triết lý giáo dục và giá trị cốt lõi đã đề ra.

- Những thách thức chính mà Nhà trường gặp phải và kế hoạch để khắc phục những thách thức đó

Bên cạnh những thuận lợi, Nhà trường còn gặp một số khó khăn, thách thức: Công tác tuyển sinh có sự cạnh tranh gay gắt; các nguồn lực của Nhà trường còn có những hạn chế do nguồn ngân sách cấp để đầu tư cho nguồn lực ngày càng ít; trình độ phát triển KHCN và yêu cầu về chất lượng nguồn nhân lực của xã hội ngày càng cao, Nhà trường không ngừng nỗ lực đầu tư trọng tâm, trọng điểm về đội ngũ, cơ sở vật chất, trang thiết bị để đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực chất lượng cao.

Để phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn, Nhà trường đã và đang thực hiện đồng bộ những giải pháp chủ chốt như: Đa dạng hoá phương thức tuyển sinh, tăng cường các nguồn lực thông qua hoạt động NCKH, chuyển giao công nghệ và hợp tác với doanh nghiệp trong và ngoài nước. Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới, đầu tư CSVC, trang thiết bị trọng tâm, trọng điểm, khai thác hiệu quả các nguồn lực để phát triển Nhà trường.

Việc mở CTĐT từ xa trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin góp phần mở rộng quy mô, tận dụng các nguồn lực sẵn có của Nhà trường, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phù hợp với nhu cầu xã hội.

- Một số điểm mạnh và cơ hội của Nhà trường

Trường Đại học Sao Đỏ là Trường công lập trực thuộc Bộ Công Thương, với truyền thống 57 năm đào tạo có uy tín, được xã hội và các nhà sử dụng lao động tin nhiệm. Nhà trường triển khai đào tạo theo định hướng ứng dụng với phương châm học đi đôi với hành, lấy kiến cơ bản làm nền tảng, kiến thức mở rộng là cần thiết, kiến thức ứng dụng là quan trọng, gắn quá trình đào tạo, NCKH, chuyển giao công nghệ với doanh nghiệp. Nhà trường có các phòng học lý thuyết, trung tâm thực hành, thực nghiệm đều được trang bị đầy đủ phương tiện, thiết bị dạy học hiện đại, tiên tiến, 100% được lắp đặt hệ thống điều hòa; Nhà trường có hệ thống đào tạo trực tuyến được tích

hợp với hệ thống quản lý đào tạo của Nhà trường, hàng năm được nâng cấp để đáp ứng nhu cầu quản lý, tổ chức đào tạo từ xa của Nhà trường. Nhà trường thường xuyên rà soát, cập nhật CTĐT theo sự phát triển của KHCCN, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội.

Nhà trường được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục chu kỳ 2; có 09 CTĐT trình độ đại học được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng BGDĐT ban hành. Hoạt động NCKH có nhiều thành tích cao. Với truyền thống 57 năm xây dựng và phát triển, Nhà trường đã cung cấp cho thị trường lao động trên 40 nghìn kỹ sư, cử nhân, cán bộ kỹ thuật trình độ cao góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương, khu vực và đất nước. Để không ngừng phát triển, Nhà trường tiếp tục khai thác các thế mạnh sẵn có không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng; hoàn thành tốt nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước mà Đảng, Nhà nước giao.

Với thế mạnh về đội ngũ giảng viên với 25 năm kinh nghiệm trong đào tạo ngành CNTT và CSVC phục vụ dạy và học từ xa của Nhà trường; nhu cầu phát triển nguồn nhân lực ngành Công nghệ thông tin tại địa phương và trong cả nước. Việc mở đào tạo từ xa ngành Công nghệ thông tin sẽ khai thác tốt những điểm mạnh và những cơ hội hiện có đáp ứng yêu cầu phát triển KT - XH hiện nay.

7.2. Dự báo các rủi ro và các giải pháp xử lý rủi ro khi mở ngành

Như phân tích kết quả khảo sát nhu cầu nguồn lực ngành Công nghệ thông tin dự kiến đào tạo từ xa ở phần trên và các điều kiện đào tạo từ xa. CTĐT từ xa Ngành Công nghệ thông tin của Trường Đại học Sao Đỏ trình độ đại học đáp ứng các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo theo quy định và nhu cầu thực tiễn của xã hội. Tuy nhiên một số rủi ro có thể xảy ra sau khi triển khai tuyển sinh và tổ chức đào tạo cần phải dự báo để có giải pháp phòng ngừa và xử lý nếu xảy ra như sau:

- Trường hợp tuyển sinh không đủ chỉ tiêu hoặc tuyển sinh quá ít không đủ điều kiện để mở lớp

Kết quả khảo sát thực tế đã trình bày ở phần trên cho thấy, nhu cầu nhân lực ngành Công nghệ thông tin là rất lớn nên rủi ro không tuyển sinh được là rất thấp. Tuy nhiên:

+ Trong trường hợp không tuyển sinh được, Nhà trường/Khoa sẽ tăng cường thêm công tác truyền thông trực tiếp và gián tiếp qua các nền tảng số để tiếp cận người học, cung cấp thông tin tuyển sinh cũng như tư vấn về xu thế phát triển ngành, nhu cầu và cơ hội của ngành đào tạo,... Bên cạnh đó tiếp cận nhà tuyển dụng để cập nhật yêu cầu, khảo sát lại nhu cầu xã hội.

+ Trong trường hợp tuyển sinh quá ít không đủ điều kiện mở lớp, Nhà trường/Khoa sẽ tăng cường liên kết với đơn vị sử dụng lao động để thu hút người học, luôn định kỳ đánh giá các điều kiện bảo đảm chất lượng và thu hút người học.

- Sự cạnh tranh trong tuyển sinh đối với CTĐT từ xa ngành Công nghệ thông tin dự kiến đào tạo từ xa

Để nâng cao chất lượng đào tạo và uy tín, vị thế của trường đối với xã hội, Khoa CNTT Trường Đại học Sao Đỏ định kỳ khảo sát nhu cầu thực tiễn của người sử dụng lao động, chuyên gia để kịp thời điều chỉnh, cập nhật CTĐT, bộ học liệu, cải tiến quy trình đào tạo, tăng cường cơ sở vật chất phù hợp với sự phát triển của Khoa học công nghệ, qua đó tạo sự cạnh tranh về chất lượng và thương hiệu đối với các cơ sở đào tạo khác.

Đẩy mạnh công tác tuyển sinh, giới thiệu việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp. Nâng cao hiệu quả hoạt động truyền thông tư vấn tuyển sinh bằng nhiều hình thức, phương tiện khác nhau. Nâng cao trách nhiệm của từng cá nhân sinh viên, từng giảng viên, các đơn vị quản lý trong hoạt động tư vấn tuyển sinh.

- Sinh viên bỏ học, thực hiện không đảm bảo tiến độ học tập

Hỗ trợ thường xuyên và kịp thời cho người học. Giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập định hướng, theo dõi tình hình học tập của từng sinh viên, tạo nhiều kênh thông tin liên lạc để kịp thời nắm bắt các nguyên nhân sinh viên bỏ học để có phương án hỗ trợ.

Sau mỗi kỳ học, giáo viên chủ nhiệm, Khoa thống kê tình trạng học tập, tình hình nợ học phần, các điều kiện học tiếp của sinh viên... kịp thời thông báo, trao đổi với sinh viên và tìm ra các nguyên nhân và hướng khắc phục, hỗ trợ.

Thiết kế CTĐT, kế hoạch giảng dạy phù hợp với người học. Bồi dưỡng giảng viên giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, linh hoạt trong các hình thức và phương pháp giảng dạy nhằm thu hút và tạo hứng thú học tập cho sinh viên.

Nhà trường xây dựng các chính sách, quy định về mặt quản lý và thủ tục hành chính đơn giản, thuận tiện. Có những chính sách hỗ trợ, động viên, khen thưởng đối với sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, sinh viên có kết quả học tập tốt,...

Trường và các đơn vị đào tạo tổ chức các hội nghị về đào tạo và tìm hiểu nguyên nhân người học tốt nghiệp chậm tiến độ để có các giải pháp điều chỉnh phù hợp.

Đối với các trường hợp sinh viên bỏ học do việc lựa chọn ngành học chưa phù hợp với sở thích, năng lực bản thân cần làm tốt công tác tư vấn tuyển sinh để người học tiềm năng dự kiến và chọn lựa đúng ngành học phù hợp.

Trường hợp sinh viên không theo kịp tiến độ đào tạo do chưa nỗ lực trong học tập, nghiên cứu, các giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập cần định hướng, nhắc nhở kế hoạch học tập, hỗ trợ điều chỉnh kế hoạch học tập để người học có thể hoàn thành chương trình học ở mỗi học kỳ.

- Rủi ro về thiếu đội ngũ giảng viên thực hiện CTĐT từ xa ngành CNTT

Hiện tại Trường Đại học Sao Đỏ đủ điều kiện đáp ứng về đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy chương trình ĐTTX ngành Công nghệ thông tin. Tuy nhiên, hằng năm Nhà trường/Khoa có chiến lược và kế hoạch phát triển đội ngũ, chú ý đến công tác tuyển dụng, có chính sách thu hút giảng viên để đảm bảo tính kế cận đội ngũ. Bên cạnh

đó, Nhà trường có chính sách hỗ trợ, chế độ đãi ngộ và động viên phù hợp để giữ chân giảng viên, đặc biệt các giảng viên có trình độ chuyên môn cao.

- Rủi ro về thị trường lao động

Rủi ro về thị trường lao động đối với ngành Công nghệ thông tin thể hiện ở sự biến động nhanh chóng của công nghệ và yêu cầu kỹ năng ngày càng cao từ phía doanh nghiệp. Sự phát triển mạnh mẽ của các lĩnh vực như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây (Cloud Computing), an ninh mạng (Cybersecurity) có thể khiến một số kiến thức, kỹ năng truyền thống nhanh chóng trở nên lạc hậu nếu không được cập nhật kịp thời. Bên cạnh đó, xu hướng tự động hóa và sử dụng các công cụ lập trình hỗ trợ bởi AI có thể làm giảm nhu cầu đối với các vị trí lập trình viên trình độ cơ bản hoặc các công việc mang tính lặp lại.

Ngoài ra, sự cạnh tranh trên thị trường lao động ngày càng gay gắt, không chỉ giữa các ứng viên trong nước mà còn với nguồn nhân lực quốc tế, đòi hỏi người học phải có trình độ chuyên môn vững vàng, kỹ năng thực hành tốt, khả năng ngoại ngữ và kỹ năng mềm. Nếu chương trình đào tạo không theo kịp xu thế phát triển công nghệ và nhu cầu doanh nghiệp, sinh viên tốt nghiệp có thể gặp khó khăn trong việc tìm kiếm việc làm phù hợp.

Giải pháp xử lý tình huống rủi ro về thị trường lao động như cần khảo sát định kỳ nhu cầu của các nhà tuyển dụng để cập nhật CTĐT bảo đảm về kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu của các nhà tuyển dụng.

Mặt khác, luôn giữ mối quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp để giới thiệu việc làm, giới thiệu nguồn nhân lực làm việc trong lĩnh vực CNTT.

- Rủi ro về bảo mật thông tin

Nhà trường sẽ triển khai đồng bộ các giải pháp về bảo mật, giám sát và theo dõi quá trình học tập trong đào tạo từ xa, đồng thời xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố và đánh giá rủi ro một cách thường xuyên. Cụ thể, cần ban hành chính sách bảo mật rõ ràng đối với giảng viên làm việc từ xa, bao gồm việc sử dụng mật khẩu mạnh, cập nhật phần mềm định kỳ; đảm bảo an toàn hệ thống mạng, kiểm soát truy cập Internet, áp dụng các giải pháp bảo mật thiết bị đầu cuối, mã hóa dữ liệu nhạy cảm và thực hiện sao lưu dữ liệu thường xuyên.

Bên cạnh đó, nhà trường tổ chức đào tạo nâng cao nhận thức về an toàn thông tin, kiểm soát chặt chẽ quyền truy cập vào hệ thống đào tạo, sử dụng các công cụ theo dõi như báo cáo hoạt động, nhật ký học tập và kết quả kiểm tra để giám sát tiến độ học tập; đồng thời chuẩn bị các phương án xử lý sự cố, thường xuyên đánh giá rủi ro và cập nhật kịp thời các mối đe dọa bảo mật nhằm đảm bảo an toàn, ổn định cho toàn bộ hệ thống đào tạo từ xa.

7.3. Giải pháp và phương án ngăn ngừa xử lý rủi ro trong trường hợp bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo

Các nguyên nhân có thể xảy ra rủi ro bị đình chỉ hoạt động đào tạo như không đáp ứng được điều kiện về đội ngũ thực hiện CTĐT từ xa, không đáp ứng về điều kiện

cơ sở vật chất hoặc do nhiều năm không tuyển sinh được chương trình đào tạo từ xa ngành Công nghệ thông tin dự kiến đào tạo.

Trong trường hợp này, một số phương án, giải pháp cụ thể để bảo vệ quyền lợi cho người học, giảng viên, Nhà trường và các bên liên quan, cụ thể như sau:

- Đối với giảng viên, trong trường hợp buộc phải đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo, Nhà trường cần có kế hoạch, thông báo để cho giảng viên có sự chủ động trong sắp xếp công việc, hoặc tạo điều kiện cho giảng viên có cơ hội tham gia các lớp đào tạo/đào tạo lại các lĩnh vực chuyên môn gần để giảng viên có thể có sự chuyển đổi khi cần thiết.

- Đối với người học, Nhà trường liên hệ với các cơ sở đào tạo có cùng mã ngành đào tạo Công nghệ thông tin để gửi người học tham gia tiếp quá trình học tập, rà soát các ngành cùng trình độ đang đào tạo tại trường, lựa chọn các ngành cùng nhóm mà học viên đảm bảo đáp ứng đầu vào để tư vấn chuyển ngành cho người học, hoặc chuyển trường cho người học theo nguyện vọng.

8. TỰ ĐÁNH GIÁ

Đề án đào tạo từ xa trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin, mã ngành: 7480201 đã được xây dựng đáp ứng các tiêu chí theo thông tư số 28/2023/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của BGDĐT, theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trường Đại học Sao Đỏ cam kết triển khai và thực hiện đầy đủ các nội dung trong đề án, bảo đảm chất lượng đào tạo từ xa ngành Công nghệ thông tin trình độ đại học theo các quy định hiện hành, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho địa phương và đất nước./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu;
- Đăng website trường;
- Lưu: VT, ĐT&TS, CNTT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Đỗ Văn Đỉnh